



Ký bởi Trung tâm Thông tin
Văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh, Tỉnh Sơn La
Giờ ký: 2024-01-30T10:37:23.4879028+07:00



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 05 + 06

Ngày 10 tháng 01 năm 2024

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

UBND TỈNH

19/12/2023	Quyết định của UBND tỉnh số 38/2023/QĐ-UBND về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng.	2
19/12/2023	Quyết định của UBND tỉnh số 39/2023/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo Đề án đào tạo cán bộ của Tỉnh ủy Sơn La giai đoạn 2015 - 2020	5
20/12/2023	Quyết định của UBND tỉnh số 40/2023/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sơn La	6

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/2023/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 19 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BXD ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 468/TTr-SXD ngày 05 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí, chức năng của Sở Xây dựng

1. Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về: Quy hoạch xây dựng; kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật; nhà ở; công sở; thị trường bất động sản; vật liệu xây dựng; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và theo phân cấp hoặc ủy quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và theo quy định của pháp luật.

2. Sở Xây dựng có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của UBND tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Xây dựng

Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Xây dựng: Thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 03/2022/TT-BXD, ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng

1. Lãnh đạo Sở gồm: Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc.

a) Giám đốc Sở Xây dựng là người đứng đầu Sở Xây dựng, là Ủy viên UBND tỉnh, chịu trách nhiệm trước UBND, Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Sở Xây dựng và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác được giao.

b) Phó Giám đốc Sở Xây dựng là người giúp Giám đốc Sở phụ trách, chỉ đạo một số mặt công tác của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc Sở; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy quyền điều hành các hoạt động của Sở Xây dựng.

2. Các đơn vị tham mưu tổng hợp, phòng chuyên môn thuộc Sở Xây dựng

a) Văn phòng;

b) Thanh tra;

c) Phòng Quy hoạch, Kiến trúc và Phát triển đô thị;

d) Phòng Quản lý xây dựng;

đ) Phòng Kinh tế xây dựng, Hạ tầng kỹ thuật;

e) Phòng Giám định xây dựng.

3. Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Xây dựng

a) Trung tâm Quy hoạch xây dựng;

b) Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng.

4. Giám đốc Sở Xây dựng có trách nhiệm ban hành văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác giữa các đơn vị tham mưu tổng hợp, phòng chuyên môn theo quy định của pháp luật. Căn cứ các quy định của pháp luật, Giám đốc Sở ban hành quy chế làm việc của Sở Xây dựng và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Quy chế đó.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024, thay thế Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nội vụ, Xây dựng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Xây dựng;
- Như Điều 5;
- Sở Tư pháp;
- LĐ VPUBND tỉnh, phòng KT, TH, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, NC, Hiệp(05b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39/2023/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 19 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo Đề án đào tạo cán bộ của Tỉnh ủy Sơn La giai đoạn 2015 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT- BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 826/TTr-SNV ngày 06 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo Đề án đào tạo cán bộ của Tỉnh ủy Sơn La giai đoạn 2015 - 2020.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Cục kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP UBND tỉnh, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, NC, Hiệp(05b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40/2023/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 20 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn

một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh về việc thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 384/TTr-STC ngày 26 tháng 11 năm 2023; Ý kiến tán thành của các đồng chí thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng cho các vị trí, tuyến đường, loại đất trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2024, như sau:

1. Đất nông nghiệp

a) Đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác:

- Đối với các xã tại phụ biểu số 01 kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh:

+ Huyện Mộc Châu: Hệ số điều chỉnh giá đất đối với đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nông nghiệp khác bằng 1,3 lần; đối với đất nuôi trồng thủy sản bằng 1,2 lần.

+ Thành phố, huyện Thuận Châu: Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,2 lần.

+ Các huyện còn lại: Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,1 lần.

- Đối với các xã tại phụ biểu số 02 kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh: Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,1 lần.

- Đối với các xã tại phụ biểu số 03 kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh: Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần.

b) Đất rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng: Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần.

c) Đối với đất nông nghiệp trong phạm vi khu dân cư thị trấn, khu dân cư nông thôn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt và đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường: Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần.

2. Đất ở: Hệ số điều chỉnh giá đất ở tại đô thị và đất ở tại nông thôn: Chi tiết theo phụ lục từ số I đến phụ lục số XIII kèm theo Quyết định này.

3. Đất thương mại, dịch vụ tại đô thị và tại nông thôn; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (*không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị và tại nông thôn; đất khu công nghiệp và đất cụm công nghiệp*): Hệ số điều chỉnh giá đất bằng hệ số điều chỉnh giá đất ở tại đô thị hoặc tại nông thôn liền kề theo từng vùng, từng tuyến đường, từng vị trí đã quy định tại Khoản 2, Điều này.

4. Đất khu công nghiệp và đất cụm công nghiệp: Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Sơn La; Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội;
- UB MTTQ và các đoàn thể tỉnh (p/h);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục KSTTHC-VPCP;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng UBND tỉnh (LĐ,TH);
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH (Đức Anh).

(B/c)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Đặng Ngọc Hậu

Phụ lục I

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ VÀ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN THÀNH PHỐ SƠN LA

(Kèm theo Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh)

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ					
1	Đường Lò Văn Giá					
-	Đoạn từ ngã tư UBND thành phố đến ngõ số 17 (cổng chào nhà văn hóa tổ 2 phường Chiềng Lè)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngõ số 17 (cổng chào nhà văn hóa tổ 2 phường Chiềng Lè) đến hết Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La đến đầu cầu bản Cá	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Đường Hoa Ban					
-	Từ ngã tư UBND thành phố đến cổng UBND thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Đường Lê Thái Tông					
-	Từ giao nhau với đường Lò Văn Giá đến hết đường Lê Thái Tông (giao nhau với đường Tô Hiệu)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Đường Chu Văn Thịnh					
-	Đoạn từ ngã tư UBND thành phố đến Cầu Nậm La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Cầu Nậm La đến ngã ba đường rẽ vào Sở Giáo dục và Đào tạo	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đường rẽ vào Sở Giáo dục và Đào tạo đến hết đất Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Sơn La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết đất Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Sơn La đến ngã tư Cầu Trắng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Đường Thanh Niên					
-	Đoạn từ ngã ba giao nhau với đường Chu Văn Thịnh đến hết Sở Giáo dục và Đào tạo	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến hết trường THPT Tô Hiệu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Đường Tô Hiệu					
-	Đoạn từ ngã tư UBND thành phố đến hết số nhà 183 (Ngõ rẽ từ đường Tô Hiệu đến đường Lê Thái Tông)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết số nhà 183 đến ngõ số 5 Tô Hiệu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ ngõ số 05 Tô Hiệu (trung tâm văn hóa tỉnh Sơn La) đến hết toàn án nhân dân tỉnh Sơn La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đến hết đất chi nhánh ngân hàng nông nghiệp	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết đất chi nhánh ngân hàng Nông Nghiệp đến ngã tư Tô Hiệu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Đường Cách mạng tháng tám					
-	Đoạn từ ngã tư công an phòng cháy chữa cháy đến hết số nhà 57	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết số nhà 57 đến ngã ba giao với đường Chu Văn Thịnh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
8	Đường Ngô Quyền					
-	Từ ngã ba giao đường Chu Văn Thịnh đến ngã ba giao đường Tô Hiệu (Ngân hàng đầu tư và phát triển đường cầu treo dây văng)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
9	Đường Điện Biên					
-	Đoạn từ ngã tư cầu trắng đến Cầu Trắng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ cầu Trắng đến hết số nhà 2 (Bảo hiểm viễn đông)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết số nhà 2 (Bảo hiểm Viễn Đông) đến ngã ba giao nhau với đường Nguyễn Văn Linh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba giao nhau với đường Nguyễn Văn Linh đến hết nhà văn hóa tổ 9 phường Tô Hiệu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết nhà văn hóa tổ 9 phường Tô Hiệu đến hết ngã ba Khí tượng (ngã ba Két nước)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba Khí tượng (ngã ba Két nước) đến hết số nhà 158 (giáp vườn hoa Tổ 10, phường Chiềng Lè)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất số nhà 158 đến ngã ba bản Hìn (giao với đường Quốc lộ 6 cũ)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
10	Đường Nguyễn Văn Linh					
-	Từ ngã ba giao nhau với đường Điện Biên đến cổng Tỉnh ủy	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ cổng Tỉnh ủy đến hết cổng thoát nước bản Coóng Nội	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
11	Đường Lê Thanh Nghị					
-	Từ ngã ba giao đường Điện Biên (Quốc lộ 6) vào đến hết Trường mầm non Tô Hiệu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ hết trường mầm non Tô Hiệu đến đường Điện Biên (Quán Thế kỷ mới)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
12	Đường Khau Cả					
-	Từ ngã tư Góc phượng đến hết tuyến đường (giao với đường Điện Biên)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
13	Phố Khau Cả					
-	Đường từ ngã ba Két nước đến hết Khách sạn Hoa Đào	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
14	Đường Trường Chinh					
-	Đoạn từ ngã tư cầu Trắng đến đường rẽ vào Hoàng Quốc Việt	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường rẽ vào đường Hoàng Quốc Việt đến ngã tư Quyết Thắng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
15	Đường Hoàng Quốc Việt					
-	Đoạn từ ngã ba giao với đường Trường Chinh đến ngã tư bản Mé Ban phường Chiềng Cơi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
16	Đường Nguyễn Lương Bằng					
-	Đoạn từ ngã tư cầu Trắng đến đường rẽ vào phố Giảng Lắc	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường rẽ vào phố Giảng Lắc đến ngã tư chợ 7/11	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư chợ 7/11 đến ngõ số 204 đường rẽ vào Đài Truyền hình tỉnh Sơn La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngõ số 204 đường rẽ vào đài truyền hình tỉnh Sơn La đến ngã tư Quyết Thắng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
17	Phố Giảng Lắc					
-	Từ ngã ba giao nhau với đường Trường Chinh đến ngã ba giao nhau với đường Nguyễn Lương Bằng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
18	Đường 3/2					
-	Đoạn từ ngã ba giao nhau với đường Trường Chinh đến ngã tư chợ 7/11	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã tư chợ 7/11 đến hết số nhà 179	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết số nhà 179 đến hết diện tích Sơn La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
19	Phố Hai Bà Trưng					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ ngã ba giao nhau với phố Giảng Lắc đến ngã ba giao nhau với đường 3/2	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
20	Đường Lê Đức Thọ					
-	Từ giao nhau với đường 3/2 đến hết UBND phường Quyết Thắng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết UBND Phường Quyết Thắng đến hết dốc đá Huổi Hin (hết địa phận phường Quyết Thắng)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
21	Phố Xuân Thuỷ					
-	Đường xung quanh chợ Rạng Téch đến hết nhà văn hóa Tổ 10 phường Chiềng Lè	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết nhà văn hóa tổ 10 phường Chiềng Lè đến ngõ số 28	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngõ số 4 đến hết số nhà 29	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết số nhà 29 tới hết tuyến	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
22	Phố Lê Lợi					
-	Đoạn ngã ba giao đường Chu Văn Thịnh đến hết nhà văn hóa tổ 15	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
23	Phố Trần Hưng Đạo + Phố Lý Tự Trọng					
-	Các tuyến đường có độ rộng mặt đường trên 5,5m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các tuyến đường có độ rộng mặt đường từ 2,5m đến 5,5m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các tuyến đường còn lại có độ rộng mặt đường dưới 2,5m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
24	Đường Nguyễn Trãi					
-	Đường từ cây xăng Tinh đội đến hết số nhà 79 Đường Nguyễn Trãi (doanh nghiệp Tùng Lộc)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết số nhà 79 Đường Nguyễn Trãi (doanh nghiệp Tùng Lộc) đến hết trường Tiểu học Quyết Thắng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết trường Tiểu học Quyết Thắng đến ngã ba bãi đá đô thị cũ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
25	Phố Mai Đắc Bân					
-	Từ ngã ba giao đường Nguyễn Lương Bằng đến ngã ba giao đường 3/2	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
26	Đường Trần Đăng Ninh					
-	Đoạn từ ngã tư Quyết Thắng đến ngõ số 07 đường rẽ vào Tiểu đoàn 1 (K4)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ đường rẽ vào Tiểu đoàn 1 (K4) đến hết UBND phường Quyết Tâm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Đoạn từ hết UBND phường Quyết Tâm đến ngã ba đường rẽ vào đường Chu Văn An nhánh 2	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ ngã ba đường rẽ vào đường Chu Văn An nhánh 2 đến hết đường Trần Đăng Ninh (ngã ba giao đường Chu Văn An nhánh 1)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
27	Đường Lê Duẩn					
-	Đoạn từ đầu đường Chu Văn An nhánh 1 đến hết Hạng 10 (cũ) số nhà 42 và đoạn từ cửa hàng xăng dầu số 3 Bó Ân đến hết Viện quân Y 6	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết Hạng 10 (cũ) số nhà 42 đến hết cửa hàng xăng dầu số 3 Bó Ân	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết Viện Quân y 6 đến hết đất trường trung học cơ sở Chiềng Sinh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết đất trường trung học cơ sở Chiềng Sinh đến hết đất cửa hàng xăng dầu số 14	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết đất cây xăng 14 đến đường rẽ vào cổng nhà văn hóa tổ 5 phường Chiềng Sinh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ cổng đường vào nhà văn hóa tổ 5 đến ngã ba đường Lê Quý Đôn giao đường Lê Duẩn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba đường Lê Quý Đôn giao đường Lê Duẩn (hết trụ sở cơ sở 2 Công an tỉnh) đến hết địa phận thành phố (đến ngã 3 Trại Ong)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
28	Đường Hoàng Văn Thụ					
-	Từ ngã ba giao nhau với đường Trần Đăng Ninh đến ngã ba đường rẽ vào trường Mầm non Bế Văn Đàn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba đường rẽ vào trường mầm non Bế Văn Đàn đến hết đất Trường chính trị tỉnh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất trường Chính trị tỉnh đến ngã ba rẽ vào bản Nam	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
29	Đường Nguyễn Chí Thanh					
-	Từ ngã ba giao đường Trần Đăng Ninh (Quốc lộ 6) đến hết đất trường tiểu học Quyết Tâm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
30	Đường Nguyễn Thị Minh Khai					
-	Từ ngã 3 Trường Mầm non Bế Văn Đàn đến hết đất nhà văn hóa tổ 5 phường Quyết Tâm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất nhà văn hóa tổ 5 phường Quyết Tâm đến các tuyến đường trong khu dân cư tổ 5 phường Quyết Tâm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
31	Đường Chu Văn An					
-	Từ ngã ba giao đường Lê Duẩn (Quốc lộ 6) đến ngã ba Trường Đại học Tây Bắc (nhánh 1)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ đường Trần Đăng Ninh (đối diện Nhà văn hóa tổ 3 phường Quyết Tâm) đến ngã ba đường quy hoạch vào Trường đại học Tây Bắc (nhánh 2)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn giao nhau nhánh 1 và nhánh 2	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
32	Đường Trần Phú					
-	Từ ngã tư cơ khí đi hết địa phận phường Chiềng Sinh theo hướng đi Ca Láp - Chiềng Ngần đến giữa dốc	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
33	Đường Lê Trọng Tấn					
-	Ngã ba Lê Duẩn (Quốc lộ 6) đến chân dốc Noong Đức	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
34	Đường Nguyễn Du					
-	Từ ngã ba giao đường Lê Đức Thọ tổ 11 đến hết Công ty cổ phần in và bao bì Sơn La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ Công ty Cổ phần In và Bao bì đến cổng Thao trường Thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
35	Đường Ngô Gia Khảm					
-	Đường từ đầu bản Cá (đường Quốc lộ 279D) đến cổng đường vào bản Cá	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ cổng bản cá đường rẽ vào bản Cá đến hết đất số nhà 70 - trụ sở Doanh nghiệp Phương Thao (hết địa phận Phường Chiềng An)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
36	Đường Văn Tiến Dũng					
-	Đoạn từ cổng thoát nước Nà Coóng đến hết địa phận khu đô thị Pôt Nọi phường Chiềng Cơi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ hết địa phận khu đô thị Pôt Nọi đến hết địa phận phường Chiềng Cơi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
37	Đường Lê Quý Đôn					
-	Đoạn từ Ngã ba giao đường Lê Duẩn (Quốc lộ 6 mới) đến nhà Phiến Phường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ nhà Phiến Hường đến hết địa phận thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
38	Đường Hùng Vương					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ ngã ba đường Lê Duẩn rẽ đường Hùng Vương (Trại trẻ mồ côi cũ) đến hết số nhà 58	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết số nhà 58 đến ngõ 216 (Cổng chào nhà văn hóa tổ 7 phường Chiềng Sinh)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngõ số 216 (cổng chào nhà văn hóa tổ 7 phường Chiềng Sinh) đến hết số nhà 344	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết số nhà 344 đến hết địa phận phường Chiềng Sinh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
39	Tuyến đường Chiềng Sinh					
-	Đoạn giao đường Lê Duẩn đến cổng Nhà máy Xi măng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn giao đường Lê Duẩn đến cổng Nhà máy gạch Tuynel	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đất trong phạm vi Nhà máy gạch Tuynel và Nhà máy Xi măng	1,0	1,0	1,0		
40	Đường Bản Bó					
-	Đường bản Bó (từ giao đường Lò Văn Giá đến cổng nước Bản Bó)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
41	Đường Bản Cọ					
-	Đoạn từ giao đường Lò Văn Giá đến Cầu bản Cọ	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ cầu bản Cọ đến Mỏ nước bản Cọ	1,0	1,0	1,0	1,0	
42	Các đường nhánh					
-	Từ hết Sở Giáo dục và Đào tạo đến hết đất trung tâm hướng nghiệp dạy nghề	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Ngã ba giao với đường Chu Văn Thịnh đến cổng trường mẫu giáo tư thục Ban Mai (đường bản Hẹ)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các nhánh đường thuộc quy hoạch đường Thanh niên và Chợ Trung tâm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các đường nhánh từ đường Lê Thái Tông sang đường Lò Văn Giá và đường Tô Hiệu (thuộc địa phận tổ 2, tổ 7 phường Chiềng Lè)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn đường đằng sau Công ty điện lực (từ nhà văn hóa tổ 10) đến ngã 3 giao đường Lê Đức Thọ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ đường Trần Đăng Ninh đến hết Cục Thú y	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn đường Chi cục Thú y đến hết Trại lợn cũ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ Trại lợn cũ đến hết địa phận bản Là, phường Chiềng Cơi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ cuối đường 13 m khu quy hoạch Lam Sơn đến đường bản Cọ	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ Mỏ nước bản Cọ đến ngã ba giao với Tiểu đoàn Cơ động tỉnh Sơn La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường hai bên chợ Trung tâm vào khu dân cư tổ 11, tổ 12 phường Chiềng Lê (hết địa phận chợ)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba Công ty Cổ phần In và Bao bì đến đỉnh dốc	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất Công ty Điện Lực Sơn La đến cổng trường tiểu học Quyết Thắng	1,0				
-	Từ khu quy hoạch Ao Quảng Pa đến ngã ba giao đường Nguyễn Trãi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ cống nước tổ 4 phường Chiềng An đến hết các tuyến đường trong bản Bó	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Tuyến đường từ đường Lò Văn Giá vào đến cổng nhà máy nước	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ giao đường Lê Duẩn (Quốc lộ 6) qua bản Hẹo phường Chiềng Sinh đến bản Phường xã Chiềng Ngần	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường trục chính tổ 3 (Đoạn từ đường Trần Đăng Ninh tổ 10, phường Quyết Tâm đi hết địa phận Tổ 3, phường Chiềng Cơi)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các đường nhánh trong khu dân cư bản Cọ (đường Bê tông)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các đường nhánh trong khu dân cư bản Cọ (Đường đất, các loại đường không đạt đường bê tông, đường nhựa)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã tư Mé Ban sang bản Là phường Chiềng Cơi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường trong bản Bó Phứa Cón đường bê tông rộng trên 2,5 m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường trong bản Bó Phứa Cón đường bê tông rộng dưới 2,5 m	1,0	1,0	1,0		
43	Đường nhánh trong khu quy hoạch					
43.1	Lô số 3a, kè suối Nậm La					
-	Đường quy hoạch từ 18m đến 18,5m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 13m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 10,5m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 8,0m	1,0	1,0			
43.2	Khu quy hoạch 4a, kè suối Nậm La					
-	Đường quy hoạch 18,5 m	1,0	1,0			

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Đường quy hoạch 10,5 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 5,5 m	1,0	1,0			
43.3	Lô số 4b, Kè suối Nậm La					
-	Đường quy hoạch 18m	1,1	1,0	1,0	1,0	
-	Đường quy hoạch 15,5m	1,1	1,0			
-	Đường quy hoạch 10,5m đến 11,5m	1,1				
-	Đường quy hoạch 8,5m đến 9,5m	1,1				
-	Đường quy hoạch 5m đến 5,5m	1,1				
43.4	Lô số 4c, Kè suối Nậm La					
-	Đường quy hoạch 11,5m	1,0				
-	Đường quy hoạch 9,5m	1,0				
-	Đường quy hoạch 5m	1,0				
43.5	Khu dân cư thương mại suối Nậm La - Lô số 5					
-	Đường quy hoạch từ 18m đến 18,5m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch từ 13m đến 13,5m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 11,5m	1,0	1,0			
43.6	Lô số 6b, Kè suối Nậm La					
-	Đường quy hoạch 25m trở lên	1,1				
-	Đường quy hoạch 16,5m	1,1				
-	Đường quy hoạch 13,5m	1,1				
-	Đường quy hoạch 11,5m	1,1	1,0			
-	Đường quy hoạch 10,5m	1,1				
43.7	Khu đô thị phường Chiềng An (lô số 6, 7 dọc suối Nậm La)					
-	Đường quy hoạch 25m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch 20,5m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch từ 18m đến 18,5m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch từ 16,5m đến 17,5m	1,0	1,0	1,0		

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Đường quy hoạch 13m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch từ 10,5m đến 11,5m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch 7m đến 7,5m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch 5,5m	1,0	1,0	1,0		
43.8	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dọc suối Nậm La (đoạn Chiềng Cơi - Chiềng Xôm), thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (khu vực Hồ Tuổi trẻ)					
-	Đường quy hoạch rộng 25,0m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 18,0m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 17,5m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 12,0m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 9,5m	1,0				
43.9	Quy hoạch chi tiết xây đô thị tỷ lệ 1/500 dọc suối Nậm La (đoạn Chiềng Cơi - Chiềng Xôm) thành phố Sơn La (khu đất trụ sở Sở Y tế, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Chi cục Kiểm Lâm tỉnh) để xây dựng khu dân cư mới tổ 3 phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La					
-	Đường quy hoạch rộng từ 7,5m trở lên	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng từ 4,0m đến 4,5m	1,0	1,0			
43.10	Khu quy hoạch dân cư tổ 12 phường Chiềng Lề (khu quy hoạch Lam Sơn)					
-	Đường quy hoạch 20m	1,0				
-	Đường quy hoạch 12 m đến dưới 13,5m	1,0				
-	Đường quy hoạch 10 m đến dưới 12 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 9,0m	1,0				
-	Đường quy hoạch 5,5m	1,0				
43.11	Khu quy hoạch dân cư Đồi Châu, tổ 9, phường Chiềng Lề					
-	Đường quy hoạch rộng 7,5 m: Đoạn từ giáp đường Tô Hiệu đến đường quy hoạch 5,0 m giáp với nhà văn hóa tổ 9 cũ, phường Chiềng Lề (trừ vị trí của đường Tô Hiệu)	1,0	1,0			

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Đoạn còn lại của đường quy hoạch 7,5 m.	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 6,5 m (trừ vị trí 1 đường Tô Hiệu)	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 5,0 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch từ 3,0 m đến dưới 4,5 m (đường đổ bê tông hoặc rải nhựa)	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch dưới 2,5 m (đường đổ bê tông hoặc rải nhựa)	1,0	1,0			
43.12	Khu quy hoạch dân cư tổ 3 phường Chiềng Lề					
-	Đường quy hoạch từ 5m đến 7,5m	1,0				
43.13	Khu dân cư tổ 8 phường Tô Hiệu					
-	Đường quy hoạch 21 m	1,0				
-	Đường quy hoạch từ 11,5 m trở lên	1,0				
-	Đường quy hoạch 09 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 07 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 5,5 m	1,0				
43.14	Khu quy hoạch dân cư tổ 8, phường Tô Hiệu (trường Tiểu học Tô Hiệu cũ)					
-	Đường quy hoạch từ 7,0 m đến 7,5 m	1,0				
43.15	Khu quy hoạch dân cư tổ 8, phường Tô Hiệu (cạnh nhà khách UBND tỉnh)					
-	Đường quy hoạch rộng từ 5,0 m đến dưới 8,5 m.	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 4,5 m.	1,0				
43.16	Khu dân cư tổ 3, phường Quyết Thắng (khu Tỉnh đội bàn giao)					
-	Đường quy hoạch từ 07 m trở lên	1,0				
-	Đường quy hoạch 05 m đến dưới 7m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng từ 2,5m đến dưới 5m	1,0				
43.17	Khu dân cư tổ 2, Đại Thắng phường Quyết Tâm					
-	Đường quy hoạch trên 21 m	1,0				
-	Đường quy hoạch trên 13,5 m	1,0				

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Đường quy hoạch trên 11,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch trên 9,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch trên 7,5 m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch 5,5 m	1,0	1,0	1,0		
43.18	Khu tái định cư 1,3 ha dân cư bản Giăng Lắc - Quyết Thắng					
-	Đường quy hoạch từ 16,5 m trở lên	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường quy hoạch 13m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường quy hoạch từ 9m đến 10,5m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường quy hoạch từ 5,5m đến 7,5 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
43.19	Khu quy hoạch tổ 8 phường Quyết Thắng (Vật liệu xây dựng I)					
-	Đường quy hoạch 5,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 4,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 4 m	1,0				
43.20	Khu quy hoạch chợ 7/11					
-	Đường quy hoạch 4,5 m	1,0				
43.21	Khu dân cư mới phường Quyết Thắng (khu tái cư số 1)					
-	Đường quy hoạch rộng 16,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 13,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 13,0 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 11,5 m	1,0				
43.22	Khu quy hoạch dân cư Sang Luông, tổ 14, phường Quyết Thắng					
-	Đường quy hoạch 16,5m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường quy hoạch 9,0m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường quy hoạch 7,5 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường quy hoạch 6 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường quy hoạch dưới 6m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
43.23	Khu dân cư trực đường Nguyễn Văn Linh (bản Chậu phường Chiềng Cơi)					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Đường quy hoạch rộng trên 16,5m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 11,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 9,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 5,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng dưới 5,5m	1,0				
43.24	Khu dân cư tổ 13, Phường Quyết Thắng (UBND Phường Quyết Thắng)					
-	Đường quy hoạch rộng 11,5m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 9,5m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 7,5 m.	1,0	1,0			
43.25	Đường quy hoạch khu dân cư mới tổ 5, Phường Quyết Tâm					
-	Đường quy hoạch rộng từ 10 -11,5m	1,0	1,0			
43.26	Khu dân cư tổ 6, Phường Quyết Tâm					
-	Đường quy hoạch rộng từ 7,5m trở lên	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 5,5m đến dưới 7,5m	1,0				
43.27	Khu quy hoạch dân cư VINCOM, tổ 3, phường Quyết Thắng					
-	Đường quy hoạch 15,0 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 13,0 m	1,0	1,0			
43.28	Khu quy hoạch dân cư tổ 4, phường Quyết Tâm					
-	Đường quy hoạch rộng 5m	1,0	1,0	1,0	1,0	
43.29	Khu dân cư Tổ 8, phường Chiềng Sinh (khu quy hoạch tái định cư Noong Đức cũ)					
-	Đường quy hoạch 21 m trở lên	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường quy hoạch từ 15,5m đến 16,5m	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường quy hoạch 13,5 m	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường quy hoạch từ 5,0 m trở lên	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
43.30	Khu quy hoạch tổ 2 phường Chiềng Sinh					
-	Đường quy hoạch 15 m	1,0				

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
	Đường quy hoạch trên 15 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 7,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch dưới 7,5 m	1,0				
43.31	Khu quy hoạch tổ 3 phường Chiềng Sinh (giáp trạm điện 110KV)					
-	Đường quy hoạch 12 m trở lên	1,0				
-	Đường quy hoạch từ 7,5 m trở xuống	1,0				
-	Đường quy hoạch 10,7m	1,0				
-	Các đường nhánh trong khu vực dân cư có chiều rộng từ 2,5m đến 5m xe con vào được	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
43.32	Khu dân cư bản Bó Phường Chiềng An (cạnh Trụ sở Chiềng An)					
-	Đường quy hoạch 10 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 05 m	1,0				
43.33	Khu tái định cư Trường Đại học Tây Bắc					
-	Đường quy hoạch 30 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 11 m	1,0				
43.34	Khu quy hoạch dân cư phía Đông và Tây Nam Trung tâm Bến xe khách Sơn La					
-	Đường quy hoạch 15,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 13,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 10,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 9,5 m	1,0				
43.35	Khu QH dân cư bản Buồn, phường Chiềng Cơi (doanh nghiệp Trường Sơn)					
-	Đường quy hoạch 25 m	1,1				
-	Đường quy hoạch 16,5m	1,0				
-	Đường quy hoạch 13 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 10,5m	1,0				
-	Đường quy hoạch 9,5 m	1,0				

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Đường quy hoạch 7,5m	1,0				
43.36	Khu dân cư bản Hẹo Phung, phường Chiềng Sinh					
-	Đường quy hoạch 30m trở lên	1,0				
-	Đường quy hoạch 12 m đến 13,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 10,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch từ 7,5 m trở xuống	1,0				
43.37	Khu dân cư tổ 5, Phường Chiềng Sinh					
-	Đường quy hoạch rộng 13,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 7,5 m	1,0				
43.38	Khu dân cư và dịch vụ ngã tư Cơ Khí, phường Chiềng Sinh					
-	Đường quy hoạch 25 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 16,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 13,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 11,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 7,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 5,5 m	1,0				
-	Các đường nhánh có mặt đường rộng từ 2,5 m đến dưới 5 m (Đường đổ bê tông hoặc đường nhựa dải nhựa)	1,0	1,0	1,0		
-	Các đường nhánh có mặt đường rộng từ 2,5 m đến dưới 5 m (Đường đất xe công nông, xe con vào được)	1,0	1,0	1,0		
43.39	Khu dân cư bản Cọ phường Chiềng An (trục đường từ Công ty TNHH nhà nước MTV môi trường đô thị Sơn La đến Trung tâm phòng chống HIV)					
-	Đường quy hoạch từ 10,5m trở lên	1,0				
43.40	Khu quy hoạch chợ, dân cư bản Hải, Phường Chiềng An					
-	Đường quy hoạch 20,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch rộng 13 m.	1,0				
-	Đường quy hoạch 9,5 m	1,0				

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
43.41	Khu quy hoạch dân cư Trung tâm hành chính - Văn hóa Phật giáo Sơn La					
-	Đường quy hoạch rộng 16,5 m.	1,1				
-	Đường quy hoạch rộng 9,5 m.	1,1				
-	Đường quy hoạch rộng từ 7m đến 7,5 m.	1,1				
43.42	Khu tái định cư bệnh viện đa khoa 550 giường tỉnh Sơn La					
-	Đường quy hoạch 16,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 10,5 m	1,0				
43.43	Khu tái định cư trường Trung cấp Luật Tây Bắc, phường Chiềng Sinh					
-	Đường quy hoạch 21 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 16,5m	1,0				
-	Đường quy hoạch 13,5m	1,0				
-	Đường quy hoạch 9,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 7,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 5,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 4 m	1,0				
43.44	Khu đô thị số 1 phường Chiềng Sinh					
-	Đường quy hoạch 16,5m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch 13m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch 11,5m	1,0	1,0	1,0		
43.45	Khu dân cư tại tổ 5, (khu vực Trạm truyền dẫn sóng phát thanh cũ), phường Chiềng Sinh					
-	Đường quy hoạch từ 20,5m đến 21m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch 16,5m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch 13m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch từ 10,5m đến 11,5m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch 7m	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch 5,5m	1,0	1,0	1,0		

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
43.46	Khu dân cư bản Mé Ban phường Chiềng Cơi					
-	Đường quy hoạch 16,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 9,0 m	1,0				
43.47	Khu quy hoạch tái định cư số 2 phường Chiềng Cơi					
-	Đường quy hoạch rộng từ 11,5 m trở lên	1,0				
43.48	Khu dân cư bản Cọ phường Chiềng An (sau chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam)					
-	Đường quy hoạch 13m	1,0	1,0	1,0	1,0	
43.49	Khu quy hoạch công viên 26-10					
-	Đường quy hoạch 17 m trở lên	1,0				
-	Đường quy hoạch 9 m	1,0				
43.50	Đường giao thông 2A, 2B, 2C khu quy hoạch dân cư OC-1 và OC-4					
-	Đường quy hoạch 38 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 9 m	1,0	1,0			
43.51	Khu dân cư mới đường Chu Văn An, thành phố Sơn La					
-	Đường quy hoạch 30 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 11,5 m	1,0				
43.52	Đoạn từ ngã ba mai Sơn (giao đường Hùng Vương) đến hết địa phận thành phố theo hướng đi huyện Sông Mã (trừ các tuyến đường đã quy định giá ở)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
43.53	Từ ngã ba hướng đi bản Khoang đến khu vực quy hoạch nghĩa trang nhân dân thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
43.54	Khu dân cư bản Mé Ban phường Chiềng Cơi (khu đất thu hồi của Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng)					
-	Đường quy hoạch 16,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 11,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 8,0 m	1,0				
43.55	Khu quy hoạch dân cư hạ tầng 1A					
-	Tuyến đường rộng 31m	1,1	1,1			

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Tuyến đường rộng 18,5m	1,1	1,1			
-	Tuyến đường rộng 13m đến 15m	1,1	1,1			
-	Tuyến đường rộng 10m đến 11,5m	1,1	1,0			
-	Tuyến đường rộng 7,5m đến 9,5m	1,1	1,0			
44	Các khu quy hoạch bổ sung chưa có mặt bằng					
44.1	Quy hoạch khu dân cư bản Có phường Chiềng Sinh					
-	Đường quy hoạch 20,5 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 16,5 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 13,5 m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch 3,0 m	1,0	1,0			
44.2	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm Hành chính - Chính trị thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La					
-	Đường quy hoạch rộng 45,0m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 21,0m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng từ 16,5m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng từ 12,0m	1,0	1,0			
44.3	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu vực từ Công ty cổ phần thực phẩm Sơn La đến Khu dân cư bản Buôn phường Chiềng Cơi gần với suối thoát lũ từ phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La					
-	Đường quy hoạch rộng 13,5m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 10,5m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng từ 7,5m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng từ 3,0 đến 3,5m	1,0	1,0			
44.4	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư bản Noong La, Phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La					
-	Đường quy hoạch rộng 16,5m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 11,5m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 8,5m	1,0	1,0			

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
44.5	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư và dịch vụ bản Cang, phường Chiềng Sinh					
-	Đường quy hoạch rộng 16,5m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 13,5m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 11,5m	1,0	1,0			
44.6	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư tổ 12, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La (khu đất thu hồi của công ty cổ phần xây dựng II)					
-	Đường quy hoạch rộng từ 13,0m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 9,5m	1,0	1,0			
-	Đường quy hoạch rộng 3,0 đến 4,5m	1,0	1,0			
44.7	Các tuyến đường trong khu dân cư tổ 5, phường Chiềng Sinh					
-	Đường quy hoạch rộng lớn hơn bằng 12 m	1,0				
-	Đường quy hoạch lớn hơn bằng 5 m và nhỏ hơn 12 m	1,0				
-	Đường quy hoạch nhỏ hơn 5 m	1,0				
44.8	Tuyến đường 1A khu quảng trường	1,0				
44.9	Đường dọc kè suối Nậm La (bờ kè bên phải) hướng nhìn từ cầu 308 đến cầu B trường tiểu học Ngọc Linh	1,0				
44.10	Từ DNTN Thanh Hà đến hết đất Hợp tác xã Nậm La	1,0				
44.11	Điểm dân cư thuộc quy hoạch khu tái định cư số 01, bản Buôn, phường Chiềng Cơi					
-	Tuyến đường rộng 15 m	1,0				
-	Tuyến đường rộng 9 m	1,0				
-	Tuyến đường rộng 7 m	1,0				
44.12	Khu đô thị bản Buôn phường Chiềng Cơi (do Công ty cổ phần An Phú Sơn La chủ đầu tư thực hiện dự án)					
-	Tuyến đường 25 m	1,0				
-	Tuyến đường 15 m	1,0				
-	Tuyến đường 13 m	1,0				

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Tuyến đường 10,5 m	1,0				
-	Tuyến đường 5,5 m	1,0				
44.13	Từ ngã tư đường Hoàng Quốc Việt đến hết đất Bệnh viện Cuộc Sống					
-	Tuyến đường 25 m	1,0				
44.14	Từ ngã ba đường Hoàng Quốc Việt - Bản Buôn - Trần Đăng Ninh đến khu đô thị bản Buôn, bản Mé (Kim Sơn) (Tuyến đường 16,5 m)	1,0				
44.15	Điểm dân cư thuộc quy hoạch khu tái định cư số 02 bản Mé, phường Chiềng Cơi					
-	Tuyến đường 16,5 m	1,0				
-	Tuyến đường 11,0 m	1,0				
-	Tuyến đường 10,5 m	1,0				
-	Tuyến đường 9,5 m	1,0				
44.16	Đường từ ngã tư đường Hoàng Quốc Việt đi trụ sở HĐND-UBND tỉnh đến đường Nguyễn Văn Linh	1,0	1,0	1,0		
44.17	Đường từ ngã tư bản Mé Ban qua cầu Coóng Nọi đến đường Nguyễn Văn Linh	1,0	1,0	1,0		
44.18	Đường từ ngã tư bản Mé Ban đến khu dân cư Mé Ban (khu đất thu hồi của Công ty Cổ phần Nhôm Sông Hồng) (tuyến đường rộng 16,5m)	1,0				
44.19	Từ ngã tư Công ty TNHH Sông La đến Hạ tầng khu dân cư lô số 1A (Quy hoạch khu đô thị phía Tây Nam thành phố)	1,0				
44.20	Đường 31m bờ bên phải nhìn từ Cầu Coóng Nọi đến Hạ tầng khu dân cư lô số 1A (Quy hoạch khu đô thị phía Tây Nam thành phố)	1,0				
44.21	Điểm khu dân cư mới tổ 1, phường Chiềng Cơi					
-	Đường quy hoạch 5,5 m	1,1	1,1			
44.22	Khu dân cư mới Coóng Nọi, phường Chiềng Cơi					
-	Đường quy hoạch 5,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 2,5 m	1,0				
44.23	Các đường nhánh					
-	Từ hết đất trường mầm non Đại Thắng đến nhánh đường Chu Văn An	1,0				

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Sơn La đến hết đất trung tâm Quan trắc TNMT	1,0	1,0			
44.24	Đường Lê Hiến Mai (đọc kè suối giáp khu đô thị số 1), phường Chiềng An					
-	Đường quy hoạch 18 m	1,0				
44.25	Đường Song Hào (đọc kè suối Giáp bản Cọ và bản Hải), phường Chiềng An					
-	Đường quy hoạch 11,5 m	1,0				
44.26	Đường nhánh khu dân cư bản Phứa Cón, phường Chiềng An					
-	Đường cấp phối, đường đất rộng trên 2,5 m	1,0	1,0			
-	Đường cấp phối, đường đất rộng dưới 2,5 m	1,0	1,0			
44.27	Đường Phố Xuân Thủy					
-	Đoạn từ ngã ba giao giữa đường phố Xuân Thủy với ngõ số 28 đến hết tuyến đường phố Xuân Thủy	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
44.28	Đường dọc kè suối Nậm La (bờ bên phải) hướng nhìn từ cầu 308 đến cầu Nậm La					
-	Tuyến đường rộng 11,5 m	1,0				
-	Tuyến đường rộng 7,5 m	1,0				
45	Các tuyến đường nội thị còn lại trên địa bàn thành phố					
45.1	Các đường nhánh có mặt đường rộng từ 2,5 m trở lên nội thành phố (đường đổ bê tông hoặc đường nhựa dải nhựa)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
45.2	Các đường nhánh có mặt đường rộng dưới 2,5m trở xuống nội thành phố (đường đổ bê tông hoặc dải nhựa)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
45.3	Các đường nhánh có mặt đường rộng từ 2,5 m trở lên nội thành phố (đường đất, đường lát gạch, đường vữa xi măng, đường chưa đủ điều kiện là đường bê tông xe công nông, xe con vào được)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
45.4	Các đường nhánh có mặt đường rộng dưới 2,5m trở xuống nội thành phố (đường đất, đường lát gạch, đường vữa xi măng, đường chưa đủ điều kiện là đường bê tông)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
46	Các tuyến đường bổ sung năm 2023					
-	Từ Km 291 + 160 m giáp địa phận xã Chiềng Mung đến km 291 + 935 m tổ 17 phường Chiềng Sinh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ Km 292 + 410 m giáp địa phận xã Chiềng Mung huyện Mai Sơn đến Km 293 + 470 thuộc tổ 7 phường Chiềng Sinh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ Km 295 + 860 m giáp địa phận xã Chiềng ban huyện Mai Sơn đến Km 297 giáp địa phận xã Hua La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ Km 297 + 860m giáp địa phận xã Hua La đến Km 298 + 800m giáp địa phận phường Chiềng Cơi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ kè suối Nậm La đến ngã ba bãi đá đô thị cũ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ Km 298 + 800m hướng đi Thuận Châu hết địa phận phường Chiềng Cơi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất hạ tầng khu dân cư số 1A (khu quy hoạch đô thị phía Tây Nam thành phố) đường 31m đến ngã tư giao với đường Văn Tiến Dũng	1,0	1,0			
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN					
I	Đường Văn Tiến Dũng					
-	Đoạn từ hết địa phận phường Chiềng Cơi đến cổng trụ sở UBND xã Hua La (trừ 100m đi 2 hướng từ đầu nút giao ngã 5 (Đường 31m, đường tránh Quốc lộ 6, đường Văn Tiến Dũng))	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ tiếp cổng trụ sở UBND xã Hua La đến hết nhà văn hóa bản Mòng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
II	Các tuyến đường thuộc xã Hua La					
-	Nút giao ngã 5 (đường 31m, đường Quốc lộ 6, đường Văn Tiến Dũng) đi các hướng 100m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Nút giao ngã 5 (đường 31m, đường Quốc lộ 6, đường Văn Tiến Dũng) hướng đi Thuận Châu đến hết bản Lụa xã Hua La giáp địa phận xã Chiềng Cọ (trừ mục I ghi trên)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Nút giao ngã 5 (đường 31m, đường Quốc lộ 6, đường Văn Tiến Dũng) hướng đi thành phố đường 31m đến ngã tư giao với đường Văn Tiến Dũng (hết địa phận xã Hua La (trừ mục I ghi trên)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Nút giao ngã 5 (đường 31m, đường Quốc lộ 6, đường Văn Tiến Dũng) hướng đi Mai Sơn đến hết bản Hịa xã Hua La (trừ mục I ghi trên)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ Km 297 hướng đi huyện Thuận Châu đến Km 297 + 860 m giáp địa phận phường Chiềng Sinh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
III	Các tuyến đường thuộc xã Chiềng Cọ					
1	Đường trục xã cũ (<i>Hướng đi huyện Mai Sơn</i>)					
-	Từ đầu đường Quốc lộ 6 (Chợ đầu mối) theo hướng đường trục xã cũ đến ngã ba giao với đường tránh Quốc lộ 6 (<i>đến đất nhà ông Quàng Văn Phúc</i>)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ nhà ông Quàng Văn Chính theo hướng đường trục xã cũ đến đất rừng ma (<i>giao ngã ba đường tránh Quốc lộ 6</i>)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã rẽ vào trường Tiểu học Chiềng Cọ theo hướng đường trục xã cũ đến ngã ba đi các bản Ót Luông, Ót Nọi, bản Giầu, bản Ngoại, bản Hùn.	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Đường tránh Quốc lộ 6 (<i>hướng đi huyện Mai Sơn</i>)					
-	Từ đầu đường Quốc lộ 6 (Chợ đầu mối) dọc đường tránh Quốc lộ 6 đến ngã ba giao với đường trục xã cũ (<i>đến đất nhà ông Quàng Văn Phúc</i>)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba giao với đường trục xã cũ (<i>đến đất nhà ông Quàng Văn Phúc</i>) dọc đường tránh Quốc lộ 6 đến ngã ba rẽ vào trường Tiểu học Chiềng Cọ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba rẽ vào trường Tiểu học Chiềng Cọ đến hết địa phận xã Chiềng Cọ giáp đất bản Lụa xã Hua La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	Đường Ngô Gia Khảm					
-	Từ hết đất số nhà 70 - trụ sở Doanh nghiệp Phương Thao (hết địa phận Phường Chiềng An) đến hết cầu bản Panh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
V	Quốc lộ 279D					
-	Từ hết cầu bản Panh đến chân dốc Cao Pha	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VI	Đường Điện Biên					
-	Từ ngã ba bản Hìn (giao với Quốc lộ 6 cũ) đến hết địa phận thành phố	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VII	Xã Chiềng Ngần					
1	Đường Nguyễn Văn Cừ					
-	Từ dốc đá Huổi Hìn đến đường rẽ vào trường Tiểu học Chiềng Ngần A (bản Híp)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Đoạn từ đường rẽ vào trường tiểu học Chiềng Ngần A (bản Híp) đến ngã ba UBND xã Chiềng Ngần	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Đường Lê Hồng Phong					
-	Từ ngã ba UBND xã đến ngã tư bản Ca Láp	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ ngã tư Ca Láp đến hết sân tập trường lái	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ ngã ba UBND xã đến ngã ba bản Phiêng Pát	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Ngã ba chợ Phiêng Pát phạm vi 200 m đi 3 hướng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Đoạn từ ngã ba giao đường Chu Văn An đến chân dốc tiếp giáp với bản Khoang	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Các đường nhánh còn lại thuộc bản Dừn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
8	Từ ngã tư bản Ca Láp đi hết cổng trường Trung cấp Văn hoá Nghệ thuật	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
9	Khu quy hoạch dân cư trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật	1,0				
10	Đường Trần Phú					
-	Từ ngã tư bản Ca Láp đi hết địa phận xã Chiềng Ngần đến (đỉnh dốc), theo hướng đi bản Thẳm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
11	Các tuyến đường thuộc xã Chiềng Ngần					
-	Từ sân tập trường lái rẽ đi bản Kềm qua bản Ổ, bản Muông đến hết bản Nà Lo	1,0	1,0			
-	Ngã ba chợ Phiêng Pát từ 201 m trở đi 3 hướng	1,0	1,0			
-	Đường từ bản Híp sang bản Nong La, đường lên nhà máy xử lý rác thải rắn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường từ bản híp sang hết địa phận bản Khoang	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
12	Đường từ chân dốc bản Pát đi vào hết bản Púng					
-	Đường bê tông rộng trên 2,5 m	1,0	1,0			
-	Đường bê tông rộng dưới 2,5 m	1,0	1,0			
13	Các đường nhánh, đường ngõ từ bản Kềm, bản Ổ, bản Muông, bản Nà Lo					
-	Đường bê tông rộng trên 2,5 m	1,0	1,0			
-	Đường bê tông rộng dưới 2,5 m	1,0	1,0			

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
VI	Trung tâm các xã					
1	Đất khu vực trung tâm cụm dân cư (Trung tâm các bản), các ngã ba, ngã tư nơi giao thông đi lại thuận tiện (200 m đi các hướng)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ đường Quốc lộ 6 đến hết đất Trung tâm bản Pảng, Chiềng Đen	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Các tuyến đường nhánh từ 2,5 m trở lên (trừ điểm 3 ghi trên)	1,0	1,0	1,0		
4	Các đường nhánh còn lại trong các xã nhỏ hơn 2,5 m	1,0	1,0	1,0		
VII	Các tổ, bản thuộc phường có điều kiện như nông thôn					
1	Các đường nhánh thuộc tổ, bản: tổ 7, tổ 9, tổ 10, tổ 11, tổ 14, tổ 15, tổ 17, bản Cang, bản Ban, bản Thắm Mạy, bản Phung, bản Hẹo, phường Chiềng Sinh (trừ các tuyến đường đã quy định giá ở các mục trên)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các đường nhánh thuộc phường Chiềng An (trừ các tổ, bản: tổ 1, tổ 2, tổ 4, bản Cọ, bản Hải, bản Cá) (trừ các tuyến đường đã quy định giá ở các mục trên)	1,0	1,0	1,0		
3	Các đường nhánh thuộc Phường Chiềng Cơi (Trừ tổ 2,3, bản Là, Bản Buôn, Bản Mé Ban) (trừ các tuyến đường đã quy định giá ở các mục trên)	1,0	1,0	1,0		
4	Các tuyến đường nhánh từ 2,5 m trở lên (trừ điểm 3 ghi trên)	1,0	1,0	1,0		
5	Các đường nhánh còn lại trong các xã nhỏ hơn 2,5 m	1,0	1,0	1,0		
VII	Các tổ, bản thuộc phường có điều kiện như nông thôn					
1	Các đường nhánh thuộc tổ, bản: tổ 7, tổ 9, tổ 10, tổ 11, tổ 14, tổ 15, tổ 17, bản Cang, bản Ban, bản Thắm Mạy, bản Phung, bản Hẹo, phường Chiềng Sinh (trừ các tuyến đường đã quy định giá ở các mục trên)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các đường nhánh thuộc phường Chiềng An (trừ các tổ, bản: tổ 1, tổ 2, tổ 4, bản Cọ, bản Hải, bản Cá) (trừ các tuyến đường đã quy định giá ở các mục trên)	1,0	1,0	1,0		
3	Các đường nhánh thuộc Phường Chiềng Cơi (trừ tổ 2,3, bản Là, Bản Buôn, Bản Mé Ban) (trừ các tuyến đường đã quy định giá ở các mục trên)	1,0	1,0	1,0		
VIII	Điểm dân cư thuộc quy hoạch khu tái định cư số 01 bản Sàng, xã Hua La					
-	Tuyến đường 17,5 m	1,0	1,0			

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
IX	Khu dân cư bản Hôm, xã Chiềng Cọ					
-	Đường quy hoạch 7,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 5,5 m	1,0				
X	Khu quy hoạch dân cư bản Sàng, xã Hua La					
-	Đường quy hoạch rộng 11 m (gồm cả vỉa hè)	1,0				

Phụ lục II
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ
VÀ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN HUYỆN QUỲNH NHAI
(Kèm theo Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh)

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ					
I	Đường trục chính Đường quốc lộ 6B (Tỉnh lộ 107 cũ)					
1	Từ cổng chào (gần cây xăng Sơn Lâm) đến cầu số 1 (tiếp giáp với QL279) + 150 m đi bên phà Pá Uôn	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
II	Các đường nhánh trong phạm vi quy hoạch thị trấn mới huyện Quỳnh Nhai (trừ các vị trí được xác định theo giá đất đường trục chính Quốc lộ 6B đến hết vị trí 5)					
1	Đường số 8: Từ ngã ba sau nhà ông Lò Văn Mến đến hết công viên thể dục thể thao nối với đường số 19	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Đoạn đường từ Cây xăng Sơn Lâm đến cầu số 2 nối với đường Quốc lộ 279 (gồm đường số 20, số 15, số 6, số 5), trừ đoạn đầu nối đường số 11 (chỗ vòng xuyên) đến tiếp giáp đường số 1 thuộc tuyến đường số 05	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Tuyến đường số 05, từ đoạn đầu nối với tuyến đường số 11 (chỗ vòng xuyên) đến tiếp giáp đường số 01	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Tuyến đường số 11 theo quy hoạch (từ ngã tư rẽ vào chợ trung tâm đến tuyến đường số 5)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Tuyến đường 11 theo quy hoạch (đoạn đường từ đường số 5 đến đường số 22)	1,0	1,0	1,0	1,0	
6	Các tuyến đường được đánh số theo quy hoạch từ T1 đến T29 (trừ T9, T10) khu quy hoạch tái định cư Phiêng Lanh và tuyến đường số 22 khu quy hoạch Phiêng Nèn	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Các tuyến đường còn lại trong phạm vi quy hoạch tái định cư Phiêng Lanh + Phiêng Nèn huyện Quỳnh Nhai	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN					
B1	Đất ở tại khu dân cư ven đô, khu công nghiệp, đầu mối giao thông, trục đường giao thông chính, khu thương mại, khu du lịch					
I	Đường trục chính đường Quốc lộ 6B (tỉnh lộ 107 cũ)					
1	Quốc lộ 6B: Đoạn từ địa phận huyện Quỳnh Nhai (giáp huyện Thuận Châu) đến nhà Ông Cà Văn Hao bản Ca, xã Chiềng Khoang	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
2	Đường Quốc lộ 6B: Đoạn từ Nhà ông Cà Văn Hao đến ngã 3 vào bản He (Trạm khuyến nông xã Chiềng Khoang) + 500 m đi về phía Quỳnh Nhai	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Quốc lộ 6B: Đoạn từ ngã ba vào bản He (Trạm khuyến nông xã Chiềng Khoang) - 500m đến nhà bia tưởng niệm liệt sỹ xã Chiềng Bằng	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Quốc lộ 6B: Đoạn từ nhà bia tưởng niệm liệt sỹ xã Chiềng Bằng đến Cổng chào huyện Quỳnh Nhai (gần cây xăng Sơn Lâm)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
II	Trục đường 279					
1	Từ trạm biến áp (Quán Nguyệt Nga cũ xã Mường Giàng) đến hết cây xăng Hải Vinh xã Mường Giôn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ đầu cầu bản Bo (gần nhà ông Tòng Văn Tiến) đến hết địa phận ranh giới huyện Quỳnh Nhai và huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ trạm biến áp (Quán Nguyệt Nga cũ) đến hết nhà ông Cầm Văn Nam bản Pom Mường xã Mường Giàng (trừ 150m đường đi bến phà Pá Uôn)	1,5	1,1	1,1	1,1	1,1
4	Từ hết đất nhà ông Cầm Văn Nam bản Pom Mường, xã Mường Giàng đến hết địa phận huyện Quỳnh Nhai (Ranh giới huyện Quỳnh Nhai với Tuần Giáo)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
III	Trục đường Tỉnh lộ 107					
1	Từ ngã ba bản Bon (xã Mường Chiên) đến Ngã ba bản Huổi Kẹm (xã Chiềng Khay)	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ nhà ông Bùi Minh Trung bản Bo xã Mường Giôn đến hết đất trạm khuyến nông xã Chiềng Khay	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ ngã ba Huổi Kẹm, bản Phiêng Bay đến hết địa phận huyện Quỳnh Nhai (giáp ranh huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	Trục đường Tỉnh lộ 116					
1	Đoạn đầu nối Quốc lộ 6B (Địa phận xã Chiềng Khoang) đến bến phà Nậm Ét	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Đoạn từ ngã ba Bến phà Nậm Ét đến ngã ba bản Muông xã Nậm Ét	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ ngã ba bản Muông xã Nậm Ét đi đến hết địa phận xã Nậm Ét (giáp ranh giới xã Liệp Tè, huyện Thuận Châu) trừ đất thuộc tuyến đường trong trung tâm xã	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
V	Trục đường chính cấp huyện					
1	ĐH.02: Đường vào xã Pá Ma Pha Khinh - Mường Chiên - Cà Nàng (trừ đoạn trung tâm xã Mường Chiên, trung tâm xã Cà Nàng)	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Đường vào xã Chiềng Bằng (ĐH.08: Từ ngã ba Huổi Cuối + 500m)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Đường vào xã Chiềng Bằng (ĐH.08: Từ ngã ba Huổi Cuối + 500m) đến Cảng thủy sản	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Đường liên huyện Thuận Châu - Quỳnh Nhai (ĐH.05: Từ ngã ba bản Phiêng Ban tiếp giáp đường 279 đến địa phận xã Phông Lái huyện Thuận Châu)	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Đường vào xã Mường Giàng (ĐH.04: Từ Quốc lộ 279 đến bản Kiếu Hát, xã Mường Giàng)	1,0	1,0	1,0	1,0	
6	Đường liên huyện Quỳnh Nhai - Mường La (ĐH.01: Từ bản Cút xã Mường Giôn đến hết địa phận huyện Quỳnh Nhai)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Đường vào xã Chiềng Ôn (ĐH.03: Từ Quốc lộ 279 đến bản Bình Yên)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
8	Đường vào xã Mường Sại (ĐH.06: Từ tỉnh lộ 116 đến nhà ông Ngần Văn Liếm bản Còi)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
9	Đường vào xã Nậm É (ĐH.07: từ tỉnh lộ 116 đến hết địa phận huyện Quỳnh Nhai, giáp xã Liệp Tè huyện Thuận Châu)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
B2	ĐẤT CỤM XÃ, TRUNG TÂM XÃ					
I	Các tuyến đường trung tâm xã Mường Giôn					
-	Từ cây xăng Hải Vinh đến đầu cầu bản Bo (gần nhà ông Tòng Văn Tiến)	1,3	1,2	1,2	1,2	1,2
II	Các tuyến đường trung tâm xã Chiềng Khay					
1	Tỉnh lộ 107 (từ Trạm khuyến nông đến ngã ba Huổi Kẹm)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Đoạn tiếp giáp tỉnh lộ 107 (Km 12 + 900) đến chân dốc Đông Hiêm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Đoạn tiếp giáp tỉnh lộ 107 (Km 12 + 500) đến ngã ba trường trung học cơ sở dân tộc bán trú xã Chiềng Khay	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
III	Các tuyến đường trung tâm xã Nậm É					
1	ĐH.07 đoạn từ ngã ba bản Muông đến nhà ông Lường Văn Hỷ bản Nong + 300m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ chợ trung tâm xã Nậm É đến ngã ba nối trục đường ĐH.07	1,0	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
IV	Các tuyến đường trung tâm xã Mường Sại					
-	Đoạn đầu nối từ đường ĐH.06 (ngã ba trạm phát sóng VIETTEL) đến nhà ông Là Văn Cường bản Búa Bon	1,1	1,0	1,0	1,0	
V	Các tuyến đường trung tâm xã Pá Ma Pha Khinh					
-	Đường vào trụ sở UBND xã (từ Đh.02 đến hết khu vực trường cấp I + II)	1,0	1,0	1,0	1,0	
VI	Các tuyến đường trung tâm xã Mường Chiên					
-	Đường Đh.02: Đoạn từ bãi đá Bản Bon đến công nhà ông Đạt bản Hua Sát	1,0	1,0	1,0	1,0	
VII	Các tuyến đường trung tâm xã Cà Nàng					
-	Đường ĐH.02: Đoạn từ trạm Y tế xã đến cầu tràn xã Cà Nàng (đường đi điểm TĐC Huổi Pha)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
B3	Đất ở thuộc địa bàn các xã của huyện Quỳnh Nhai	1,0	1,0	1,0	1,0	

Phụ lục III
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ
VÀ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN HUYỆN THUẬN CHÂU
(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh)

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ					
I	Thị trấn Thuận Châu					
1	Đoạn từ cầu trên đường Tây Bắc giáp chợ hướng đi Sơn La (cả 2 bên đường)					
a	Đường Tây Bắc (hướng đi Sơn La)					
-	Từ Km 335 + 750m (từ cầu suối cạn đường vào phòng Giáo dục) đến đường vào Bệnh viện huyện	1,0	1,0	1,0		
-	Từ đường vào Bệnh viện huyện đến hết đất nhà ông Cầm Văn Tỉnh	1,0	1,0	1,0		
-	Từ hết đất nhà ông Cầm Văn Tỉnh (Tiểu khu 10 thị trấn) đến Km 334 + 310m (đến hết đường đôi)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ Km 334 + 310 m (từ hết đường đôi) đến Km 333 + 640 m	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ Km 333 + 640 m đến hết đất nhà ông Quảng Văn Dân	1,0	1,0	1,0	1,0	
b	Phố Pha Luông					
-	Đường số 1 khu vực quy hoạch dịch vụ bờ hồ Chợ trung tâm	1,0				
-	Ngõ số 1 từ đường Tây Bắc vào cổng Chợ trung tâm (trừ lô đất giáp đường vào chợ)	1,0				
-	Ngõ số 2 từ đường Tây Bắc vào cổng chợ trung tâm (trừ lô đất giáp đường vào chợ)	1,0				
-	Từ đường số 1 sang đường số 6 tuyến đường số 4 (trừ lô đất giáp đường số 1)	1,0				
-	Từ đường Tây Bắc đi cổng sau chợ tuyến đường số 6 (trừ lô đất giáp đường Tây Bắc)	1,0				
c	Đường Tây Bắc (hướng đi Điện Biên)					
-	Từ hết Km 335 + 750 m (từ cầu suối cạn đường vào phòng Giáo dục Tiểu khu 6 thị trấn) đến Km 336 + 100m (đến đầu lên phố Nguyễn Lương Bằng)	1,0	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
2	Đường 21-11 (hướng đi Điện Biên)					
-	Từ hết Km 336 + 100m (từ đầu lên Phố Nguyễn Lương Bằng) đến Km 336 + 280m (đến khu đất hạt 108)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ hết Km 336 + 280 m (từ khu hạt 108) đến Km 336 + 530 m (đến qua ngã ba đường đi Co Mạ hướng Điện Biên 20 m)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ hết Km 336 + 530 m (từ cách ngã ba đường 21-11 đường đi Co Mạ hướng đi Điện Biên 20 m) đến Km 337 + 420 m (đến hết đất hồ Noong Hoi bản Bó xã Chiềng Ly)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ hết Km 337 + 420 m (từ khu vực hồ Noong Hoi bản Bó xã Chiềng Ly) đến Km 338 + 260 m (đến khu vực nghĩa trang bản Coóng)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ Km 338 + 260 m (đến hết đất khu vực nghĩa trang bản Coóng) đến Km 339 + 260 m (đến cuối đường đôi)	1,0	1,0			
3	Đường Trung Dũng (cả hai bên)					
-	Từ đường Tây Bắc đến ngã ba đi phố 23-8 (trừ lô đất giáp đường Tây Bắc)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba đi phố 23-8 đến ngã tư đường lên trường Tiểu học thị trấn	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã tư đường lên trường Tiểu học thị trấn đến cổng phụ trường ĐH Tây Bắc (cũ)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ cổng phụ trường ĐH Tây Bắc (cũ) đến khu hiệu bộ trường ĐH Tây Bắc (đầu ngõ 124 đường Trung Dũng)	1,1	1,0	1,0	1,0	
-	Từ cổng trường ĐH Tây Bắc (cũ) đến ngã tư đầu phố Chu Văn An (đường Quy hoạch)	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Các đường nhánh còn lại nối với Đường Tây Bắc					
-	Đường vào Đội đô thị đến Trạm biến thế (trừ lô đất giáp đường Tây Bắc)	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Đường Tỉnh lộ 108					
-	Từ ngã ba bản Pán đường 21-11 đường lên Co Mạ đến cầu Suối Muội (trừ lô đất giáp đường 21-11)	1,0	1,0	1,0	1,0	
6	Phố Nguyễn Lương Bằng (Cả hai bên)					
-	Từ ngã ba Quốc lộ 6 đến cổng trường Đại học Tây Bắc (trừ lô đất giáp Quốc lộ 6)	1,1	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
7	Phố Khau Tú (Cả hai bên)					
-	Từ ngã ba đường Trung Dũng lên trường Tiểu học thị trấn đến hết đất nhà ông Bế Hùng	1,0	1,0	1,0	1,0	
8	Phố Lò Văn Hặc (Cả hai bên)					
-	Từ ngã ba đường Tây Bắc đến cổng UBND huyện (trừ lô đất giáp đường Tây Bắc)	1,0	1,0			
-	Ngõ số 1: Từ hết đất nhà ông Bắc Duyên đến hết đất nhà ông May (trừ lô đất giáp đường lên UBND huyện)	1,0	1,0			
-	Ngõ số 2: Từ hết đất nhà ông Lực đến hết đất nhà ông Lê (trừ lô đất giáp đường lên UBND huyện)	1,0	1,0			
-	Ngõ số 3: Từ hết đất nhà ông Trung Lê đến hết đất nhà ông Áo (Trừ lô đất giáp đường lên UBND huyện)	1,0	1,0			
-	Ngõ số 4: Từ hết đất nhà ông Yên Duyên đến hết đất tập thể Ngân hàng cũ (trừ lô đất giáp đường lên UBND huyện)	1,0	1,0			
-	Ngõ số 5: Từ hết đất nhà ông Hưng Lan đến giáp đất nhà Khách UBND huyện (trừ lô đất giáp đường lên UBND huyện)	1,0	1,0			
9	Phố Chu Huy Mân (cả hai bên đường)					
-	Từ ngã ba đường Tây Bắc đến hết đất nhà khách UBND huyện (trừ lô đất giáp đường Tây Bắc)	1,0	1,0	1,0		
10	Phố 23-8					
-	Đường nối từ Phố Chu Huy Mân sang đường Trung Dũng (trừ lô đất thuộc phố Lò Văn Hặc và phố Chu Huy Mân)	1,0	1,0	1,0		
11	Phố Lê Hữu Trác (Cả hai bên)					
-	Từ ngã ba đường Tây Bắc đến cầu Suối Muội (trừ lô đất giáp đường Tây Bắc)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ cầu Suối Muội đến cổng Bệnh viện đa khoa Thuận Châu	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Các tuyến đường thuộc khu dân cư Tiểu khu 9	1,0	1,0	1,0		
12	Phố Chu Văn An					
-	Từ ngã tư (đường lên ngõ số 1) đến ngã ba ngõ số 38 phố Chu Văn An (giáp trường Tiểu học Chiềng Ly)	1,1	1,0	1,0		

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ ngã ba ngõ số 38 phố Chu Văn An (giáp trường Tiểu học Chiềng Ly) đến đường 21-11 (trừ lô đất giáp đường 21-11)	1,1	1,0	1,0		
-	Từ ngã tư (đường lên ngõ số 1) đi hướng đi phố 7-5 đến đường 21-11	1,0	1,0	1,0		
-	Từ ngã tư đầu phố Chu Văn An lên ngõ số 1 đến hết đất nhà ông Toàn	1,1	1,0	1,0		
13	Phố 7-5					
-	Từ ngã ba giáp phố Nguyễn Lương Bằng đến ngã ba giao với Phố Chu Văn An (nhà ông Giang Văn Đáp)	1,0	1,0	1,0	1,0	
14	Các đường nhánh còn lại nối với đường Tây Bắc và đường 21-11					
-	Từ hết ngã ba đường Tây Bắc + 150m vào bản Đông cạnh đất UBND thị trấn (trừ lô đất giáp đường Tây Bắc)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Đường từ đường Tây Bắc ngõ số 188 (cạnh đất ngân hàng chính sách) đến ngã ba nhà ông Đoan Hường (trừ lô đất giáp đường Tây Bắc)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba nhà ông Đoan Hường đến ngã ba phố Nguyễn Lương Bằng (đầu ngõ số 42 công Sân vận động)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba phố Nguyễn Lương Bằng (ngõ số 34) đến hết số nhà 31 (đất nhà Huyền Sơn)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ đầu ngõ số 128 đường 21-11 (đường lên trường THPT Thuận Châu) đến công trường Nội trú	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Các tuyến đường còn lại trong nội thị trấn, xe con, xe công nông đi vào được, trừ các lô đất giáp trục đường chính chưa được quy định ở các điểm ở trên	1,0	1,0	1,0	1,0	
15	Khu dân cư					
-	Khu dân cư còn lại trong nội Thị trấn chưa quy định ở trên	1,0	1,0	1,0	1,0	
II	Thị tứ Tông Lạnh, huyện Thuận Châu					
1	Từ ngã ba Quốc Lộ 6 hướng đi Sơn La (hai bên đường)					
-	Từ ngã ba Km 328 + 150 m (đường đi Quỳnh Nhai) đến Km 327 + 400 m (đến khu đất chợ)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ hết Km 327 + 400 m (hết khu đất chợ) đến Km 327 + 300 m (đến hết đất nhà ông Nhã Loan Tiểu khu 1 Tông Lạnh)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ hết Km 327 + 300 m (từ giáp đất nhà ông Nhã Loan Tiểu khu 1 Tông Lạnh) đến Km 327 + 220 m (đến hết cây xăng dầu Lương Thực Tiểu khu 1)	1,0	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ hết Km 327 + 220 m (từ giáp đất cây xăng dầu Lương thực TK 1 đến Km 326 + 775 m (giáp cầu Vòm Chiềng Pắc)	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ trung tâm đường Quốc lộ 6 hướng đi Quỳnh Nhai (hai bên đường Quốc lộ 6B)					
-	Từ trung tâm đường Quốc lộ 6 hướng đi Quỳnh Nhai (cả hai bên đường Quốc lộ 6B) Từ Km 00 + 250 m (khu đất nhà Dung Bản) trừ các lô đất giáp trực đường Quốc lộ 6	1,1	1,0	1,0	1,0	
-	Từ hết Km 00 + 250 m (từ giáp đất nhà ông Dung Bản cũ) đến ngã ba bản Bai (giao với đường Quốc lộ 6B) (Tiểu khu 4 Tông Lạnh)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba bản Bai đến cầu bản Hình (đường QL 6B) xã Tông Cọ	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba bản Bai (giao với đường QL 6B) đến cầu bản Hình (mới) xã Tông Cọ	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Trung tâm ngã ba đường Quốc lộ 6 hướng đi Thuận Châu					
-	Từ ngã ba Quốc lộ 6 Km 328 + 200 m (đường đi Quỳnh Nhai) đến Km 328 + 400 m (đến hết đất của hàng xăng dầu Tiểu khu 3 Tông Lạnh)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết Km 328 + 360m (từ giáp đất của hàng xăng dầu Tiểu khu 3 Tông Lạnh) đến Km 328 + 600m (đến hết đất nhà ông Quảng Sơ bản Cuông Mường xã Tông lạnh)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ Km 328 + 600m (hết đất nhà ông Quảng Sơ bản Cuông Mường xã Tông Lạnh) đến khu đất ao quốc phòng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ đất ao Quốc phòng đến hết đất quán ăn Hương Rừng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ giáp quán ăn hương rừng đến cầu trắng (cầu Suối Muội)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Khu dân cư					
-	Khu đất xung quanh Trường phổ thông trung học Tông Lạnh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Khu đất đường vào trường Phổ thông trung học (trừ lô đất giáp Quốc lộ 6)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Các tuyến đường còn lại quanh khu vực Thị tứ Tông Lạnh chưa quy định tại các điểm trên	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN					
I	Cụm dân cư Nam Tiến, xã Bon Phặng - Phiêng Bông, Muối Nọi (đường Quốc lộ 6)					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
1	Từ đường vào Sân bóng bản Nam Tiến đến cách ngã ba đi Bản Lằm 200m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã ba đi Bản Lằm về Thuận Châu 200m, về phía Sơn La 200m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ cách ngã 3 đi Bản Lằm 200m đến ranh giới thành phố Sơn La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
II	Cụm dân cư xã Chiềng Pắc (đường Quốc lộ 6)					
1	Từ cổng Nhà máy Xi măng đi hướng Thuận Châu 100m, đi hướng Sơn La 100m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ cách cổng nhà máy Xi măng 100m hướng đi Thuận Châu đến hết đất Trung tâm dịch vụ nông nghiệp (đường vào bản Xi Măng)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ hết đất Trung tâm dịch vụ nông nghiệp (đường vào bản Xi Măng) đến Cầu Vòm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
III	Cụm xã Chiềng Pha (Đường Quốc lộ 6)					
1	Từ trụ sở UBND xã hướng đi Sơn La 300m và hướng đi tỉnh Điện Biên 300m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ cửa hàng Thương nghiệp hướng đi Sơn La (đến vị trí tiếp giáp Mục 1, cụm xã Chiềng Pha), hướng đi tỉnh Điện Biên 300m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ đường mới: Chiềng Pha (giáp quốc lộ 6) đi Chiềng La 200 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	Cụm dân cư xã Nong Lay và xã Tông Cọ					
1	Trung tâm ngã ba Chiềng Ngâm đi 3 hướng					
-	Đi hướng Quốc lộ 6 400 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đi hướng Quỳnh Nhai 300 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đi hướng Chiềng Ngâm 200 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Đoạn đường từ cầu bản Hình đến hết đất Cơ sở vệ tinh Thuận Châu	1,0	1,0			
3	Từ hết đất Cơ sở vệ tinh Thuận Châu đến đường đi vào Nhà máy chế biến mủ cao su Châu Thuận	1,0	1,0			
4	Từ đường đi vào Nhà máy chế biến mủ cao su Châu Thuận đến hết thửa đất nhà ông Pó + 100m	1,0	1,0			
5	Từ hết đất trang trại nhà ông Pó đến cách trung tâm ngã ba đi Chiềng Ngâm 400m	1,0	1,0			

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
6	Từ chân dốc Bó Mạ đến giáp ranh huyện Quỳnh Nhai cả hai bên (trừ 300m cụm xã Noong Lay)	1,0	1,0			
V	Cụm dân cư xã Chiềng La					
1	Từ nhà ông Bạ đến hết đất ông Hà	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ Trung tâm ngã ba đi bản Long Cạo đến hết đất nhà ông Cà Văn Hợp	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VI	Trung tâm xã Phổng Lái: Lấy ngã ba đường Quốc lộ 6 đường đi bản Mô Cống làm trung tâm (cả hai bên đường)					
1	Từ giữa ngã ba Quốc lộ 6 đường đi Mô công, hướng đi Sơn La đến hết đất cây xăng của DN Thanh Nga cả hai bên đường	1,0	1,0			
2	Từ hết đất cây xăng DN Thanh Nga hướng đi Thị trấn Thuận Châu đến hết đất nhà ông Phước cả hai bên	1,0	1,0			
3	Đường Quốc lộ 6 cũ (từ lô đất nhà bà Vân Anh đi phía Thị trấn Thuận Châu đến Ngã ba Quốc lộ 6 cũ) giáp khu đất Mục 2 - Phần VI)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ giữa Ngã ba đường đi bản Mô Cống hướng đi Điện Biên đến hết thửa đất nhà Phụng Lảnh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ giữa ngã ba Quốc lộ 6 đường đi bản Mô Cống đến đường vào bản Kiến Xương	1,0	1,0			
6	Từ ngã ba vào bản Kiến Xương đến hết trường trung học cơ sở	1,0	1,0			
7	Từ giáp đất nhà Phụng Lảnh đến qua đường vào bản Khau Lay 100m (chân đèo Pha Đin)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VII	Trung tâm xã Phổng Lãng					
1	Từ giáp đường đôi về hướng Điện Biên qua UBND xã 300m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VIII	Khu vực các điểm giáp ranh					
1	Đất trục đường Quốc lộ 6 từ giáp ranh giới Thành phố Sơn La đến giáp ranh giới tỉnh Điện Biên chưa quy định tại các điểm trên	1,0	1,0			
2	Đất các khu dân cư ven trục đường giao thông chưa nêu ở trên	1,0	1,0	1,0		
IX	Đất cụm xã, trung tâm xã Mường Bám					
1	Dọc đường tỉnh lộ 108 từ bản Nà La đến bản Nà Cầu (giáp xã Xuân Lao Mường Ảng)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ Ngã ba đường đi Nà Làng đến bản Phèn A-B	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
3	Từ Ngã ba đường đi Bôm Kham đến bản Pá Chóng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ Ngã ba bản Lào đi vào bản Pá Sàng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ cầu treo bản Lào đi đến cầu cứng bản Nà La	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
X	Đất cụm xã, trung tâm xã Co Mạ					
1	Từ Cây xăng của công ty TNHH Hùng Mậu đến trụ sở UBND xã Co Mạ nằm trên tuyến đường 108	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ Ngã ba đi Long Hẹ 200m vào đến bản Pha Khuông	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ Bản Nong Vai đến chợ trung tâm 3 xã	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ bản Co Mạ đến bản Po Mậu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XI	Đất cụm xã, trung tâm xã chưa được quy định ở các mục trên	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XII	Các tuyến đường còn lại trừ các tuyến đường đã xác định ở trên có mặt đường rộng từ 4m trở lên	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XIII	Các tuyến đường còn lại trừ các tuyến đường đã xác định ở trên có mặt đường rộng 2m đến dưới 4 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XIV	Các tuyến đường còn lại trừ các tuyến đường đã xác định ở trên có mặt đường rộng từ 2m trở xuống	1,0				

Phụ lục IV
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ
VÀ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN HUYỆN MƯỜNG LA
(Kèm theo Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh)

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ					
I	Đường Tô Hiệu					
1	Từ ngã ba huyện ủy cũ hướng đi Sơn La đến hết trụ sở Điện lực huyện Mường La	1,1	1,0	1,0	1,0	
2	Từ hết trụ sở Điện lực Mường La đến cống thoát lũ tiểu khu 4	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ cống thoát nước tiểu khu 4 đến ngã ba Nà Kè	1,1	1,0	1,0	1,0	
4	Từ ngã ba Huyện ủy cũ đến suối cạn giáp bản Chiềng Tè	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Từ Suối cạn giáp bản Chiềng Tè đến Cầu Nậm Păm mới	1,0	1,0	1,0	1,0	
II	Đường Lê Thanh Nghị					
	Từ ngàm suối Nậm Păm cũ đến ngã ba hướng đi xã Pi Toong 100m, hướng đi xã Ngọc Chiến 300m	1,1	1,0	1,0	1,0	
III	Phố Lò Văn Giá					
1	Từ ngã ba huyện ủy cũ đến ngã ba Ban Quản lý dự án di dân tái định cư huyện	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ ngã ba Ban Quản lý dự án di dân tái định cư huyện đến cổng Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ cổng Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện đến hết đất sân bay	1,0	1,0	1,0	1,0	
IV	Đường từ đường Tô hiệu đến hết sân vận động (tiểu khu 1)	1,0	1,0	1,0	1,0	
V	Phố Lê Trọng Tấn					
-	Từ ngã ba Ban quản lý dự án di dân tái định cư huyện đi đến hết hiệu sách (cạnh Ngân hàng BIDV)	1,0	1,0	1,0	1,0	
VI	Đoạn đường từ điểm tiếp giáp với đường Tô Hiệu đến cổng Chi cục Thống kê huyện Mường La	1,0	1,0	1,0	1,0	
VII	Phố Nguyễn Chí Thanh					
-	Từ ngã tư chợ đi đến cổng chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp huyện	1,0	1,0	1,0	1,0	
VIII	Phố Ít Ong					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
1	Từ ngã tư chợ hướng đi trụ sở UBND thị trấn Ít Ong đến hết nhà ông Đỗ Văn Hưng	1,1	1,0	1,0	1,0	
2	Tiếp từ hết nhà ông Đỗ Văn Hưng đến ngã ba hết đất nhà ông Lường Văn Biên	1,1	1,0	1,0	1,0	
3	Từ ngã ba hết đất nhà ông Lường Văn Biên đến cầu treo Đông Mết	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Đường từ ngã ba đến hết đất nhà ông Lường Văn Biên hướng đi nhà văn hóa bản Hia Ít cũ đến nhà ông Lò Văn Tiền	1,0	1,0	1,0	1,0	
IX	Đường vào hai bên thao trường quân sự cũ (Tiểu khu 5)	1,0	1,0	1,0	1,0	
X	Đường Trần Huy Liệu					
1	Từ ngã ba Nà Kè đến trạm điện 110kv	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ trạm điện 110kv đến ngã ba bản Tráng (Đồn Công an Thủy điện)	1,0	1,0	1,0	1,0	
XI	Đường từ ngã ba bản Tráng (Đồn công an thủy điện) đi hướng Sơn La, đến cầu cứng	1,0	1,0	1,0	1,0	
XII	Đường từ ngã ba bản Tráng (đồn công an thủy điện) đi hướng Chiềng San đến cầu bản Giàng	1,0	1,0	1,0	1,0	
1	Đường quy hoạch trong khu bản Giàng, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La	1,0	1,0	1,0	1,0	
XIII	Các tuyến đường trong khu vực công trường Thủy điện Sơn La					
1	Đường từ ngã ba Nà Kè đi đến hết đất Trung tâm truyền thông văn hóa	1,2	1,0	1,0	1,0	
2	Đường từ hết đất trung tâm truyền thông văn hóa đến hết đất nhà máy may	1,2	1,0	1,0	1,0	
3	Đường từ hết đất nhà máy may đến ngã ba giáp trường mầm non Sông Đà cũ	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Đường từ ngã ba giáp trường mầm non Sông Đà cũ đi hướng trường mầm non Sông Đà cũ 300 m	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Đường từ ngã ba giáp trường mầm non Sông Đà cũ đi đến cầu Nà Lo	1,0	1,0	1,0	1,0	
6	Đường từ trường mầm non Sông Đà cũ hướng đi cầu Nà Lo 250m	1,0	1,0	1,0	1,0	
7	Đường đi qua các khu đất liền kề 2 và liền kề 3 trong quy hoạch mặt bằng công trường Thủy điện Sơn La	1,0	1,0			

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
8	Đường đi qua khu đất liền kề 4 trong quy hoạch mặt bằng công trường Thủy điện Sơn La	1,0	1,0			
9	Đường từ cầu cứng Mường La đến công Parabol nhà máy thủy điện Sơn La	1,0	1,0	1,0	1,0	
10	Đường từ ngã ba (đường lên Trạm truyền thanh - truyền hình Nà Kè) đến Hợp tác xã chăn nuôi Ít Ong	1,0	1,0	1,0	1,0	
11	Đường từ sân bóng thủy điện Sơn La đến đường lên Trạm truyền thanh - truyền hình Nà Kè	1,0	1,0	1,0	1,0	
12	Đường quy hoạch vào khu đất Tát Pát thị trấn Ít Ong, huyện Mường La	1,0	1,0	1,0	1,0	
XIV	Các đoạn đường xóm có chiều rộng mặt đường từ 4m trở lên không kể rãnh thoát nước	1,0	1,0	1,0	1,0	
XV	Các đoạn đường xóm có chiều rộng mặt đường từ 2,5m đến dưới 4m không kể rãnh thoát nước	1,0	1,0	1,0	1,0	
XVI	Các đoạn đường xóm có chiều rộng mặt đường dưới 2,5m	1,0	1,0	1,0	1,0	
XVII	Đường quy hoạch vào khu đất kho lương thực cũ tại tiểu khu 1, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La	1,0	1,0			
XVIII	Đường từ cầu bản Rạng đi hướng Chiềng San đến hết địa phận thị trấn Ít Ong, huyện Mường La	1,0	1,0	1,0	1,0	
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN					
I	Đất ở tại khu dân cư ven đô, khu công nghiệp, đầu mối giao thông, trục đường giao thông, chính, khu thương mại, khu du lịch					
1	Từ đầu cầu Bản Két đi hướng Mường La đến Cầu tạm cũ	1,0	1,0	1,0		
2	Trục đường quốc lộ 279D Sơn La - Mường La (trừ các đoạn đường đã quy định giá)	1,0	1,0			
3	Các trục đường trải nhựa	1,1	1,1			
4	Các trục đường ô tô còn lại	1,1	1,1			
II	Đất cụm xã, trung tâm xã					
1	Xã Mường Bú					
-	Từ công lâm trường đi hướng Mường La đến ngã ba đường đi vào bản Bùng; đi hướng Mường Chùm qua ngã ba Mường Chùm 300 m	1,0	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ tiếp 300 m hướng đi Mường Chùm đến hết đất nhà ông Lò Văn Bình, bản Cúp	1,0	1,0			
-	Từ cổng lâm trường đi hướng Sơn La đến nhà ông Ủa, bản Giàn	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ hết đất nhà ông Ủa, bản Giàn đi hướng Sơn La đến ngã ba đường vào mỏ đá Nang Phai	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Đường từ ngã ba bản Giàn đi hướng bản Nang Phai đến hết đất Trường mầm non Mường Bú	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ hết đất Trường mầm non Mường Bú đến giáp xã Bó Mười, huyện Thuận Châu	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch khu đất kho lương thực cũ, xã Mường Bú, huyện Mường La	1,0	1,0	1,0		
-	Đường quy hoạch trong khu đất trụ sở Công an xã Mường Bú	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Xã Mường Chùm					
2.1	Đoạn đường từ cổng UBND xã Mường Chùm đi hướng Mường La 700m	1,0	1,0	1,0		
2.2	Đoạn đường từ cổng UBND xã Mường Chùm đến hết đất nghĩa địa bản Cuông Mường	1,0	1,0	1,0		
3	Xã Chiềng Hoa					
-	Từ cổng UBND xã Chiềng Hoa đi các hướng trục chính 300m	1,0	1,0	1,0		
4	Xã Ngọc Chiến					
4.1	Đường từ cổng UBND xã Ngọc Chiến đến Trạm y tế xã	2,5	1,8	1,8		
4.2	Đường từ cổng UBND xã Ngọc Chiến đến hết bản Đin Lanh	2,5	1,8	1,8		
4.3	Đường từ Trạm y tế xã đến giáp đất tỉnh Yên Bái	3,0	2,0	2,0		
4.4	Đường từ bản Đin Lanh đến dốc 30	1,6	1,3	1,3		
4.5	Đường quy hoạch vào vị trí 2 khu đất số 16(đất dự phòng) Khu Trung tâm xã Ngọc Chiến, huyện Mường La	1,0				
5	Xã Chiềng Lao					
5.1	Đường từ cổng UBND xã Chiềng Lao đi hướng Mường La đến trại cá giống An Đạt bản Nà Noong; đi hướng huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu đến nhà ông Lường Văn Muôn bản Phiên Cại	1,0	1,0	1,0		

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
5.2	Tuyến đường từ bản Nhạp, Huổi Choi đến bản Léch xã Chiềng Lao	1,0	1,0	1,0		
5.3	Tuyến đường từ đầu bản Huổi La dọc đường 279D đến hết địa phận xã Chiềng Lao (Trừ đoạn đường bản Nhạp, Huổi Choi đến bản Léch và Đường từ cổng UBND xã Chiềng Lao đi hướng Mường La đến trại cá giống An Đạt bản Nà Noong; đi hướng huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu đến nhà ông Lò Văn Muôn bản Phiên Cại)	1,0	1,0	1,0		
5.4	Tuyến đường từ Nhà máy thủy điện Huổi Quảng đi hướng xã Nậm Giôn hết địa phận xã Chiềng Lao	1,0	1,0	1,0		
5.5	Tuyến đường từ bến đò bản Su Săm đến nhà văn hóa bản Nà Viêng	1,0	1,0	1,0		
6	Xã Tạ Bú					
-	Từ cổng UBND Tạ Bú đi các hướng trực chính 200m	1,2	1,0	1,0		
7	Xã Pi Toong					
7.1	Từ cổng UBND xã Pi Toong đi các hướng trực chính 800m	1,0	1,0	1,0		
7.2	Đường từ cổng Trường THCS xã Pi Toong đi các hướng 300 m	1,0	1,0	1,0		
8	Xã Chiềng San					
-	Đường từ Trung Tâm xã Chiềng San đi 2 hướng trực chính 400m	1,0	1,0	1,0		
9	Xã Nậm Pấm					
9.1	Cổng trụ sở UBND xã Nậm Pấm đi 2 hướng 500m dọc theo trục đường chính	1,0	1,0	1,0		
9.2	Các đoạn đường tính lộ 109 trên địa bàn xã Nậm Pấm còn lại	1,0	1,0	1,0		
10	Xã Hua Trai					
10.1	Đường từ đầu Cầu Nậm Trai xã Hua Trai đi đến hết bản Nà Lòi	1,0	1,0	1,0		
10.2	Đường từ hết bản Nà Lòi đi hướng Mường La đến hết bản Ái Ngựa xã Hua Trai	1,0	1,0	1,0		
10.3	Đường từ ngã ba bản Phiêng Phé đi hướng bản Lọng Bong đến hết bản Lè xã Hua Trai	1,0	1,0	1,0		
11	Xã Nậm Giôn					
-	Đường từ cổng UBND xã Nậm Giôn đi 2 hướng 500m dọc theo trục đường chính	1,0	1,0			

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
12	Xã Chiềng Công					
12.1	Từ cổng UBND xã Chiềng Công đi 2 hướng trục đường chính 500 m	1,0	1,0	1,0		
12.2	Từ cổng rẽ vào vào Trường phổ thông dân tộc bán trú. Trung học cơ sở Chiềng Công đi hướng Mường La và hướng UBND xã Chiềng Công 500m	1,0	1,0	1,0		
13	Xã Mường Trai					
-	Từ cổng UBND xã Mường Trai đến Trạm y tế mới	1,0	1,0	1,0		
14	Xã Chiềng Ân					
14.1	Đường từ Trung tâm xã Chiềng Ân đến trạm y tế xã	1,0	1,0			
14.2	Đường từ Trung tâm xã Chiềng Ân đến ngã ba bản Nong Bông	1,0	1,0			
15	Xã Chiềng Muôn					
15.1	Đường từ trạm y tế xã đến hết nhà ông Đinh Văn Thông	1,0	1,0			
15.2	Đường từ ngã ba nhà ông Cứ A Dạng đến ngã ba đi bản Hua Kim	1,0	1,0			
III	Các vị trí đất ở nông thôn còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

Phụ lục IV
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ VÀ ĐẤT Ở NÔNG THÔN HUYỆN SÔNG MÃ
(Kèm theo Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh)

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ					
I	Các trục đường chính					
1	Đường Cách mạng tháng 8					
-	Từ ngã tư giao với đường Lý Tự Trọng đến ngã tư giao với đường 19 tháng 5	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã tư giao với đường 19/5 đến ngã ba giao với đường Nguyễn Đình Chiểu	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba Trung tâm y tế đến ngã ba giao với đường Võ Thị Sáu	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba giao với đường Võ Thị Sáu đến đường rẽ Lý Tự Trọng	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba giao với đường Nguyễn Đình Chiểu đến ngã tư Ngân hàng Nông nghiệp	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Đường Hồ Xuân Hương	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Đường 19 tháng 5					
-	Từ ngã tư (đèn tín hiệu giao thông) đến Cầu Treo	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã tư đến kênh thoát nước Tổ dân phố 9	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Đường Hoàng Văn Thụ					
-	Từ đầu cầu cứng đến đường Cách mạng tháng 8	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Đường Lò Văn Giá					
-	Từ ngã ba giáp đường 19/5 đến ngã ba giáp đường Lý Tự Trọng	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba giáp đường Lý Tự Trọng đến ngã ba giáp Quốc lộ 4G	1,0	1,0	1,0	1,0	
6	Đường Lê Văn Tám	1,0	1,0	1,0	1,0	
7	Đường Nguyễn Đình Chiểu					
-	Từ M21 tính từ đường Cách mạng tháng 8 đến giáp đường Thanh niên	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ M21 tính từ đường Cách mạng tháng 8 đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Thuyên (số nhà 7)	1,0	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Đoạn Từ hết đất nhà ông Hoàng Văn Thuyền (khu vực kênh thoát nước tổ 9) đến hết đất nhà bà Lò Thị Hoa (số nhà 57)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ hết đất nhà bà Hoa (công an huyện) đến hết đất M21 đường cách mạng Tháng tám	1,0	1,0	1,0	1,0	
8	Phố Hai Bà Trưng	1,0	1,0	1,0	1,0	
9	Đường Mòng 2 tháng 9					
-	Từ Bến xe đến ngã ba bản Địa	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba bản Địa đến hết đất nhà ông Tòng Văn Ọ (số nhà 41)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ vị trí tiếp giáp đất nhà ông Tòng Văn Ọ (số nhà 41) đến hết đất nhà ông Lợi	1,0	1,0	1,0	1,0	
10	Đường Biên Hoà					
-	Từ ngã ba Bến xe đến hết đất trụ sở Nhà máy nước	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ hết đất trụ sở Nhà máy nước đến cầu Nà Hin	1,0	1,0	1,0	1,0	
11	Đường Thanh Niên					
-	Từ đầu cầu treo đến ngã ba giao với đường Nguyễn Đình Chiểu	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba giao với Đường Nguyễn Đình Chiểu đến Bến xe	1,0	1,0	1,0	1,0	
12	Đường Nguyễn Thái Học	1,0	1,0	1,0	1,0	
13	Đường Võ Thị Sáu	1,0	1,0	1,0	1,0	
14	Đường Lý Tự Trọng					
-	Từ M21 tính từ Quốc lộ 4G đến hết đất Công an huyện	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ hết đất Công an huyện đến hết đường	1,0	1,0	1,0	1,0	
15	Đường Lê Hồng Phong					
-	Từ đất Trung tâm y tế huyện đến giáp địa phận xã Nà Nghịu (giáp đất nhà ông Lê Hữu Ngọc, số nhà 52)	1,0	1,0	1,0	1,0	
16	Phố Nguyễn Du (đoạn từ UBND thị trấn đến nhà văn hóa tổ dân phố 4 và từ đầu nhà ông Nguyễn mạnh hà đến điểm cuối là nhà ông Dương Quốc Viên)	1,0	1,0	1,0	1,0	
17	Đường dọc bờ kè Sông Mã (từ tổ dân phố số 2 đến hết tổ dân phố 11)					
-	Từ nhà máy nước đến cầu cứng Sông Mã	1,0				

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ cầu cứng sông Mã đến cầu treo	1,0				
-	Từ cầu treo đến đường rẽ đi đường Lý Tự Trọng	1,0				
-	Từ đường rẽ đi đường Lý Tự Trọng đến đường rẽ đi đường Hoàng Quốc Việt (đất nhà bà Hiền Đương cũ)	1,0				
-	Từ đường Hoàng Quốc Việt (đất nhà ông Ngọc) đến hết bờ kè	1,0				
II	Các đường khu vực					
1	Đường Lý Tự Trọng (từ ngã tư Công an (từ M21 tính từ đường Cách mạng tháng 8) đến vị trí 1 đường Lò Văn Giá)	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Phố Hoàng Quốc Việt (từ ngã ba Viện Kiểm sát (từ M21 tính từ đường Cách mạng tháng 8) đến, giáp vị trí 1 đường Lò Văn Giá)	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ ngã ba nhà Văn hoá Tổ dân phố 12 (từ M21 tính từ đường Cách mạng tháng 8) đến hết nhà Ông Tường Thế Tá (số nhà 20)	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Đường Lê Văn Lương Từ ngã ba xăng dầu TDP 11 (từ M21 tính từ đường Cách mạng tháng 8) đến hết đất nhà ông Trần Văn Tiến số nhà 20)	1,0	1,0	1,0	1,0	
6	Đường Chu Văn An (Từ nhà ông Lương Văn Thuông (từ M21 tính từ đường Cách mạng tháng 8) đến hết đất nhà ông Đỗ Ngọc Thảo)	1,0	1,0	1,0	1,0	
7	Đường Chu Văn An (Đường lên trường PTHH (từ mét 21 tính từ đường Lê Văn Tám) đến hết nhà ông Lò Văn Chính)	1,0	1,0	1,0	1,0	
8	Phố Đào Tấn (từ nhà ông Biên (từ M21 tính từ đường Cách mạng T8) đến vị trí 1 đường Thanh Niên. (Tổ 6))	1,0	1,0	1,0	1,0	
9	Phố Bến Phà (Đường từ đất trường Mầm Non (từ M21 tính từ đường Lê Văn Tám) đến vị trí 1 đường Thanh Niên)	1,0	1,0	1,0	1,0	
10	Từ nhà ông Hồng (Tính từ M21 đường Hoàng Văn Thụ đến hết đất kho Công ty thương nghiệp) (tổ 5)	1,0	1,0	1,0	1,0	
11	Phố Nguyễn Lương Bằng (từ vị trí tiếp giáp đất nhà ông Lò Văn Nghĩa (số nhà 90) đến đường Thanh niên (tổ 7))	1,0	1,0	1,0	1,0	
12	Phố Lý Thường Kiệt (từ vị trí tiếp giáp đất nhà ông Lê Duy Ninh (số nhà 80) đến đường Thanh niên (tổ 7))	1,0	1,0	1,0	1,0	
13	Phố Ngô Gia Tự (từ vị trí tiếp giáp đất nhà ông Khổng Văn Tạo (số nhà 70) đến đường Thanh niên (tổ 7))	1,0	1,0	1,0	1,0	
14	Phố Kim Đồng (từ vị trí tiếp giáp đất Bru điện đến hết đất nhà ông Hùng (tổ 8))	1,0	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
15	Từ vị trí tiếp giáp đất nhà ông Nguyễn Tiến Dũng (số nhà 19) đến hết đất nhà ông Dương Văn Quảng (tổ 8)	1,0	1,0	1,0	1,0	
16	Từ hết đất nhà bà Trần Thị Dinh (số nhà 225) đến nhà ông Đặng Văn Biên - Sáng (số nhà 02, tổ 12)	1,0	1,0	1,0	1,0	
17	Từ M21 tính từ đường Cách Mạng Tháng Tám (Ông Lò Văn Chính số nhà 142) đến M21 đường Lò Văn Giá (ông An Hải Hậu số nhà 11)	1,0	1,0	1,0	1,0	
18	Đường rẽ từ UBND thị trấn đến giáp đất bà Dương Văn Viên (số nhà 16)	1,0	1,0	1,0	1,0	
19	Từ đầu cầu cứng tổ dân phố 5 đến vị trí 1 đường Lê Hồng Phong và vị trí 1 đường Lò Văn Giá	1,0	1,0	1,0	1,0	
20	Các đoạn đường khác có chiều rộng từ 4 m trở lên	1,1	1,0	1,0	1,0	
21	Các đoạn đường khác có chiều rộng từ 2,5 đến dưới 4 m	1,0	1,0	1,0	1,0	
22	Các đoạn đường khác có chiều rộng dưới 2,5 m	1,0	1,0	1,0	1,0	
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN					
I	Đất ở tại khu dân cư ven đô, khu công nghiệp, đầu mối giao thông, trục đường giao thông, chính, khu thương mại, khu du lịch					
1	Xã Mường Sai					
1.1	Đường Quốc lộ 4G					
-	Trung tâm xã: Từ hết cầu bản Sai đến hết đất bản Tiên Chung (hướng đi Sông Mã)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết cầu bản Sai đến hết đất trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Mường Sai (hướng đi Sơn La)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các bản khác còn lại trên Quốc lộ 4G	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
1.2	Các bản khác còn lại (không nằm trên tuyến đường Quốc lộ 4G)	1,0	1,0	1,0		
2	Xã Chiềng Khương					
2.1	Đường Quốc lộ 4G					
-	Từ cửa hàng xăng dầu đến đường vào trường Trung học phổ thông Chiềng Khương	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Từ đường đi trường Trung học phổ thông đến cổng Huổi Nương	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Từ cổng Huổi Nương đến đường vào UBND xã Chiềng Khương	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đường vào UBND xã Chiềng Khương đến hết bản Thống Nhất	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ đầu bản Híp đến hết đất bản Tiên Sơn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các bản khác còn lại trên Quốc lộ 4G	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Tuyến đường tuần tra biên giới từ ngã ba bản Cỏ đến hết đất nhà ông Quảng Văn Vui - bản Cỏ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2.2	Các tuyến đường khu vực					
-	Từ M21 Quốc lộ 4G đến hết đất Đơn vị C2	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất đơn vị C2 đến hết đất nhà ông Đào Tuấn Anh (bản Khương Tiên)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Đường Tuần tra biên giới, Từ M21 Quốc lộ 4G đến ngã ba đường vào bản Búa	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường vào trụ sở UBND xã Chiềng Khương đến cổng trụ sở UBND xã Chiềng Khương	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các đoạn đường lô bê tông có chiều rộng lớn hơn 3m thuộc các bản Tân Lập, Khương Tiên và bản Hưng Hà	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các đoạn đường lô bê tông có chiều rộng lớn hơn 3m thuộc các bản Nam Tiến, Thống Nhất, bản Phụ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Tuyến Mường Hung - Chiềng Khương từ bản Cỏ đến hết bản Là	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Tuyến đường từ ngã ba bản Búa đến cầu cứng bản Búa	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ cầu tràn bản Mo đến hết đất bản Huổi Mo (khu tái định cư)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ hết đất nhà ông Anh Ngát đến nghĩa địa bản Huổi Nương	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ cầu bản Híp (nhà ông Pâng) đến hết đất nhà ông Sơn bản Híp	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Đường vào khu dân cư dọc theo suối Hải Hậu (Bản Tiên Sơn)	1,0	1,0	1,0	1,0	
2.3	Các bản khác còn lại (không nằm trên tuyến đường Quốc lộ 4G)	1,0	1,0	1,0		
3	Xã Chiềng Cang					
3.1	Đường Quốc lộ 4G					
-	Từ đầu cầu Chiềng Cang qua cầu treo Mường Hung 100m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba cầu cứng (bản Nhạp) đi 2 hướng 200m (hướng đi Sơn La và hướng đi Sông Mã)	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Các bản khác còn lại trên Quốc lộ 4G	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3.2	Các bản khác còn lại (không nằm trên tuyến đường Quốc lộ 4G)	1,0	1,0	1,0		

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
3.3	Từ đầu cầu cứng (bản Nhạp) đến Quốc lộ 4G	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3.4	Đường đi Phiêng Cầm - Chiềng Nọi , huyện Mai Sơn (địa phận xã Chiềng Cang, huyện Sông Mã)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Xã Chiềng Khoong					
4.1	Đường Quốc lộ 4G					
-	Từ đường rẽ vào bản Co Pạo đến hết đất trường tiểu học Chiềng Khoong	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất trường Tiểu học Chiềng Khoong đến hết đất cây xăng Hoa Xuân (bản Púng)	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất cây xăng Hoa Xuân (bản Púng) đến hết đất bản Hoàng Mã	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Các bản khác còn lại trên Quốc lộ 4G	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4.2	Đường Nà Hạ - Mường Hung	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4.3	Các tuyến đường khác trên địa bàn xã Chiềng Khoong					
-	Từ mét 21 đến nhà ông Long (tính từ Quốc lộ 4G đi C3)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất nhà ông Long(tính từ Quốc lộ 4G đi C3) đến hết đất nhà ông Pản	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ mét 21 đến nhà ông Chú (tính từ Quốc lộ 4G đi C5)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất nhà ông Chú (tính từ Quốc lộ 4G đi C5) đến hết đất nhà ông Phát bản Hua Na	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4.4	Các bản khác còn lại (không thuộc các tuyến đường nêu trên)	1,0	1,0	1,0		
5	Xã Nà Nghịu					
5.1	Đường Quốc lộ 4G					
-	Đoạn đường qua địa phận bản Quyết Tiến (từ đất nghĩa trang liệt sỹ huyện hướng đi Sơn La đến hết địa phận bản Quyết Tiến)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5.2	Đường Lê Hồng Phong					
-	Từ hết đất nghĩa trang liệt sỹ huyện đến đường vào điểm trường Hương Nghịu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ đường vào điểm trường Hương Nghịu đến hết đất cây xăng Anh Trang	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất cây xăng Anh Trang đến hết địa phận xã Nà Nghịu (hết đất nhà ông Ngọc)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
5.3	Đường 8/3					
-	Từ ngã 3 bản Trại giống đến hết đất Chi cục Thuế	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất Chi cục Thuế đến hết đất bản Hưng Mai	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Địa phận bản Nang Cầu, xã Nà Nghịu	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
5.4	Đường Hoàng Công Chất					
-	Từ ngã ba bản Trại Giống đến hết đất bản Trại Giống	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất bản Trại Giống (đi hướng Mường Lầm) đến đường lên trường mầm non Sao Mai	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Từ đường lên trường mầm non Sao Mai đến hết đất bản Nà Nghịu I	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5.5	Đường Hoàng Văn Thụ					
-	Từ đầu cầu cứng đến đường 8/3	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
5.6	Từ đầu cầu treo đến giáp vị trí 1 đường 8/3	2,70	1,0	1,0	1,0	1,0
5.7	Đường Nà Nghịu - Chiềng Phung (Tỉnh lộ 113)					
-	Từ cầu Nà Hin đến hết đất Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất Trung tâm dịch vụ nông nghiệp đến đường vào bản Co Phường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các bản khác còn lại trên đường Nà Nghịu - Chiềng Phung (Tỉnh lộ 113)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5.8	Quốc lộ 12 (Sông Mã - Bó Sinh)					
-	Từ hết địa phận bản Nà Nghịu I đến hết địa giới hành chính xã Nà Nghịu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5.9	Các tuyến đường khu vực					
-	Từ M21 hướng đi Nà Hin - Phòng Sài đến hết nhà ông Phan	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ đường vào trụ sở Trại Giống đến hết đất bể bơi và đường rẽ từ đường Hoàng Công Chất đến sân bóng bản Nà Nghịu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất bể bơi (ông Chuyên) đến hết đất nhà ông Anh (Hương)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5.10	Các bản khác còn lại	1,0	1,0	1,0		
6	Xã Huổi Một					
6.1	Đường Quốc lộ 4G (Sông Mã - Sốp Cộp)					
-	Từ bản Pá Công đến cầu Nà Hạ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ hết cầu Nà Hạ đến cầu Nậm Mẩn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các bản khác còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6.2	Đường Nà Hạ - Mường Hung	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6.3	Đường Huổi Một - Nậm Mẩn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6.4	Các bản khác còn lại	1,0	1,0	1,0		
7	Xã Chiềng Sơ					
7.1	Quốc lộ 12 (Sông Mã - Bó Sinh)					
-	Từ Nhà văn hóa bản Phiêng Xa đến cầu Nậm Khoa, bản Công	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Cổng chợ Phiêng Đồn (bản Quảng Tiến) hướng đi thị trấn Sông Mã 100m, hướng đi xã Yên Hưng 100m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các bản khác còn lại trên Quốc lộ 12	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7.3	Đường Nà Nghiu - Chiềng Phung (Tỉnh lộ 113)					
-	Từ bản Nà Sặng đến hết địa phận bản Nà Lốc	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7.4	Các bản khác còn lại	1,0	1,0	1,0		
8	Xã Yên Hưng					
8.1	Quốc lộ 12 (Sông Mã - Bó Sinh)					
-	Từ cống thoát nước (giáp rừng ma bản Pái) đến đầu cầu cứng suối Mừ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các bản khác còn lại trên Quốc lộ 12	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ Quốc lộ 12 đến hết đất thao trường xã Yên Hưng	1,0	1,0	1,0		
8.2	Các bản khác còn lại (không nằm trên tuyến đường Quốc lộ 12)	1,1	1,1	1,0		
9	Xã Mường Lầm					
9.1	Quốc lộ 12					
-	Từ hết đất xã Yên Hưng đến cầu cứng qua suối Nậm Con	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ cầu cứng qua suối Nậm Con đến hết đất bản Mường Tợ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ đất bản Mường Cang đến công trụ sở UBND xã Mường Lầm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ công trụ sở UBND xã đến hết đất nhà ông Lò Quang Nạt	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất nhà ông Lò Quang Nạt đến giáp xã Chiềng En	1,0				

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
9.2	Đường khu vực					
-	Từ ngã ba trụ sở UBND xã đến hết đất điểm bưu điện văn hóa xã	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết đất Điểm bưu điện văn hoá xã đến ngã 3 giáp Quốc lộ 12	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba đến hết đất bản Lầu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ đất bản Phèn giáp đất bản Lầu đến hết đất bản Sàng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
9.3	Các bản khác còn lại	1,0	1,0	1,0		
10	Xã Bó Sinh					
-	Các bản thuộc xã Bó Sinh trên tuyến đường Quốc lộ 12	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Tuyến Tỉnh lộ 108 từ ngã 3 bản Phổng đến cầu cứng bản Phổng 2	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
11	Xã Nậm Ty					
11.1	Đường Nà Nghiu - Chiềng Phung (Tỉnh lộ 113)					
-	Đoạn đường bê tông tại trung tâm xã	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các bản khác còn lại trên tuyến đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
11.2	Các bản khác còn lại	1,0	1,0	1,0		
12	Xã Chiềng Phung					
12.1	Đường Nà Nghiu - Chiềng Phung (Tỉnh lộ 113)					
-	Từ điểm Bưu điện văn hoá xã (hướng đi Sông Mã) đến hết đất nhà ông Dân và từ điểm Bưu điện văn hoá xã (hướng đi Thuận Châu) đến hết đất nhà ông Hưng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ nhà ông Lường Văn Bổng đến nhà ông Lường Văn Việt (bản Phiêng Chiềng)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các bản khác còn lại trên tuyến đường Nà Nghiu - Chiềng Phung (Tỉnh lộ 113)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
12.2	Các bản khác còn lại	1,1	1,0	1,0		
13	Xã Mường Hung					
-	Từ đầu cầu treo đến hết đất nhà ông Huy Phương	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường Tỉnh lộ 115 (T115)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ đầu cầu cứng (bản Cương Chính) đến đường T115	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Các bản khác còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
II	Đất cụm xã, trung tâm xã					
1	Xã Mường Cai					
-	Từ trường Tiểu học Mường Cai đi các hướng 200m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ cổng trường Tiểu học Mường Cai + 200m đến hết đất nhà ông Vi Văn Vĩnh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ nhà ông Lò Văn Thi qua trụ sở UBND xã mới đến hết đất nhà bà Lò Thị Định	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ đỉnh dốc kéo đỉnh chỗ nhà ông Kha Văn Ứng đến hết đất nhà tập thể thủy điện Nậm Sỏi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba nhà ông Tiến Dịu đầu Cầu treo cũ đến hết đất nhà ông Lò Văn Thoan	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba đi bản Co Phường (đường vào UBND xã) đến hết đất ông Lò Văn Thi và tuyến vào đến cổng trụ sở UBND xã	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba nhà ông Hiệp đường rẽ vào UBND xã đến giáp đất nhà máy thủy điện Nậm Sỏi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các bản khác còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Xã Nậm Mần					
-	Từ cổng trụ sở UBND xã Nậm Mần về 2 phía 200m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường Huổi Một - Nậm Mần	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Xã Pú Pầu					
-	Từ trụ sở UBND xã cũ đến trụ sở UBND xã mới	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường Quốc lộ 12 địa phận xã Pú Pầu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Xã Chiềng En					
-	Từ cổng trụ sở UBND xã Chiềng En về 2 phía 1km	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường Quốc lộ 12 địa phận xã Chiềng En	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Xã Đứa Mòn					
-	Tuyến đường Mường Lầm đi Đứa Mòn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các bản khác còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
III	Đất ở nông thôn còn lại trên địa bàn huyện	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 khu phía tây Sông Mã- thị trấn Sông Mã Khu 6 và Khu 9 huyện Sông Mã					
-	Đường Hùng Vương (từ ngã 3 đường Hoàng Văn Thụ Km 90 + 200 Quốc lộ 4G đến Cầu treo cũ)	1,3				
-	Đường Lê Thái Tông	1,2				
-	Phố Phạm Văn Đồng	1,2				
-	Phố Lý Nam Đế	1,2				
-	Đường Nguyễn Huệ	2,81				
-	Phố An Dương Vương	1,2				
-	Đường quy hoạch 13,5 m	1,1				
-	Đường quy hoạch 5 m	1,0				
V	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đô thị Hưng Mai - Thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã					
-	Đường Võ Nguyên Giáp	1,3				
-	Đường Hùng Vương (từ đoạn cầu treo cũ đến ngã tư giao với đường quy hoạch 21m)	1,3				
-	Đường quy hoạch 13,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 11,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 7,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 6,5 m	1,0				
-	Đường quy hoạch 5,5 m	1,0				

Phụ lục VI
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ VÀ ĐẤT Ở NÔNG THÔN HUYỆN SÓP CỘP
(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh)

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ					
I	Đường trung tâm hành chính huyện Sốp Cộp					
1	Từ đầu cầu Nậm Lạnh (<i>nhà nghỉ Phương Hoa</i>) đến hết đất nhà ông Quàng Văn Phương, hướng Sốp Cộp - Nậm Lạnh phía bên trái đường	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1
2	Từ mét 17,4 hết đất nhà ông Tòng Văn Thành đến hết đất nhà ông Quàng Văn Phương, hướng đi Nậm Lạnh (bên phải đường)	1,1				
3	Từ hết đất nhà ông Quàng Văn Phương đến cổng trường Tiểu học hướng Sốp Cộp đi Nậm Lạnh hai bên đường	1,2	1,1	1,1	1,1	1,1
4	Từ cổng trường Tiểu học đến hết nhà máy nước hướng Sốp Cộp - Nậm Lạnh, hai bên đường	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1
5	Từ ngã 3 nhà ông Tòng Văn Thành hướng đi Dòm Cang đến mốc D19 (<i>đến hết đất nhà ông Phan Chính Thân</i>) hai bên đường	1,1				
6	Từ mốc D19 (<i>hết đất nhà ông Phan Chính Thân</i>) hướng đi Dòm Cang đến mốc D7 (<i>đến ngã tư đi UBND huyện</i>) hai bên đường	1,1	1,1	1,1	1,1	
7	Từ ngã tư D7 đến D86 Nhà văn hóa xã Sốp Cộp, hai bên đường.	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1
8	Từ D7 đường 30 mét (<i>hướng đi UBND huyện</i>) đến D1 hai bên đường	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1
9	Từ cầu tràn Nậm Lạnh đến cây xăng 326 hai bên đường	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1
10	Từ cầu cứng Nậm Lạnh (bến xe tỉnh) hướng đi Sông Mã đến đầu cầu Nậm Ca hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
11	Từ cầu Nậm Ca đến hết nghĩa trang liệt sỹ hai bên đường	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
12	Từ ngã ba cầu Nậm Ca (trụ sở Đội quản lý đô thị) rẽ phải đến hết đất Bệnh viện mới, hai bên đường	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
13	Từ ngã ba Trung tâm y tế đến hết đất nhà ông Lò Văn Năng (từ mét 0 đến 170m) hướng đi Mường Và hai bên đường	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1
14	Từ hết đất nhà bà Tòng Thị Quyên đến hết thửa đất số 11 hướng D46C - D84 hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
15	Từ D3 hướng đường đi Nà Phe đến D61 hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
16	Từ hết đất nhà ông Quảng Văn Phụng đến ranh giới đất nhà ông Vi Văn Hồng, phía bên phải đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
17	Từ D3 ngã tư Kho Bạc đến D28 (cạnh trường cấp III), hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
18	Từ D43 đi D48 (mét 0 đất ông Vi Văn Thanh đến đất UBND xã Sốp Cộp) hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
19	Từ mét 20 D16 đi D18 đến đất đội thuế số 2 hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
20	Từ mét 20 D16 đi D15 (từ đất Ngân hàng An Bình đến D15), hai bên đường	1,0	1,0			
21	Từ mét 0 đất nhà ông Trương Bá Đoàn đến nhà công vụ Chi cục thi hành án (khu mốc D15-D16 đường 5m) phía bên phải đường	1,0				
22	Từ ngã ba nhà khách UBND huyện D26-D15-D1 đến hết đất nhà ông Trần Văn Hoài hướng đi Nà Phe, hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
23	Từ ngã tư D7 (cây xăng) đến mốc D8 hướng đi Sông Mã hai bên đường	1,0				
24	Tuyến D5 (từ mét 20 đất nhà ông Tòng Văn Tien đến đất ông Vũ Văn Thắng) hướng đi D45 theo quy hoạch đường 9,5m hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
25	Từ hết đất Ngân hàng chính sách đến đất nhà ông Dương Đình Nghị hướng D6-D18	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
26	Tuyến D18 đi D77 theo quy hoạch đường 9,5 m (từ cây me đến đất ông nhà ông Lường Văn Bình) hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
27	Từ hết đất nhà bà Tòng Thị Ngoi đường 4m hướng đi nhà ông Lường Văn Thiêm ra đến nhà ông Trần Văn Hiện hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
28	Từ mét thứ 21 đất nhà ông Thịnh Xuyên đến đất nhà bà Lường Thị Quỳnh hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	
29	Từ thửa nhà ông Lường Văn Sử đến hết đất nhà bà Lò Thị Hằng bên trái đường	1,0	1,0			
30	Hết thửa đất số 01 của Hà Văn Soi đến thửa số 03 hướng bên xe ra đường nút 12-14, đường 7,5m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
II	Đường khu tái định cư D77 - D78 - D79 - D29 - D30 (khu TT hành chính huyện Sốp Cộp)					
1	Từ đất nhà bà Vi Thị Lê đến hết đất nhà ông Tòng Văn Hòa (đường 7m đi khu dân cư) hai bên đường	1,0				

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
2	Từ mét 21,5 D78 đường 7 m đến mét 46 (giáp đất nhà ông Cẩm Duy Vinh) hai bên đường hướng ra đường chính đi Nậm Lạnh	1,0				
3	Từ mét 17,8 đất nhà ông Vì Văn Muôn đường 5 m đến mét 54,5 (giáp đất nhà ông Lò Văn Tỉnh) hướng ra đường chính đi Nậm Lạnh hai bên đường	1,0				
4	Từ mét 15,9 đến hết đất nhà ông Tòng Văn Cường đến hết đất nhà ông Vũ Văn Đông (Hằng) bên trái đường hướng ra đường chính 21m đường đi Sốp Cộp - Nậm Lạnh	1,0				
5	Từ mét 15 hết đất nhà ông Lương Văn Bình đến nhà ông Vũ Văn Mạnh (Thêu) bên trái đường hướng ra đường chính 21m đường đi Sốp Cộp - Nậm Lạnh	1,0				
6	Từ đất nhà ông Lò Văn Thoát đến đất nhà ông Lương Văn Bình (D78 đi D77) đường 7m hai bên đường	1,0				
III	Đường khu tái định cư D18 - D19 - D78 - D79 (khu TT hành chính huyện Sốp Cộp)					
1	Từ hết đất nhà ông Trần Công Lực mét 16,3 (D78) phía bên phải đến mét 50,5 đến hết đất nhà bà Ngô Thị Yến (hướng D18)	1,0				
2	Từ hết đất nhà ông Phan Chính Thân mét 18,4 (D19) phía bên trái đường đến mét 60 đến hết đất nhà ông Tòng Văn Quốc (hướng D18)	1,0				
3	Từ hết đất nhà bà Vì Thị Quyên mét 17 (đường lô 5 mét) đến mét 45 giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Trường hai bên đường	1,0				
IV	Các tuyến đường khu tái định cư Nà Phe (khu TT hành chính huyện Sốp Cộp)					
1	Từ ngã tư nhà ông Đoàn Văn Tiến đến hết đất nhà ông Vũ Văn Quân (Nhân) đường 16,5m hai bên đường	1,1				
2	Từ ngã tư D61 đường 15m từ mét 18 đến hết mét 105 nhà ông Đỗ Văn Thiết đến hết đất nhà ông Bùi Văn Quang (Trang) hướng đi Trường Nội trú hai bên đường	1,1				
3	Từ đất nhà ông Hà Văn Dân đến hết đất nhà ông Lê Xuân Phú đường 9,5 m hướng đi Trường Nội trú, hai bên đường	1,0				
4	Từ đất nhà ông Trần Văn Vang đến hết đất nhà ông Nguyễn Phi Hùng đường 9,5 m hướng đi Trường Nội trú hai bên đường	1,0	1,0			

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
5	Từ đất nhà ông Quàng Văn Soạn đến hết đất nhà ông Cẩm Văn Việt đường 9,5m hướng đi khu dân cư hai bên đường	1,0	1,0			
6	Từ đất nhà bà Hoàng Thị Chính đến D63 đường 9,5m hai bên đường	1,0				
7	Từ đất nhà ông Vũ Văn Quân đến hết đất Nhà văn hóa bản Sốp Cộp đường 9,5m hướng đi khu dân cư bên phải đường	1,0	1,0			
8	Từ đất nhà ông Vũ Văn Hợp đến hết đất nhà ông Bùi Văn Quang hướng đi D60 bên trái đường 9,5 m	1,0				
9	Từ D60 đường 15m hướng đi D38 (hai bên đường)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
10	Từ D37-D38 (khu trường nội trú), đường 15 hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
11	Từ nhà (Hoài Hạnh) đến hết đất nhà ông Lầu Bá Rê (khu mốc D60-D38, đường quy hoạch 7m), hai bên đường	1,0				
12	Đường 7m từ đất nhà ông Thân Trọng Hạnh đến hết đất nhà ông Trịnh Bằng Phi hai bên đường (khu vực E1)	1,0	1,0			
13	Đường quy hoạch 21m N12 - N14 từ đầu cầu Nậm Ca đến nghĩa trang liệt sỹ hai bên đường	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
14	Đường quy hoạch 16,5 m từ cầu Bản Pe nối với Sân vận động mới hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
15	Đường quy hoạch 16,5 m từ cầu Bản Pe nối với tỉnh lộ 105 hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
16	Đường từ Nhà Văn hóa xã Sốp Cộp đến hết thửa đất số 17 hướng đi D87	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
V	Các tuyến đường khu vực lô 57 (khu TT hành chính huyện Sốp Cộp)					
1	Từ D8-D9 (đầu cầu cứng qua suối Nậm Lạnh) hướng đi Sông Mã, hai bên đường	1,1				
2	Từ D8-D20 đường 21m (tính từ mét 35,8 ranh giới giữa thửa đất số 1 và thửa số 33) phía bên trái đường	1,0				
3	Từ D9 - D21 đường 9,5m (tính từ mét 20,0 ranh giới giữa thửa đất số 18 và thửa số 19) phía bên phải đường	1,0				
4	Đường quy hoạch 10,5m từ đất nhà ông Tuệ đến đất nhà ông Báu (tính từ ngã ba đường trên trục D8-D20 vào hướng ra đường D9 - D21) hai bên đường	1,0				
5	Tuyến D20 đi D81, D81' đường 9,5m từ hết đất nhà bà Nguyễn Thị Thêu đến hết đất nhà ông Lưu Văn Quý (đối diện cổng phụ chợ mới)	1,1				

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
6	Từ mốc D8 đến hết cầu Nậm Ban phía bên trái đường	1,0	1,0			
7	Từ mét 21 thửa 164 đến hết cầu Nậm Ban bên phải đường	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
9	Từ mốc N1 hướng đi cầu Nậm Ban đường 11,5m	1,2				
10	Từ mốc N2 hướng đi cầu Nậm Ban đường 11,5m	1,2				
11	Từ mốc D21-D31 đối diện chợ trung tâm huyện Sốp Cộp đường 21m	1,0				
VI	Các đoạn đường ven trung tâm hành chính huyện Sốp Cộp					
1	Từ Cầu Nậm Ban (Hợp tác xã Nậm Ban) đến hết đất nhà văn hóa điểm Huổi Khăng hướng đi Dồm Cang hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ hết đất của bến xe đến đường lên bãi rác hướng đi Nó Sài hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ nhà ông Tòng Văn Dũng đến hết đất nhà ông Cà Văn Phình (bản Nà Lốc) hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ nhà ông Lò Văn Thành đến hết đất nhà ông Vi Văn Quang (bản Nà Lốc) hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ nhà ông Lường Văn Xuân đến hết đất nhà ông Tòng Văn Thiên hướng đi bản Nà Lốc hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Từ ngã ba nhà ông Vi Văn Minh đến ngã ba hướng đi Nà Nó, Nà Sài hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Từ đất nhà bà Vi Thị Thơm (bản Ban) đến ngã ba hết đất nhà ông Vi Văn Thích (bản Pe) hướng đi bản Pe hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
8	Từ ngã ba hết đất nhà ông Vi Văn Mãng đến ngã ba nhà Lường Văn Sử rẽ trái đến điểm trường tiểu học bản Ban	1,0	1,0			
9	Từ ngã ba đất nhà ông Vi Văn Chung đến ngã ba đất nhà ông Lò Văn Vĩnh hai bên đường	1,0	1,0			
10	Từ đất nhà bà Tòng Thị Phương đi theo đường bê tông đến hết đất nhà bà Cầm Thị Long hai bên đường	1,0	1,0			
VII	Đường khu vực mốc D7 - D8 - D20 - D20' - D19 (khu vực chợ cũ)					
1	Đường quy hoạch rộng 12m (từ hết đất nhà ông Nguyễn Huy Trung đến hết đất nhà ông Lò Văn Triển) hai bên đường	1,1				
2	Tuyến D19 đi D20' (từ hết đất nhà bà Lương Thị Nụ đến hết đất nhà ông Đào Văn Cường) hai bên đường	1,1				

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
VIII	Các tuyến đường đô thị còn lại trong khu trung tâm hành chính huyện					
1	Các trục đường có độ rộng từ 5m trở lên	1,5	1,2	1,0	1,0	1,0
2	Các trục đường có độ rộng từ 2,5 m đến nhỏ hơn 5m	1,5	1,2	1,0	1,0	1,0
3	Các trục đường có độ rộng nhỏ hơn 2,5 m	1,5	1,2	1,0	1,0	1,0
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN					
I	Các đoạn đường ven trung tâm xã Sốp Cộp					
1	Từ cổng qua đường đi Mường Và khu bản Nà Dìa (từ mét 0 đến mét 450 ao nhà ông Tòng Văn Dịn đến hết nhà ông Cà Văn Bình, hai bên đường)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Đường từ bản Nà Lốc (Co Pòng cũ) xã Sốp Cộp đi bản Sỏm Pói, xã Mường Và	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ nhà ông Tòng Văn Thoai, ông Tòng Văn Đồi (bản Nó Sải) đến hết đất nhà ông Tòng Văn Thân (bản Nó Sải) hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ hết đất nhà văn hóa bản Huổi Khăng (đất nhà ông Lường Văn Quyết) đến hết đất xã Sốp Cộp hướng đi Dồm Cang hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ đường lên bãi rác đến đội sản xuất số 4 hướng đi Nó Sải hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
II	Xã Mường Và					
1	Từ cổng qua đường (giáp nhà ông Lường Văn May) đến ngã ba đường đi Nậm Lạnh 200m hướng đi xã Nậm Lạnh hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã ba nhà ông Lò Văn Chiến hướng đi Sốp Cộp đến hết đất trường cấp I + II hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Tuyến từ cổng giáp nhà ông Lường Văn May đến hết đất nhà ông Lò Văn Tiên hướng đi Mường Lạn hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
III	Xã Mường Lạn					
1	Từ cây xăng xã Mường Lạn đến đầu cầu cứng hai bên đường	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ đầu cầu cứng đến hết trụ sở UBND xã Mường Lạn hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ hết đất trụ sở UBND xã đến ngã ba đi bản Cống, Nà Khi đến hết đất nhà ông Lò Văn Tuấn (chủ tịch UBND xã) hướng bản Cống và 500m hướng đi Nà Khi hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
IV	Xã Púng Bính					
1	Từ nhà ông Lò Văn Xuân (bản Kéo Hin) đến hết đất nhà ông Tòng Văn Doãn (bản Cọ) hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Tuyến đường từ nhà ông Tòng Văn Doãn (bản Cọ) đến hết ngã ba Huổi Hay, hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
V	Xã Dôm Cang (theo trục đường 105)					
1	Từ hết đất xã Sốp Cộp đến đầu cầu cứng bản Nà Pháy hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã ba đường rẽ đi bản Nà Khá đến trường mầm non bản Dôm hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ trường mầm non bản Dôm đến hết đất bản Cang hai bên đường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VI	Xã Mường Lèo (theo trục đường 105)					
1	Đoạn từ nhà ông Quàng Văn Quân đến hết nhà ông Lò Văn Toàn (bản Mạt) hai bên đường	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Đoạn từ nhà ông Quàng Văn Luyến đến cầu tràn (bản Liềng) hai bên đường	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Đoạn từ cầu tràn (bản Liềng) đến hết đất của ông Lường Văn Vui, hướng đi tỉnh Điện Biên hai bên đường	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
VII	Các xã, các bản còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

Phụ lục VII
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ VÀ ĐẤT Ở NÔNG THÔN HUYỆN MAI SƠN
(Kèm theo Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh)

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ					
I	Đường Tô Hiệu					
1	Từ Km 270 + 600 đến Km 272 + 300 (cổng công an huyện) (đọc Quốc lộ 6)	1,4	1,1	1,1	1,1	1,1
2	Từ Km 272 + 300 đến Km 274 + 100 (đường rẽ vào đường bê bơi)	1,4	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ 274 + 100 đến Km 274 + 300 (ngã tư Nông trường Tô Hiệu)	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
II	Đường 20 - 8					
1	Từ Km 274 + 300 đến Km 275 + 300 đầu cầu mới rẽ đi Nhà văn hoá thiếu nhi	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ Km 275 + 300 đến Km 276 đoạn Quốc lộ 6 (biển đỗ xe buýt đầu cầu vượt)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ Km 276 đến Km 279 + 500 (hết địa phận thị trấn Hát Lót)	1,5	1,1	1,1	1,1	1,1
4	Từ ngã ba địa chất (Km 277 + 300 m Quốc lộ 6) + 40 m đến hết đoàn địa chất 305	1,4	1,0	1,0	1,0	1,0
III	Đường nhánh					
1	Phố Lò Văn Muôn					
-	Từ Quốc lộ 6 + 20 m đến cổng chợ trung tâm đi các hướng 80 m	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ cổng Chợ Trung tâm + 80 m qua Trung tâm Chính trị cũ cách Quốc lộ 6 40 m (giáp ông Triền)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ Quốc lộ 6 + 40 m đến hết trường THCS Tô Hiệu	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Phố Hà Văn Ấng					
-	Từ ngã tư Nông trường Tô Hiệu 20 m đến ngã ba Xưởng chế biến đi các hướng 50 m	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ phố Hà Văn Ấng đi đến hết đất nhà máy nước	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Phố Trần Quốc Hoàn					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ Km 275 + 150 (cổng Kho bạc) đến đầu cầu Trạm bơm nước Nhà máy đường	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ đầu cầu phía Công an đến hết đường Phố Trần Quốc Hoàn (kể cả các tuyến nhánh khu dân cư tiểu khu 8)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Đường Cà Văn Khum					
-	Từ ngã tư Nông trường 20 m dọc theo đường Hát Lót-Tà Hộc + 450 m	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã tư nông trường + 450 m (đường Hát Lót - Tà Hộc) đến ngã ba Viện Lao + 400 m (hết ranh giới thị trấn Hát Lót)	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Đường bản Dôm					
-	Từ ngã ba (Quốc lộ 6) 20 m + 300 m	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết ranh giới Trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Chu Văn Thịnh đến hết ranh giới Trường Dân tộc nội trú cấp II	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết ranh giới Trường Dân tộc nội trú đến hết ranh giới Trạm dịch vụ Công ty cơ khí + 100 m (hết đất nhà ông Giang Len)	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết ranh giới nhà Giang Len (phía ra Hát Lót) cách Quốc lộ 6 320 m	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Đường Tôn Thất Tùng					
-	Từ ngã ba Viện Lao +20 m đến hết ranh giới Bệnh viện đa khoa huyện Mai Sơn +100 m	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ hết ranh giới Bệnh viện đa khoa huyện Mai Sơn + 100 m đến hết ranh giới Trường THCS Chu Văn Thịnh	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Đường Nà Viên					
-	Từ cách ngã ba bản Dôm + 100 m đến hết địa phận thị trấn Hát Lót + 100 m	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
8	Đường Hoa Ban					
-	Từ ngã ba đường 110 + 60 m đi qua tiểu khu 19, 20, 21 đến trường Mầm non Tô Hiệu (tiểu khu 2)	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đường Hoa Ban đoạn từ Trường mầm non Tô Hiệu đến khu quy hoạch Trung tâm hành chính - chính trị huyện	1,5	1,0	1,0	1,0	1,0
9	Phố Kim Đồng					
-	Từ Quốc lộ 6 + 40 m đến Trường Tiểu học Hát Lót + 100m	1,4	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
10	Phố Lò Văn Hắc					
-	Từ Quốc lộ 6 + 40 m đến hết Xí nghiệp nước	1,4	1,0	1,0	1,0	1,0
11	Phố Cầu Treo					
-	Từ bên kia cầu treo đến cách cổng Trường Trung học phổ thông (cấp III) 20m về phía Trường Nông Lâm	1,2	1,0	1,0	1,0	
12	Đường nhánh khác					
-	Từ đường Tôn Thất Tùng đi ngã ba Bắc Quang đến ngã ba đi Sông Lô (đường Chiềng Ngần - Mường Bằng mới)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba Xưởng Bông (cũ) + 40 m đến hết ranh giới thị trấn Hát Lót (đi cầu treo Nà Ban)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ Quốc lộ 6 tại Km 277 + 300 (Ngã ba Nghĩa địa Mường Hồng) + 20 m đến đường vào điểm Tái định cư bản Củ Pe	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các đường nhánh xe con vào được (đường đất)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các tuyến đường còn lại xe con vào được (đường bê tông)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	Các đường trong quy hoạch giai đoạn 1 khu đô thị mới ngã ba xã Cò Nòi					
1	Đường quy hoạch nội bộ dự án mặt đường rộng 30 m	1,3				
2	Đường quy hoạch nội bộ dự án mặt đường rộng 20,5 m	1,3				
3	Đường quy hoạch nội bộ dự án mặt đường rộng 16,5 m					
-	Lô 1B	1,2				
-	Lô 2A, Lô 3A, Lô 1C	1,2				
4	Từ Km 263 + 500 đến cách cổng UBND xã Cò Nòi 200 m	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ cách cổng UBND xã Cò Nòi 200 m đến Đường vào trường Trung học cơ sở Cò Nòi (cấp II)	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Từ đường vào trường THCS Cò Nòi (cấp II) đến Km 266 + 800 Quốc lộ 6 (ngã ba tiểu khu 19/5)	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
V	Các tuyến đường bổ sung năm 2022					
1	Các tuyến đường trong khu quy hoạch dân cư tiểu khu 17, thị trấn Hát Lót (trừ đường Tôn Thất Tùng đoạn từ ngã ba viện Lao + 20m đến hết ranh giới Bệnh viện đa khoa huyện Mai Sơn + 100m)	1,1				

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
2	Các tuyến đường trong khu quy hoạch dân cư tiểu khu 5, thị trấn Hát Lót (trừ đường 20-8 đoạn từ Km 274 + 300 đến Km 275 + 300 đầu cầu mới rẽ đi Nhà văn hóa thiếu nhi và Phố Trần Quốc Hoàn đoạn từ Km 275 + 150 (cổng Kho bạc) đến đầu cầu Trạm bơm nước Nhà máy đường)	1,0				
3	Tuyến đường nhựa từ đường Quốc lộ 6 + 100m đi bản Nà Săng, xã Hát Lót	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Đoạn từ Quốc lộ 6 + 100 m đến Quốc lộ 6 + 400 m (hết địa phận thị trấn Hát Lót)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Các tuyến đường nhựa còn lại khu vực đô thị	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VI	Đất ở đô thị còn lại trên địa bàn huyện	1,0	1,0	1,0		
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN					
B1	Đất ở tại khu dân cư ven đô, khu công nghiệp, đầu mối giao thông, trục đường giao thông, chính, khu thương mại, khu du lịch					
I	Đường Quốc lộ 6					
1	Từ Km 279 + 500 (hết thị trấn Hát Lót) đến Km 286 + 800 (qua ngã ba đi bản Xum + 200m)	1,5	1,1	1,1	1,1	1,1
2	Từ Km 286 + 800 đến Km 290 (hết địa phận huyện Mai Sơn)	1,5	1,1	1,1	1,1	1,1
3	Từ ngã ba Quốc lộ 6 cũ và mới + 20m theo hướng đi Quốc lộ 6 cũ đến hết địa phận huyện Mai Sơn	1,5	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ Km 260 + 300 (giáp địa phận Yên Châu) đến Km 262 + 750 (đường vào bản Hua Tát)	1,3	1,3	1,0	1,0	1,0
5	Từ Km 262 + 750 đến Km 263 + 500 (qua Trạm 36 công an xã Cò Nòi 500m)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Từ Km 266 + 800 đến Km 270 + 600 (địa phận thị trấn Hát Lót)	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1
7	Từ cổng UBND xã Cò Nòi + 60m phía ngã ba Cò Nòi đến hết ranh giới trường tiểu học Cò Nòi (cấp I)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
8	Từ hết ranh giới trường Tiểu học Cò Nòi (cấp I) đến cách ngã ba đường Quốc lộ 6 mới 40m (về phía Cò Nòi)	1,3	1,1	1,1	1,1	1,1
II	Đường Quốc lộ 4G					
1	Từ ngã ba Mai Sơn (đường đi Sông Mã cũ) đến ngã 3 Hợp tác xã 6 - 40m (giao nhau với Quốc lộ 4G)	1,5	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
2	Từ Km 0 + 800 đến Bia tưởng niệm (Km 5 + 700)	1,5	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Bia tưởng niệm đến Km 5 + 700 m đến Km 6 + 500 m (bản Áng xã Chiềng Ban)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ Km 6 + 500 m (bản Áng xã Chiềng Ban) đến Km 7 + 400 m (xã Chiềng Mai)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ Km 6 + 500 m (bản Áng xã Chiềng Ban) đến Noong Lý, bản Áng, xã Chiềng Ban	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Từ Noong Lý, bản Áng, xã Chiềng Ban đến cổng trường cấp III Chu Văn Thịnh + 100 m	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Từ cổng trường cấp III Chu Văn Thịnh + 100 m đi đến hết địa phận xã Chiềng Ban	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
8	Từ Km 7 + 400 m (xã Chiềng Mai) đến đường rẽ lên trạm y tế xã (bản Vặt Bon)	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
9	Từ đường rẽ lên trạm y tế xã đến đầu cầu Chiềng Mai + 300 m (tiểu khu ngã ba)	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
10	Từ cổng UBND xã Chiềng Kheo đi các hướng 500 m	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
11	Từ đầu cầu Chiềng Mai + 300 m đến ngã ba đường rẽ vào UBND xã Chiềng Ve (trừ đoạn từ cổng UBND xã Chiềng Kheo đi các hướng 500 m)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
12	Từ ngã ba đường rẽ vào UBND xã Chiềng Ve đến hết địa phận xã Nà Ót	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
III	Quốc lộ 37					
1	Từ Đài tưởng niệm Thanh niên xung phong đến hết địa phận huyện Mai Sơn	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Tuyến đường Quốc lộ 37 từ Cò Nòi đi Nà Ót					
-	Từ Quốc lộ 6 cũ đến ngã 3 Dốc Đá (Km 2 + 150 m Tỉnh lộ 113 cũ)	1,2	1,0	1,0	1,0	
-	Từ Km 2 + 150 m đến Km7	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ Km 7 đến Km 8 + 800m (Trung tâm xã Chiềng Lương)	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ Km 8 + 800m đi đến Km 19	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ Km 19 (trung tâm xã Phiêng Pắn) đến Km 20	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ Km 20 đến Giáp Quốc lộ 4G	1,0	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
IV	Đường Hát Lót - Tà Hộc (Tỉnh lộ 110)					
1	Từ giáp Thị trấn Hát Lót đến đỉnh dốc Nà Bó + 20 m (đường rẽ vào Hồ Nà Bó)	1,4	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ đỉnh dốc Nà Bó + 200m (đường rẽ vào Hồ Nà Bó) đến nhà ông Chuyên Huệ (đường rẽ vào bản Nà Đươi) + 20m	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ nhà ông Chuyên Huệ (đường rẽ vào bản Nà Đươi) + 20m đến hết địa phận xã Nà Bó	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ hết địa phận xã Nà Bó đến Cánh Tà Hộc	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
V	Đường Hát Lót - Chiềng Mung					
1	Từ hết đất Đoàn địa chất 305 đến ngã ba Khu Tái định cư bản Nà Tiến + 40m đi các hướng	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ Trung tâm xã Hát Lót cũ đi 02 hướng 100m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ cách Trung tâm xã Hát Lót (cũ) 100m đến cách Quốc lộ 4G 60m	1,4	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ ngã ba Tiểu khu Nà sản 40m qua trường Tiểu học Nà Sản và khu dân cư Nà Sản đến đường Hát Lót - Chiềng Mung	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ ngã ba chợ Chiềng Mung 20m đến ngã ba Bản Xum (Đường Hát Lót - Chiềng Mung)	1,5	1,0	1,0	1,0	1,0
VI	Đường Chiềng Sung (Tỉnh lộ 109)					
1	Từ Km 0 + 20m đến cách ngã ba Sông Lô 200m	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã ba Sông Lô xã Nà Bó đi các hướng 200m	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ ngã ba trụ sở UBND xã Chiềng Sung (cũ) theo hai hướng Hòa Bình, Cao Sơn + 200m	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Các đoạn còn lại của Tỉnh lộ 109	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
VII	Đường Nà Bó - Mường Chùm					
1	Từ đường Tỉnh lộ 110 (ngã ba Nà Bó) + 60 m đến hết địa phận huyện Mai Sơn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VIII	Đường Quốc lộ 6 C					
1	Từ ngã ba Cò Nòi + 20m đến hết trường THPT Cò Nòi	1,2	1,2	1,0	1,0	1,0
2	Từ hết trường THPT Cò Nòi đến hết tiểu khu Bình Minh (ngã ba đường đi Noong Te)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
3	Từ hết tiểu khu Bình Minh đến hết địa phận huyện Mai Sơn	1,5	1,3	1,2	1,1	1,0
IX	Tuyến đường giao thông từ tỉnh lộ 110 +100 m (Nà Bó) đến Quốc lộ 37 (Cò Nòi)	1,0	1,0	1,0	1,0	
X	Địa phận xã Chiềng Ban					
-	Từ đường Quốc lộ 4G + 20 m qua UBND xã đến hết ranh giới huyện Mai Sơn	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ đường Quốc lộ 4G + 20 m qua Trung tâm Giáo dục lao động tỉnh đến hết ranh giới huyện Mai Sơn.	1,3	1,1	1,1	1,1	1,1
XI	Từ Quốc lộ 6 + 40 m nhà ông Tình đi bản Nà Cang xã Hát Lót					
-	Từ Quốc lộ 6 + 40 m nhà ông Tình đến ngã ba Yên Sơn xã Hát Lót	1,3	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba Yên Sơn đi bản Nà Cang đến đường Hát Lót - Chiềng Mung	1,2	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba Yên Sơn đến cách ngã ba bản Nà Tiến 40m	1,2	1,0	1,0	1,0	
XII	Từ Ngã 3 Quốc lộ 6 + 40 m bản Bom Cưa đi khu Công Nghiệp Mai Sơn					
-	Từ Ngã ba Quốc lộ 6 + 40 m bản Bom Cưa đi khu Công Nghiệp Mai Sơn	1,8	1,3	1,2	1,1	
-	Từ ranh giới xã Mường Bon đến Khu công nghiệp Tà Xa đến điểm tái định cư Co Chay	1,2	1,0	1,0	1,0	
-	Từ Ngã ba Quốc lộ 6 + 40 m bản Bom Cưa đi Khu Công nghiệp Mai Sơn Mường Bằng	1,5	1,4	1,3	1,2	
XIII	Các đường nhánh khác					
1	Từ nhà máy tinh bột sắn qua UBND xã Mường Bon + 300m	1,5	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã ba bản Mai Tiên + 40 m đến hết khu Tái định cư Bản Tra - Xa Cẩn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ hết địa phận ranh giới thị trấn Hát Lót đến hết khu công nghiệp Tà Xa	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ cổng UBND xã Mường Bon + 300 m đến hết địa phận bản Mứn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ ngã ba Sông Lô + 200 m nhánh 109 - 110 đến cách ngã ba Nhà máy xi măng 20m (Tỉnh lộ 110) về phía Sông Lô	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Từ hết địa phận thị trấn Hát Lót đến cầu treo Nà Ban (xã Hát Lót)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Từ Km 272 + 40 m Quốc lộ 6; 60m đến điểm Tái định cư 428 (Nà Sắng)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
8	Từ ngã ba Chiềng Mai đi vào trung tâm xã đến nhà văn hóa bản Cuộm Sơn	1,3	1,3	1,3	1,3	1,3
XIV	Bổ sung các tuyến mới					
1	Tuyến đường tránh Quốc lộ 6 từ tiểu khu 3/2, xã Cò Nòi đi Nhà máy mía đường Sơn La	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Đoạn đường từ Quốc lộ 37 ra Quốc lộ 6 cũ (giáp bà Nga Sừu)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Tuyến đường từ Quốc lộ 4G đi UBND xã Chiềng Dong	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Đoạn đường từ Nhà máy tinh bột sắn (bản Củ Pe) đi bản Mé đến hết địa phận bản Lắm	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Đường từ Quốc lộ 6 đi ra trại trường Nông Lâm (nối vào tuyến nhà ông Tình đi bản Nà Cang)	1,5	1,4	1,3	1,2	1,1
7	Cách ngã ba bản Nà Tiến 40 m đến đường Hát Lót – Chiềng Mung	1,5	1,4	1,3	1,2	1,1
8	Đường từ ngã 3 Bản Cóc qua UBND xã Mường Bằng đến điểm tái định cư Quỳnh Bằng	1,0	1,0	1,0	1,0	
9	Đường Tỉnh lộ 117: Quốc lộ 4G đi Chiềng Chung, Mường Chanh và xã Hua La (thành phố Sơn La)	1,3	1,3	1,0	1,0	1,0
10	Tỉnh lộ 113 trên địa bàn xã Phiêng Cầm					
-	Khu trung tâm xã từ trạm cân điện tử đến mỏ đá Hiền Luyến	1,5	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Các vị trí còn lại trên tuyến Tỉnh lộ 113, xã Phiêng Cầm	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
11	Tỉnh lộ 113 trên địa bàn xã Nà Ót					
-	Từ cổng UBND xã Nà Ót đến hết địa phận xã Nà Ót hướng đi Phiêng Cầm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
12	Tuyến đường trung tâm xã Nà Ót: từ Km 33+500m đến Km35+500	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XV	Các tuyến đường bổ sung năm 2022					
13	Các tuyến đường trong khu quy hoạch dân cư bản Mu Kít, xã Cò Nòi	1,1				
14	Các đường trong quy hoạch giai đoạn 1 khu đô thị mới ngã ba xã Cò Nòi: Đường quy hoạch nội bộ dự án mặt đường rộng 16,5m (Lô 7A)	1,2				
15	Đường qua điểm dân cư nông thôn chính trang tiểu khu 1, xã Cò Nòi (khu gốc đa)	1,2				
16	Tuyến đường nhựa từ đường Quốc lộ 6 + 100m đi bản Nà Sắng, xã Hát Lót					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Đoạn từ Quốc lộ 6 + 400 m đến bản Nà Săng (hết tuyến đường nhựa) giá đất	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
17	Các tuyến đường nhựa còn lại khu vực nông thôn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XVI	Các tuyến đường bổ sung năm 2023					
18	Từ ngã ba đầu nối đường Quốc lộ 6 cũ với đường Quốc lộ 6 tuyến tránh thành phố Sơn La qua địa phận huyện Mai Sơn + 50 m đi theo hướng Quốc lộ 6 tuyến tránh thành phố Sơn La qua địa phận huyện Mai Sơn đến hết địa phận bản Nà Hạ 2, xã Chiềng Mung (từ Km 290 + 380 m đến Km 291 + 160 m)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
19	Từ ngã tư Quốc lộ 6 tuyến tránh thành phố Sơn La qua địa phận huyện Mai Sơn giao Quốc lộ 4G + 200 m đi về phía bản Nà Hạ 2 hướng đi huyện Mai Sơn, + 200 m hướng đi huyện Thuận Châu (từ km 291 + 935 đến Km 292 + 410)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
20	Từ ao cạnh địa phận xã Chiềng Ban (bản Hợp Ba Văn Tiến) đến hết địa phận huyện Mai Sơn (Từ Km 293 + 470 đến Km 295 + 860)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XV	Đất cụm xã, trung tâm xã					
1	Các đường nhánh xe con vào được (đường đất)	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các tuyến đường còn lại xe con vào được (đường bê tông)	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Đất ở nông thôn thuộc địa bàn các xã còn lại của huyện	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0

Phụ lục VIII
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ VÀ ĐẤT Ở NÔNG THÔN HUYỆN YÊN CHÂU
(Kèm theo Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh)

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ					
I	Từ tâm ngã tư đi hướng Hà Nội					
1	Tuyến từ Km 240 + 485 m đến Km 240 + 392,5 m (từ ngã tư đến hết đất Ông Trường Nguyên)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Tuyến từ Km 240 + 392,5 m đến Km 240 + 285 m (từ đất của hàng được Thiên Đức đến hết đất ông Giao Hải)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Tuyến từ Km 240 + 285 m đến Km 240 + 151,5 m (từ giáp đất ông Giao Hải đến hết đất ông Thìn)	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ Km 240+151,5m đến Km 239+981,5m (từ tiếp giáp đất ông Minh Kiêm đến hết đất nhà bà Thuý Khiêm)	1,15	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ Km 239+981,5m đến Km 239+689 m (từ tiếp giáp đất nhà bà Thuý Khiêm đến hết đất ông Thắm Nga)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Tuyến từ Km 239 + 689 m đến Km 239 + 457 m (từ giáp đất ông Khánh Đồi đến hết đất ông Hùng Ánh)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Từ Km 239 + 457 m đến Km 239 + 324 m (từ giáp đất ông Hùng Ánh đến hết đất ông An Bích)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
8	Từ đất ông Tuấn Vân đến hết đất thị trấn (từ Km 239 + 324 m đến Km 239 + 038 m)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
II	Từ trung tâm ngã tư đi hướng Sơn La					
1	Từ Km 240 + 485 m đến Km 240 + 814,5 m (từ trung tâm ngã tư đến hết đất ông Thành Huân)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ đường vào bản Kho Vàng đến hết đất bà Phụng, đối diện đường đi bản Huổi Hẹ	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ hết đất bà Phụng đến hết đất bà Vân Ly (hết đất Thị trấn)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
III	Từ tâm ngã tư đi vào khu UBND huyện (Tiểu khu 3)					
1	Từ tâm ngã tư vào UBND huyện 140m (đường 20/11)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ đất thi hành án đến ngã ba sân vận động 326 m (đường 20/11)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
3	Từ tiếp giáp đất ông Định Toán đến đầu cầu Chiềng Khoi (đường 20/11)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ phòng giáo dục huyện đến đất bà Thanh Thành (đường Nguyễn Văn Huyền)	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Đất giáp đường quanh sân vận động (Tiểu khu 3) 261m	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	Từ trung tâm ngã tư vào trường cấp III (TK2)					
1	Từ trung tâm ngã tư đi 140 m (đường Chu Văn An)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ mét 141 đến mét 234 (đường Chu Văn An)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ đất ông Chiến (con bà Vịnh) đến cổng trường cấp III (đường Chu Văn An)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ ngã ba Công viên tuổi trẻ đi Quốc lộ 6 hướng tiểu khu 4, giáp đất bà Bún	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ ngã ba (giáp đất nhà Quynh Thương) đi qua bản Huổi Hẹ hướng Quốc lộ 6 870m	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Từ mét 871 đến mét 1071 hướng đi ngã ba Quốc lộ 6 (Tiểu khu 6)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
V	Đoạn đường vào bãi rác mới					
1	Từ tiếp giáp vị trí 3 (hết đất nhà ông Quý) đến hết đất thị trấn (hết đất nhà bà Mùi Ký)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VI	Quy hoạch mở rộng trung tâm thị trấn (trên địa bàn xã Sập Vạt)					
1	Từ giáp đất Thị trấn đến ngã ba đường vào nhà ông Hoa (gương cầu cũ)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã ba đường vào nhà ông Hoa (gương cầu cũ) đến ngã ba vào bản Sai (đọc Quốc lộ 6)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Đoạn đường cầu sắt cũ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VII	Quy hoạch mở rộng trung tâm thị trấn (trên địa bàn xã Viêng Lán dọc Quốc lộ 6)					
1	Tuyến đường từ Km 241 + 800 m đến Km 242 + 200 m hướng đi Sơn La (từ hết đất nhà bà Thúy Khôm đến hết đất nghĩa trang liệt sỹ huyện)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Tuyến đường từ Km 242 + 200m đến Km 242 + 600 m hướng đi Sơn La (từ hết đất nghĩa trang liệt sỹ huyện đến hết đất nhà ông Toàn Bình)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VIII	Các đường nhánh (trừ các tuyến đường đã có tại các mục đã nêu trên)					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
1	Các đường nhánh có mặt đường rộng 2,5 m trở lên nội thị (đường đổ bê tông hoặc dải nhựa)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Các đường nhánh có mặt đường rộng 2,5 m trở xuống nội thị (đường đổ bê tông hoặc dải nhựa)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
IX	Các tuyến đường còn lại trên địa bàn thị trấn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN					
B1	Đất ở tại khu dân cư ven đô, khu công nghiệp, đầu mối giao thông, trục đường giao thông, chính, khu thương mại, khu du lịch					
1	Dọc Quốc lộ 6 giáp Mộc Châu đến giáp Mai Sơn (trừ trung tâm xã, cụm xã, vị trí trung tâm khác có giá riêng)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Dọc Quốc lộ 37 (Địa phận Yên Châu)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Dọc Quốc lộ 6C (trừ trung tâm xã, cụm xã)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Dọc tỉnh lộ 103A (trừ trung tâm xã Chiềng On, vị trí trung tâm khác có giá riêng)	1,1	1,1	1,1	1,0	1,0
5	Dọc đường Bản Đán Chiềng Sàng - Bó Phương (trừ đất Trung tâm xã Yên Sơn; ngã ba Quốc lộ 6 bản Đán đến hết đất nhà ông Sinh bản Đán)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Tuyến đường dọc kè Suối huyện Yên Châu					
7	Từ đầu cầu Chiềng Khoi (Tiểu khu 3, thị trấn Yên Châu) đến bản Mường Vạt, xã Viêng Lán	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
B2	ĐẤT CỤM XÃ, TRUNG TÂM XÃ					
I	Cụm xã Phiêng Khoài					
1	Từ ngã ba trung tâm hướng đi Cò Nòi đến hết đất nghĩa trang Kim Chung	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã ba trung tâm hướng đi Hang Mon đến hết đất cây xăng Đức Cường	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ tiếp hết đất nghĩa trang Kim Chung hướng đi Cò Nòi đến cổng trường tiểu học Côn Huất	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ tiếp giáp đất cây xăng Đức Cường hướng đi Hang Mon 1.000 m	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ ngã ba trung tâm hướng đi Lao Khô đến hết đất Hợp tác xã dịch vụ chế biến chè	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
6	Đoạn từ hết đất Hợp tác xã dịch vụ chế biến chè đến hết cây xăng số 2 của doanh nghiệp Đức Cường	1,2	1,0	1,0		
7	Đoạn từ doanh nghiệp Đức Cường đến trạm kiểm soát biên phòng Keo Muông	1,2	1,0	1,0		
II	Trung tâm xã Lóng Phiêng					
1	Từ nhà văn hoá bản Yên Thi hướng đi Hang Mon 1.300m (đất ông Kiên) và hướng đi Quốc lộ 6 1.015 m (dọc đường Quốc lộ 6C)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Đường vào bản Tái định cư Quỳnh Phiêng (từ đường Quốc lộ 6C đi 500m)	1,2	1,0	1,0		
III	Trung tâm xã Yên Sơn					
1	Từ ngã ba (nhà ông Kha) đi hướng Bó Phương 200 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã ba (nhà ông Kha) đi hướng Cò Nồi 200 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ ngã ba (nhà ông Kha) đến hết đất trường tiểu học Yên Sơn (650 m) hướng đi Phiêng Khoài	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ ngã ba Đông Bâu hướng đi Kim Sơn 1;100 m (Hết đất nhà ông Thắng Quốc)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	Trung tâm xã Chiềng Đông					
1	Từ cầu Chiềng Đông 1 đến cầu Chiềng Đông 2 (dọc Quốc lộ)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ cầu Chiềng Đông 1 đến nhà ông Ủ Nhật cách 500 m (hướng đi Hà Nội)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ cầu Chiềng Đông 2 đến đường rẽ vào bản Chai cách 100 m (hướng đi Sơn La)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
V	Trung tâm cụm xã Chiềng Sàng					
1	Từ ngã ba vào bản Chiềng Sàng đi hướng Hà Nội (dọc Quốc lộ 6) 730 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ 731 m hướng đi Hà Nội đến ngã ba vào bản Đán (820 m)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ ngã ba vào bản Chiềng Sàng đi hướng Sơn La hết đất bản Chiềng Kim	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
VI	Trung tâm xã Chiềng Păn					
1	Từ ngã ba Quốc lộ 6 đi Chiềng Phú đến hết đất ông Đạt Quỳnh	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Đường từ ngã ba Chiềng Phú đi hướng Hà Nội đến cầu bản Phát	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ tiếp giáp đất ông Tạ Ngọc Tính (bản Thông Phiêng) hướng đi bản Chiềng Phú (2 bên đường) đến hết nhà ông Hà Văn Đò (bản Chiềng Phú)	1,1	1,0	1,0		

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
VIII	Trung tâm cụm xã Chiềng Hặc					
1	Từ cổng cây xăng Thắng Thủy đến qua cổng UBND xã Chiềng Hặc 100m (đọc Quốc lộ 6)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
IX	Trung tâm xã Tú Nang					
1	Từ ngã ba Quốc lộ 6 đi Nà Khoang đến Cầu đi bản Tin Tộc	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ cầu đi bản Tin Tộc đến qua ngã ba Quốc lộ 6 đi Chiềng Ban 100m (đến cổng thoát nước) hướng đi Hà Nội	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ ngã ba cầu Tà Làng đi Hà Nội đến hết đất Hạng 7 Quốc lộ 6 cũ, đi hướng Sơn La đến hết đất nhà Dinh Xuyên (đọc Quốc lộ 6)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
X	Trung tâm xã Chiềng On					
1	Trung tâm xã Chiềng On (từ cổng đồn Biên phòng Chiềng On đến hết trung tâm xã 640m)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã ba Đông Bâu hướng đi Chiềng On hết đất Trạm thu phí điện lực	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
XI	Trung tâm xã Viêng Lán					
1	Từ tiếp giáp nhà ông Hoàng Văn Lửa (bản Mường Vạt) hướng đi bản Nà Và 2 (2 bên đường) đến giáp đất ông Lữ Văn Xóm	1,1	1,0	1,0		
XII	Trung tâm xã Chiềng Khoi					
1	Từ ngã ba đi Thao trường bản đến ngã ba trường THCS (bản Pút)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã ba trường THCS đi các hướng 300m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ ngã ba trường THCS (bản Pút) đi hướng Hồ Chiềng Khoi đến đập Hồ Chiềng Khoi	1,0	1,0	1,0		
XIII	ĐẤT CỤM XÃ, TRUNG TÂM XÃ					
1	Tuyến đường Chiềng Khoi - Phiêng Khoài					
-	Từ đầu cầu Chiềng Khoi (Tiểu khu 3, thị trấn Yên Châu) đến bản Tam Thanh, xã Phiêng Khoài	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Tuyến đường Mường Lựm, Yên Châu - Tân Lập, Mộc Châu					
-	Từ xã Chiềng Hặc, huyện Yên Châu đến địa phận huyện Yên Châu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Trung tâm xã Mường Lựm					
-	Từ đầu đập hồ Mường Lựm tới UBND xã cũ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
4	Trung tâm xã Chiềng Tương					
-	Từ UBND xã cũ cách 500 m hướng về đồn biên phòng 465 tới qua ngã 3 rẽ vào UBND xã mới 200 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XIV	Tuyến đường nông thôn					
1	Đất ở còn lại thuộc địa bàn các xã	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

Phụ lục IX
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ VÀ ĐẤT Ở NÔNG THÔN HUYỆN MỘC CHÂU
(Kèm theo Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh)

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ					
A1	Thị trấn Mộc Châu					
I	Đường Trần Huy Liệu					
1	Từ ngã ba Bưu điện đến đường rẽ vào Bưu điện cũ (Hang Dơi)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ đường rẽ vào Bưu điện cũ (Hang Dơi) đến ngã ba đường rẽ vào Phố Tây Tiến (đường vào trường Mầm non Tây Tiến)	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0
II	Phố Phan Đình Giót					
1	Từ ngã ba Bưu điện đến hết đất Nhà văn hoá huyện	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ hết đất Nhà văn hoá huyện đến hết đất trường Trung học phổ thông Mộc Ly	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
3	Từ hết đất trường Trung học phổ thông Mộc Ly đến đất Đập tràn tiểu khu 1	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ đầu Đập tràn tiểu khu 1 đến cách đường đi từ ngã ba tiểu khu 1 vào UBND xã Đông Sang 20m	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
III	Đường Tô Hiệu					
1	Từ giáp Ngã ba Quốc lộ 6 đến đường tránh dốc 75	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ đường tránh dốc 75 đến đầu công viên tiểu khu 4	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ đầu công viên tiểu khu 4 đến hết đất Bưu điện	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	Phố Vừ A Dính					
1	Từ giáp đất Bến xe đến cổng vào trường Trung học cơ sở Mộc Ly	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ trường Trung học cơ sở Mộc Ly đến hết đất trường Phổ thông dân tộc Nội trú huyện	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
V	Phố Vũ Xuân Thiều và Phố Nguyễn Hoài Xuân					
-	Từ đường rẽ Ngân hàng nông nghiệp "Giáp đất KBNN" đến ngã tư Trạm biến thế	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VI	Phố Nguyễn Hoài Xuân					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
1	Từ ngã tư Trạm biến thế đến hết đất trường Tiểu học Mộc Ly	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã ba trung tâm tiểu khu 6 đến ngã ba tiểu khu 1	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
VII	Đường 20 - 11					
1	Từ trung tâm ngã ba Lóng Sập đi đến ngã tư Chợ Bảo Tàng	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã tư Chợ Bảo Tàng đi hết đất thị trấn Mộc Châu	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
VIII	Đường Nguyễn Lương Bằng					
1	Từ ngã ba đường rẽ vào phố Tây Tiến đến Cầu Trắng	1,4	1,1	1,0	1,0	1,0
2	Từ Cầu Trắng đến hết đất khách sạn Sao Xanh	1,5	1,1	1,0	1,0	1,0
3	Từ hết đất khách sạn Sao Xanh đến cột điện li tâm 7A1 (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 02) tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0
4	Từ cột điện li tâm 7A1 (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 02) tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu đến hết đất thị trấn Mộc Châu	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0
IX	Phố Tuệ Tĩnh					
1	Từ Quốc lộ 6 20m đến ngã ba đường rẽ Bệnh Viện	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã ba đường rẽ Bệnh Viện đến trường Tiểu học và THCS Tây Tiến	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ trường Tiểu học và THCS Tây Tiến đến cách ngã tư Chợ Bảo Tàng 20m	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
X	Các tuyến đường nội thị khác					
1	Từ đất đập tràn tiểu khu 1 đến hết thị trấn Mộc Châu (hướng đi bản Búa, xã Đông Sang)	1,5	1,1	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã ba bản Mòn đến hết đất thị trấn Mộc Châu (đường đi Đông Sang)	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0
3	Các tuyến đường nội thị khu Trung tâm hành chính mới (quy hoạch 17,5m)	1,3	1,1	1,0	1,0	1,0
4	Các tuyến đường nội thị khu Trung tâm hành chính mới (quy hoạch 11,5m)	1,3	1,1	1,0	1,0	1,0
5	Đường tránh dốc 75: Từ ngã ba đường tránh dốc 75 (Quốc lộ 6) đến đất Nhà văn hóa tiểu khu 3	1,3	1,2	1,0	1,0	1,0
6	Từ ngã ba đường trục chính trung tâm hành chính cũ đến ngã ba đến cách Quốc lộ 6 20m (hướng đi qua Công ty Hợp tác Quốc tế 705)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
7	Từ Quốc lộ 6 ngoài phạm vi 20m theo đường vào khu đất Thanh tra giao thông I.02 ra đến cách Quốc lộ 6 20 m (tiểu khu 3)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
8	Từ hết thửa đất nhà ông Tâm (thửa 24, tờ 18) đến ngã ba bản Mòn (tuyên phố Bình Minh)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
9	Từ hết đất Công ty sửa chữa đường bộ 224 đến điểm giao nhau với phố Tuệ Tĩnh cách 20m (ngõ Hoa Anh Đào)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
10	Từ đường rẽ xuống xóm bưu điện cũ cách 20m đến suối (tiểu khu 8)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
11	Từ hết thửa đất số 136, tờ bản đồ số 25 (nhà bà Liên Mão) theo tường rào Chợ trung tâm huyện Mộc Châu đến hết thửa đất số 238, tờ bản đồ số 25 (tiểu khu 6)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
12	Từ hết đất Khách sạn Hương Sen theo tường rào Công an huyện Mộc Châu đến hết đất Công an huyện, tiểu khu 6	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
13	Từ hết thửa đất nhà ông Liêm Tân (ngoài phạm vi 20m Quốc lộ 6) đến hết đất nhà ông Vương Thành Chung thửa đất số 31, tờ bản đồ số 25	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
14	Từ hết đất lương thực (ngoài phạm vi 20m Quốc lộ 6) đến đất nhà ông Tráng (Thửa đất số 85, tờ bản đồ 25)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
15	Từ hết đất nhà ông Lại Vũ Hoat (Thửa đất số 99, tờ bản đồ 08) đến hết thửa đất số 54, tờ bản đồ số 8 (tiểu khu 13)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
16	Từ thửa đất số 73, tờ bản đồ số 12 đến hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 9 (tiểu khu 13)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
17	Từ thửa đất số 71, tờ bản đồ số 09 đến hết thửa đất số 55, tờ bản đồ số 08 (tiểu khu 13)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
18	Từ thửa đất số 84, tờ bản đồ số 16 đến hết thửa đất số 29, tờ bản đồ số 15 (tiểu khu 12)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
19	Từ thửa đất số 171, tờ bản đồ số 16 đến hết thửa đất số 96, tờ bản đồ số 11 (tiểu khu 11)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
20	Từ thửa đất số 254, tờ bản đồ số 16 đến hết thửa đất số 24, tờ bản đồ số 21 (tiểu khu 11)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
21	Từ thửa đất số 108, tờ bản đồ số 20 đến hết thửa đất số 07, tờ bản đồ số 24 (tiểu khu 8)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
22	Từ thửa đất số 345, tờ bản đồ số 25 đến hết thửa đất số 428, tờ bản đồ số 25 (tiểu khu 6)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
23	Các tuyến đường trong khu đất đấu giá bến xe tỉnh cũ	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
24	Từ cách ngã tư chợ Bảo Tàng 20m đi đến cách Quốc lộ 6 20m (theo hướng Trường Mầm non Tây Tiến)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
25	Từ thửa đất số 236, tờ bản đồ 16 đến hết thửa đất số 246, tờ bản đồ 16 (tiểu khu 12)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
26	Các đoạn đường khác có độ rộng từ 3,5m trở xuống	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
27	Các đoạn đường khác có độ rộng trên 3,5m	1,3	1,1	1,0	1,0	1,0
28	Tuyến đường nội thị thuộc quy hoạch khu dân cư và hồ sinh thái tiểu khu 2	1,4	1,1	1,0	1,0	1,0
XI	Các tuyến đường bổ sung năm 2023					
1	Tuyến đường khu đất đấu giá Bể Văn Đàn, tiểu khu 1, thị trấn Mộc Châu	1,2	1,2	1,0	1,0	1,0
2	Từ thửa đất số 36, tờ bản đồ 30 đến hết thửa đất số 75, tờ bản đồ số 30 (tiểu khu 1, thị trấn Mộc Châu)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Các tuyến đường nội thị khu Trung tâm hành chính mới (quy hoạch 34,5m)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Các tuyến đường nội thị khu Trung tâm hành chính mới (quy hoạch 21,5m)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Các tuyến đường nội thị khu Trung tâm hành chính mới (quy hoạch 15,5m)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Các tuyến đường nội thị khu Trung tâm hành chính mới (quy hoạch 13,5m)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Các tuyến đường khu dân cư 224 cũ (đường vào trung tâm văn hoá huyện, tiểu khu 8, thị trấn Mộc Châu)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
A2	Thị trấn Nông trường Mộc Châu					
I	Đường Lê Thanh Nghị					
1	Từ ngã ba Quốc lộ 6 mới đến đường rẽ tiểu khu 32 (theo Quốc lộ 43)	1,5	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ đường rẽ tiểu khu 32 đến hết tường rào Khách sạn Công đoàn	1,4	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ tường rào Khách sạn Công đoàn đến đường phụ vào Bệnh viện Đa khoa Thảo Nguyên	1,4	1,2	1,2	1,0	1,0
4	Từ đường phụ vào Bệnh viện Đa khoa Thảo Nguyên đến hết đất cây xăng Km 70	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
5	Từ hết đất cây xăng km 70 đến ngã ba vào Tân Lập	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
II	Đường nối với đường Lê Thanh Nghị					
1	Từ ngã ba Ngân hàng Nông nghiệp khu vực Thảo Nguyên ngoài phạm vi 100m đến cầu tiểu khu 32	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ Quốc lộ 43 theo đường rẽ vào Khách sạn Công đoàn đến hết tường rào Khách sạn Công Đoàn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
III	Đường Thảo Nguyên					
1	Từ ngã ba rẽ vào Tân Lập đến cột Km 194 (theo Quốc lộ 43)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ cột Km 194 (theo Quốc lộ 43) đến đường rẽ vào Xưởng vi sinh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ đường rẽ vào Xưởng vi sinh đến ngã ba vào tiểu khu Tiên Tiến (hết đất Chè Đen II)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ ngã ba Km 64 ngoài phạm vi 100 m đến lối rẽ vào tiểu khu Tiên Tiến (Hướng đi Sơn La)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	Đường 19-8					
-	Từ ngã ba đường rẽ vào trường Mầm non Hòa Mi đến Đài Bay	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
V	Phố Lò Văn Giá					
1	Từ ngã ba Quỹ tín dụng thị trấn Nông trường Mộc Châu ngoài phạm vi 20m đến hết đất Xưởng chế biến thức ăn gia súc	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ hết đất Xưởng chế biến thức ăn gia súc đến ngã tư tiểu khu Tiên Tiến	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
VI	Phố Kim Liên					
1	Từ ngã ba Công an 70 ngoài phạm vi 20 m đến hết đất UBND thị trấn Nông trường Mộc Châu (theo đường Kim Liên)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ hết đất UBND thị trấn Nông trường Mộc Châu đến ngã ba Nhà máy sữa	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ ngã 3 Nhà máy sữa đến cổng Nhà máy sữa	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ ngã 3 Nhà máy sữa đến Bia tường niệm, tiểu khu 19/5	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
VII	Đường Hoàng Quốc Việt					
1	Từ ngã ba Quốc lộ 6 mới đến điểm tiếp giáp với đất của Resort Thảo Nguyên (theo hướng đi Hà Nội)	1,4	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
2	Từ giáp đất Resort Thảo Nguyên đến trung tâm ngã tư Bó Bun	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ trung tâm ngã tư Bó Bun đến hết thửa đất ông Diệp Huệ (hướng đi Hà Nội)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ hết thửa đất nhà ông Diệp Huệ (theo hướng đi Hà Nội) đến hết thửa đất nhà ông Sinh Nghị (Cửa Hang Đá)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ hết thửa đất nhà ông Sinh Nghị (Cửa Hang Đá) đến trung tâm ngã tư tiểu khu 70	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Từ trung tâm ngã tư tiểu khu 70 đến hết thửa đất nhà ông Tuyến Thái (theo hướng đi Hà Nội)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Từ thửa đất nhà ông Tuyến Thái (tiểu khu 70) đến giáp đất xã Vân Hồ	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
VIII	Đường nối với đường Hoàng Quốc Việt					
-	Từ đường Quốc lộ 6 cũ đến cách Quốc lộ 6 mới (ngã tư Kho Muối) 100 m	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ Quốc lộ 6 ngoài phạm vi 20m đến hết thửa đất nhà Cường the (công chính Khách sạn Mường Thanh)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
IX	Đường Tiên Tiến					
1	Từ ngã tư tiểu khu Tiên Tiến đến Quốc lộ 43	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã tư tiểu khu Tiên Tiến đến Quốc Lộ 6	2,0	1,2	1,0	1,0	1,0
X	Đường Tỉnh lộ 104					
-	Từ ngã ba đường rẽ đi xã Tân Lập đến hết khu đất quy hoạch hồ 70, tiểu khu Cơ quan (hết thửa đất số 37, tờ bản đồ số 31)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XI	Các đường nối với đường Tỉnh lộ 104					
1	Từ đường rẽ trạm biến áp 110Kv đến cách ngã ba tiểu khu Pa Khen 100 m	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ trung tâm ngã ba tiểu khu Pa Khen theo hướng đi thị trấn Nông Trường Mộc Châu 100m	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ trung tâm ngã ba tiểu khu Pa Khen đi đến hết nhà văn hóa tiểu khu Pa Khen (theo hướng đi xã Tân Lập)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ trung tâm ngã ba tiểu khu Pa Khen đi đến hết thửa đất nhà bà Tích (theo hướng đi tiểu khu Tà Loọng)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ ngã ba tiểu khu Pa Khen (tính từ nhà văn hóa Pa Khen) đến giáp đất của xã Tân Lập (đường Nà Ka)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
XII	Phố Tô Vĩnh Diện					
1	Từ ngã ba Xưởng chế biến thức ăn gia súc đến cách Quốc lộ 6 20m	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã 3 tiểu khu 70 (Nhà văn hóa) đến ngã ba tiểu khu 32 (hết đất nhà Chinh Chất)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XIII	Đường Thảo Nguyên đi hướng đường Tỉnh lộ 101					
-	Từ trung tâm ngã ba km 64 đi các hướng 100m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XIV	Đường 14-6					
1	Từ đường Quốc lộ 43 đến Xưởng chè Vân Sơn	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã tư đường rẽ vào Xưởng chè Vân Sơn theo hướng đi tiểu khu Hoa Ban đến ngã ba đường tỉnh lộ 101B (cách 20m)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
XV	Tiểu khu 70					
-	Từ ngã tư tiểu khu 70 ngoài phạm vi 20m đến cách Quốc lộ 6 20m đi theo hướng nhà trẻ cũ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XVI	Tiểu khu Bản Ôn					
1	Từ Quốc lộ 43 ngoài phạm vi 20m hướng đi đồi chè Trái tim đến ngã ba tiểu khu Bản Ôn (nhà Dân Mát)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã ba tiểu khu Bản Ôn (nhà Dân Mát) đến hết đất nhà Liên Vân (hướng đi tiểu khu Pa Khen 2)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ ngã ba tiểu khu Bản Ôn (nhà Dân Mát) đến hết đất tiểu khu Bản Ôn (qua Nhà văn hóa tiểu khu Bản Ôn)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ ngã ba ngoài phạm vi 20m (đường rẽ tiểu khu Pa Hía) đến hết khu dân cư tiểu khu Pa Hía	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XVII	Tiểu khu Tiên Tiến					
-	Từ ngã tư tiểu khu Tiên Tiến ngoài phạm vi 20m (cổng chào) đến hết đất Nhà văn hóa tiểu khu Tiên Tiến	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XVIII	Tiểu khu 84/85					
-	Từ Quốc lộ 43 ngoài phạm vi 20m đến Ngũ Động (Bản Ôn)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XIX	Các tuyến đường nội thị khác					
1	Từ ngã ba Ngân hàng Nông nghiệp khu vực Thảo Nguyên đi 100m theo hướng Bệnh viện cũ	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
2	Từ ngã tư Bó Bun phạm vi 100 m theo đường ngang	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ trung tâm ngã tư tiểu khu 70 đi phạm vi 100 m theo hai hướng đường ngang	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ ngã ba tiểu khu Tiền Tiến (Tính từ Thửa 54 tờ bản đồ 63) đến hết (thửa đất số 47 tờ bản đồ số 77) nhà Hoa Chuẩn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ ngã 3 nhà Sang Toàn (tiểu khu 32) đến ngã 3 tiểu khu 32 (nhà Chinh + Chát)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Từ ngã ba tiểu khu 32 (nhà Chinh + Chát) đến cách ngã tư Bó Bun 20m (theo hướng ra Quốc lộ 6)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Từ ngã tư Kho Muối phạm vi 100 m theo hai hướng đường ngang	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
8	Từ ngã ba Km 64 ngoài phạm vi 100m theo hướng tỉnh lộ 101B đến giáp đất Vân Hồ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
9	Từ ngã ba Km 64 ngoài phạm vi 100m theo hướng Quốc lộ 43 đến giáp đất xã Phiêng Luông	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
10	Các tuyến đường nội thị thuộc quy hoạch hồ 70	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
11	Từ Nhà văn hóa tiểu khu 40 ngoài phạm vi 20m đến cách Quốc lộ 43 ngoài phạm vi 20m (theo đường bê tông)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
12	Từ Quốc lộ 43 ngoài phạm vi 20 m đến hết đất Nhà văn hoá tiểu khu Khí tượng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
13	Từ ngã 3 Tân Cương (Tỉnh lộ 104) đi tiểu khu 26/7 và tiểu khu 67 đến cách Quốc lộ 43 (tiểu khu 67) 20 m	1,3	1,1	1,0	1,0	1,0
14	Từ Quốc lộ 6 ngoài phạm vi 20 m đến nhà văn hoá tiểu khu Vườn Đào	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
15	Từ Quốc lộ 43 ngoài phạm vi 20 m theo hướng vào tiểu khu 19/5 đến Bia tưởng niệm nơi Bác Hồ về thăm	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
16	Từ ngã 4 tiểu khu 70 (Quốc lộ 6) ngoài phạm vi 20m theo hướng đi tiểu khu Vườn Đào đến ngã 3 đường rẽ tiểu khu Vườn Đào	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
17	Từ Quốc lộ 43 ngoài phạm vi 20m (quán lẩu dê 68) theo hướng vào tiểu khu 26/7 đến ngã ba đường nối từ tiểu khu 26/7 đi tiểu khu 67	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
18	Từ ngã tư Bó Bun phạm vi ngoài 100m theo đường ngang đến hết đất Ban quản lý khu Du lịch Mộc Châu	1,5	1,5	1,0	1,0	1,0
19	Từ Quốc lộ 43 ngoài phạm vi 40 m đến hết đất nhà văn hoá tiểu khu 69	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
20	Từ ngã 3 trường tiểu học 15/10 đến cách 20m tiếp giáp với đường Lò Văn Giá	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
21	Khu đất đầu giá tiểu khu 77, thị trấn Nông trường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
22	Từ đường Lò Văn Giá (trường THPT Thảo nguyên) ra đến Quốc lộ 6	1,3	1,3	1,3	1,3	1,3
23	Từ ngã ba tiểu khu Chiềng Đi (tính từ thửa số 48, tờ bản đồ 77) đến hết thửa đất số 37, tờ bản đồ 10 (nhà Cúc Thắng), hướng đi tiểu khu Chiềng Đi.	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
24	Các đoạn đường khác có độ rộng từ 3,5m trở xuống	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
25	Các đoạn đường khác có độ rộng trên 3,5m	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
26	Từ Quốc lộ 43 ngoài phạm vi 20m đến hết đất nhà Thực Mai, tiểu khu Nhà Nghi	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
27	Từ đường Tỉnh lộ 104 ngoài phạm vi 20m đến cổng Trạm Ra đa, tiểu khu 84/85	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XX	Tuyến đường theo Nghị định 10 sau khách sạn Mường Thanh, thị trấn Nông trường Mộc Châu: Từ Quốc lộ 6 đến Quốc lộ 43 ngoài phạm vi 20m	1,5	1,5	1,0	1,0	1,0
XXI	Từ Quốc lộ 43 ngoài phạm vi 20m đến cổng chính Bệnh viện Đa khoa Thảo nguyên	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XXII	Tuyến đường từ hết đất quy hoạch hồ 70 theo đường tỉnh lộ 104 đến Trạm biến áp 110Kv	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XXIII	Tuyến đường bê tông từ ranh giới thửa đất số 08 đến hết thửa đất số 15 tờ bản đồ số 20m, tiểu khu 32, thị trấn Nông trường Mộc Châu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XXIV	Các tuyến đường bổ sung năm 2023					
1	Tuyến đường Khu đất quy hoạch đầu giá tiểu khu 32, thị trấn Nông Trường Mộc Châu (Khu nhà ở Thảo Nguyên)	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã tư Kho Muối phạm vi 100m qua mỏ đá Thanh Thi đến đất Ban quản lý khu Du lịch Mộc Châu (hướng ra ngã tư Bó Bun)	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN					
I	Đường Tỉnh lộ 102 (đường từ Quốc lộ 43 đi vào Trung tâm cụm xã Chiềng Sơn)					
1	Từ Quốc lộ 43 đến hết đất Trạm y tế xã	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
2	Từ hết đất Trạm y tế xã đến giáp cổng trường Tiểu học Chiềng Sơn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ cổng trường Tiểu học Chiềng Sơn đến qua cổng trụ sở CTCP Chè Chiềng Ve + 100m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ cổng trụ sở CTCP chè Chiềng Ve + 100m đến đường rẽ vào Xưởng chè +100m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ đường rẽ vào xưởng chè + 100m đến hết địa giới xã Chiềng Sơn hướng đi xã Chiềng Xuân	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Từ ngã ba trung tâm xã đi Nậm Dên ngoài phạm vi 20m đến cầu tiểu khu 2/9	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Từ đường Tỉnh lộ 102 ngoài phạm vi 20m đến đất Công ty chè Chiềng Ve	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
8	Từ đường Tỉnh lộ 102 ngoài phạm vi 20m đến đất nhà Thỏa Thiềng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
9	Từ đường Tỉnh lộ 102 ngoài phạm vi 20 m đến đất nhà Minh + Đức (tiểu khu 4)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
10	Từ đường Tỉnh lộ 102 ngoài phạm vi 20 m đến đất nhà bà Hoàng Thị Đào (tiểu khu 2)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
II	Quốc lộ 6					
1	Từ giáp địa phận thị trấn Mộc Châu đến cách đường rẽ xuống Trạm y tế xã Chiềng Hắc 50m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ cách đường rẽ xuống Trạm y tế xã Chiềng Hắc 50m đi phạm vi 200m đến hết cây xăng Quân Nam	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ hết cây xăng Quân Nam đến đầu khu dân cư bản Ta Niết (Km 250 + 480)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ đầu khu dân cư bản Ta Niết (Km 250 + 480) đến đường rẽ đập thủy điện Tà Niết	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ đường rẽ đập thủy điện Tà Niết đến cầu Ta Niết (Khu nghĩa địa bản Ta Niết)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Từ cầu Ta Niết (Khu nghĩa địa bản Ta Niết) đến hết địa phận huyện Mộc Châu (Giáp ranh đất Yên Châu)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
III	Quốc lộ 43 từ bản Muống Phiêng Luông đến Bến phà Vạn Yên					
1	Từ cầu bản Muống đến đập tràn bản Suối Khem + 100m	1,3	1,2	1,2	1,2	1,2

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
2	Từ đập tràn bản Suối Khem + 100m đến Km số 9 xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ giáp đất huyện Vân Hồ đến cách khu đất Quy hoạch UBND xã Hua Phăng 600m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ khu đất quy hoạch UBND xã Hua Phăng về hai hướng 600m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ khu đất Quy hoạch UBND xã Hua Phăng + 600m đến km 46+800 theo Quốc lộ 43 (bản Thống Nhất xã Nà Muồng)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Từ Km 46 + 800 theo Quốc lộ 43 đến Nhà văn hóa bản Đoàn Kết	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Từ Nhà văn hóa bản Đoàn Kết đến hết đất nhà Ông Thoan Bích (bản Đoàn Kết)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
8	Từ hết đất nhà ông Thoan Bích (bản Đoàn Kết) theo Quốc lộ 43 đến hết đất nhà ông Mùi Văn Hòa (bản Kè Tèo)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
9	Từ hết đất nhà ông Mùi Văn Hòa (bản Kè Tèo) đến hết Bến phà Vạn Yên	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
10	Từ ngã ba Quốc lộ 43 hướng đi xã Tà Lại +100m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
11	Từ hướng đi xã Tà Lại +100m đến đường rẽ vào UBND xã Tà Lại + 200m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	Quốc lộ 43 đoạn từ giáp đất thị trấn Mộc Châu đến trụ sở xã Lóng Sập					
1	Từ hết đất thị trấn Mộc Châu + 300m (theo Quốc lộ 43)	2,0	2,0	1,1	1,0	1,0
2	Từ giáp đất Thị trấn Mộc Châu ngoài phạm vi 300m đến cầu Nà Bó	2,0	2,0	1,1	1,0	1,0
3	Từ cầu Nà Bó đến cầu Nà Ngà	1,6	1,3	1,0	1,0	1,0
4	Từ cầu Nà Ngà đến đường rẽ đi Chiềng Khừa	1,6	1,3	1,1	1,0	1,0
5	Từ đường rẽ đi Chiềng Khừa đến đường rẽ xuống thác Dải Yếm	1,5	1,2	1,0	1,0	1,0
6	Từ đường rẽ xuống thác Dải Yếm đến cầu Sò Lườn + 500m	1,6	1,2	1,1	1,0	1,0
7	Từ Cầu Sò Lườn + 500m đến hết đất xã Chiềng Sơn	2,0	1,3	1,1	1,0	1,0
8	Từ hết đất xã Chiềng Sơn đến hết địa phận xã Lóng Sập	2,0	1,3	1,1	1,0	1,0
VI	Đường ranh giới xã Đông Sang đi rừng thông Bản Áng					
1	Từ hết đất Thị trấn Mộc Châu đi rừng thông Bản Áng đến ngã ba rẽ vào rừng thông	2,6	1,5	1,2	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
2	Từ ngã ba rừng thông đi vào rừng thông Bản Áng	1,7	1,2	1,1	1,0	1,0
3	Từ ngã ba đường rẽ đi rừng thông đến cây đa bản Áng	2,0	1,3	1,0	1,0	1,0
4	Từ hết đất thị trấn Mộc Châu đi đến công ty TaKii	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VII	Các tuyến đường tại các xã					
1	Xã Mường Sang					
-	Từ Quốc lộ 43 theo đường vào bản An Thái đến hết thửa đất số 42, tờ bản đồ số 09	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ Quốc lộ 43 đường rẽ đi Chiềng Khừa phạm vi ngoài 40m đến hết đất xã Mường Sang	2,0	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Từ đầu cầu Nà Ngà Quốc lộ 43 rẽ vào nghĩa trang nhân dân huyện Mộc Châu	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ Quốc lộ 43 phạm vi ngoài 40m đến ngã ba chùa Vật Hồng (bản Vật)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ Quốc lộ 43 theo đường vào bản Thái Hưng đến hết thửa đất số 13, tờ bản đồ số 65	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ Quốc lộ 43 ngoài phạm vi 40m đến đường vào Nhà văn hóa bản Sò Lườn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Xã Đông Sang					
-	Từ ngã ba tiểu khu 34 theo đường vào Trung tâm giáo dục lao động	1,5	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba nhà văn hóa bản Búa đến ngã tư đường rẽ trường THCS	1,3	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba sân vận động xã đến bản Búa	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Tuyến đường theo nghị định 10 tại bản Áng, xã Đông Sang	1,5	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Tuyến đường quy hoạch khu đất đấu giá Hội Thợ bản Tự Nhiên, xã Đông Sang	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Tuyến đường khu quy hoạch đấu giá đường giao thông bản Áng, xã Đông Sang (giai đoạn 2)	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
-	Từ đường trục chính vào rừng thông ngoài phạm vi 40m đến ngã 3 tiểu khu 34 (giáp nhà ông Khu);	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã 3 tiểu khu 34 đến hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 36	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã 3 tiểu khu 34 đến hết cổng Công ty Hoa Nhiệt đới	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
3	Xã Chiềng Hắc					
-	Từ đường Quốc lộ 6 ngoài phạm vi 40m theo đường lên bản Tà Sô đến hết đất nhà ông Vi Văn Nút	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ đường Quốc lộ 6 ngoài phạm vi 40m theo đường đi trạm y tế xã đến hết đất nhà ông Hà Văn Châm	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ đường Quốc lộ 6 ngoài phạm vi 40m theo đường đi vào trường cấp 2 Chiềng Hắc đến hết đất Trụ sở UBND xã Chiềng Hắc (Trụ sở mới)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ đường Quốc lộ 6 ngoài phạm vi 40m theo đường lên bản Ta Niết đến đất Ao bản Ta Niết trên	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Xã Tân Hợp					
-	Từ cổng trụ sở UBND xã theo đường liên xã đến bản Cà Đặc	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ cổng trụ sở UBND xã Tân Hợp theo đường liên xã đến giáp đất bản Dọi, xã Tân Lập	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba bản Nà Sánh theo đường liên bản đến bản Sao Tua	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba bản Nà Sánh theo đường liên bản đến bản Suối Sáy	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Xã Chiềng Khừa					
-	Từ giáp đất xã Mường Sang theo đường vào Trung tâm xã đến đất nhà ông Canh bản Phách	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ nhà ông Canh bản Phách đến hết đất xã Chiềng Khừa (Giáp bản Bó Hìn, xã Chiềng Tương, huyện Yên Châu)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Xã Nà Mường					
-	Từ ngã ba đường đi xã Quy Hướng đến cầu cứng bản Kè Tèo	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ cầu cứng bản Kè Tèo đến hết địa phận xã Nà Mường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Xã Quy Hướng					
-	Từ Quốc lộ 43 bản Cà Tèo xã Quy Hướng đến trung tâm xã Quy Hướng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ trung tâm xã đến bản Đồng Giăng, bản Suối Cáu, Bó Hoi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
8	Xã Tà Lại					
-	Từ đường rẽ vào UBND xã Tà Lại + 200m đến ngã ba bản Tà Lọt + 100m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
9	Xã Hua Păng					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Tuyến đường liên bản Nà Bó I đến Nà Bó II (Quốc lộ 43)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Tuyến đường liên xã Quốc lộ 43 xã Hua Păng đi bản Đạo xa Tô Múa huyện Vân Hồ	1,0	1,0	1,0		
10	Xã Tân Lập					
-	Từ hết đất thị trấn Nông trường Mộc Châu theo hướng đi Tân Lập đến lối rẽ vào trường THCS Tân Lập	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba tiểu khu 9 đi hết đất bản Tà Phình	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba tiểu khu 12 đi hết đất bản Nậm Khao (Giáp đất Bắc Yên)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba đường rẽ vào trường THCS Tân Lập đi hết đất Bản Dội (giáp đất xã Tân Hợp)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
-	Từ ngã ba Bản Hoa đi hết đất bản Nậm Tôm (giáp đất thị trấn Nông trường Mộc Châu)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VIII	Đất ở nông thôn còn lại trên địa bàn huyện Mộc Châu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

Phụ lục X
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ VÀ ĐẤT Ở NÔNG THÔN HUYỆN VÂN HỒ
(Kèm theo Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh)

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN					
I	Quốc lộ 6 hướng đi Sơn La					
1	Từ giáp địa phận tỉnh Hoà Bình theo hướng đi Sơn La đến cách ngã ba đi xã Pà Cò, huyện Mai Châu 200m (Km 154 + 80m)	1,5	1,2	1,2	1,2	1,2
2	Trong phạm vi ngã ba đường đi xã Pà Cò, huyện Mai Châu theo hai hướng 200m (từ Km 154 + 80 đến Km 154 + 480m)	1,5	1,2	1,2	1,2	1,2
3	Từ cách ngã ba đường đi xã Pà Cò, huyện Mai Châu 200 m đến đầu khu dân cư bản Co Chàm (từ Km 154 + 480m đến Km 155 + 400m)	1,5	1,2	1,2	1,2	1,2
4	Từ khu dân cư bản Co Chàm đến đường rẽ vào bản Co Tang (từ Km 155 + 400 đến Km 157 + 950m)	1,5	1,2	1,2	1,2	1,2
5	Từ đường rẽ vào bản Co Tang đến cách công trụ sở UBND xã Lóng Luông 500m (từ Km 157 + 950m đến Km 159 + 600m)	1,5	1,2	1,2	1,2	1,2
6	Từ công trụ sở UBND xã Lóng Luông đi hai hướng 500m (từ Km 159 + 600 m đến Km 160 + 600 m)	1,5	1,2	1,2	1,2	1,2
7	Cách công trụ sở UBND xã Lóng Luông 500m đến cách ngã ba QL6 300m bản Lóng Luông (từ Km 160 + 600m đến Km 163 + 800m)	1,5	1,2	1,2	1,2	1,2
8	Ngã ba Quốc lộ 6 bản Lóng Luông theo hai hướng 300 m (từ Km 163 + 800 m đến Km 164 + 400m)	1,3	1,2	1,2	1,2	1,2
9	Từ cách ngã ba Quốc lộ 6 bản Lóng Luông 300 m đến nhà ông Tráng A Sênh (từ Km 164 + 400m đến Km 170 + 400m)	1,5	1,2	1,2	1,2	1,2
10	Từ nhà ông Tráng A Sênh đến hết khu dân cư bản Bó Nhàng 1 (từ Km 170 + 400m đến Km 173 + 400m)	1,5	1,2	1,2	1,2	1,2
11	Từ hết đất khu dân cư bản Bó Nhàng1 đến đường rẽ vào bản Chiềng Đi I (từ Km 173 + 400m đến Km 176 + 800m)	2,0	1,2	1,2	1,2	1,2
12	Từ đường rẽ vào bản Chiềng Đi I (Km 176 + 800) đến hết địa giới hành chính huyện Vân Hồ	2,0	1,2	1,2	1,2	1,2
II	Quốc Lộ 6 hướng đi xã Pà Cò, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ ngã ba Quốc lộ 6 (bản Co Chàm, xã Lóng Luông) đến hết địa giới hành chính xã Lóng Luông, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La	1,3	1,2	1,2	1,2	1,2
III	Quốc lộ 43					
-	Từ địa giới hành chính giáp với xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu đến địa giới hành chính giáp với xã Hua Păng, huyện Mộc Châu	4,0	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	Tỉnh lộ 101 (từ QL 6 đến bờ sông đền Hang Miếng)					
1	Từ ngã ba Quốc Lộ 6 đến ngã ba xã Vân Hồ (nhà ông Sào Hái)	2,5	1,4	1,4	1,4	1,4
2	Từ ngã ba (nhà ông Mùi Văn Hải) đến hết đất Nhà máy IC Food + 300m	2,5	1,4	1,4	1,4	1,4
3	Từ hết đất nhà máy IC Food +300m đến chân dốc cách cây xăng Chiềng Khoa 100m	4,0	1,2	1,2	1,2	1,2
4	Từ qua chân dốc cách cây xăng Chiềng Khoa 100m đi qua Trụ sở UBND xã Chiềng Khoa 100m	4,0	1,2	1,2	1,2	1,2
5	Từ cách Trụ sở UBND xã Chiềng Khoa 100m đến đỉnh dốc 3 tầng (biển Pano tuyên truyền về môi trường)	3,0	1,2	1,2	1,2	1,2
6	Từ đỉnh dốc 3 tầng (biển Pano tuyên truyền về môi trường) đến đường rẽ vào trường mầm non Tô Múa	1,5	1,3	1,2	1,2	1,2
7	Từ đường rẽ vào trường mầm non Tô Múa đến cách đường vào trụ sở UBND xã Mường Tè 500m	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2
8	Từ cách đường vào trụ sở UBND xã Mường Tè 500m đi đến trụ sở UBND xã Quang Minh + 500m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
9	Từ trụ sở UBND xã Quang Minh + 500m đến bờ sông đền Hang Miếng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
V	Tỉnh lộ 101 (từ giáp đất thị trấn Nông trường Mộc Châu theo đường Quốc lộ 6 cũ đến ngã ba bản Lóng Luông)					
1	Từ giáp đất Thị trấn Nông trường huyện Mộc Châu đến cách ngã ba đường 31,5m 100m (khu cây đa)	2,0	1,2	1,2	1,2	1,2
2	Ngã ba đường 31.5m trong phạm vi 100m đi hai hướng (khu cây đa)	2,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ ngã ba đường 31,5m + 100m đến đường lên cột phát sóng truyền hình	3,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ đường lên cột phát sóng truyền hình đến đường rẽ lên trụ sở UBND huyện cũ +100m	1,5	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ đường rẽ lên trụ sở UBND huyện cũ đến QL 6 (bản Lóng Luông)	1,5	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
VI	Tỉnh lộ 101 (Quốc lộ 43 đi trung tâm xã Chiềng Khoa)					
1	Từ Quốc lộ 43 đến hết đất nhà máy chế biến nông sản Sơn Hà	5,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ hết đất nhà máy chế biến nông sản Sơn Hà đến ngã ba bản Mường Khoa	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
VII	Từ tỉnh lộ 101 đến trung tâm xã Suối Bàng					
1	Từ đường tỉnh lộ 101 đến hết đất nhà máy chè Tô Múa	1,5	1,3	1,2	1,0	1,0
2	Từ hết đất nhà máy chè Tô Múa đến hết đất khu dân cư bản Liên Hưng	1,5	1,3	1,2	1,0	1,0
3	Từ hết đất khu dân cư bản Liên Hưng xã Tô Múa đến cách cổng trụ sở UBND xã Suối Bàng 500m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ cổng trụ sở UBND xã Suối Bàng về 2 hướng 500m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ cách cổng trụ sở UBND xã Suối Bàng 500m đến hết đường bê tông (ra Bến Lôi)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VIII	Tỉnh lộ 101 (đi xã Liên Hòa)					
1	Từ ngã ba bản Bó Mòng đến cách ngã ba trụ sở UBND xã Song Khủa 500m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã ba trụ sở UBND xã Song Khủa về ba hướng 500m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ cách ngã ba trụ sở UBND xã Song Khủa 500m đến cách đường lên trụ sở UBND xã Liên Hòa 500m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Trong phạm vi đường lên trụ sở UBND xã Liên Hòa về hai hướng 500 m	1,5	1,2	1,0	1,0	1,0
5	Từ cách đường lên trụ sở UBND xã Liên Hòa 500m đến hết đường bê tông đi bản Tường Liên	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
IX	Tỉnh lộ 101 (đi xã Mường Men)					
1	Từ ngã ba đường đi xã Mường Men đến ngã ba đi bản Chiềng Khòong	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã ba đi bản Chiềng Khòong đến cách đường lên trụ sở UBND xã Mường Men 500m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ đường lên trụ sở UBND xã Mường Men đi hai hướng 500 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
X	Tỉnh lộ 102 (đi xã Chiềng Xuân)					
1	Từ ngã tư bản Bó Nhàng, xã Vân Hồ (QL 6) theo hướng đi xã Xuân Nha đến hết khu dân cư bản Bó Nhàng II (chân dốc đá)	1,5	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
2	Từ hết khu dân cư bản Bó Nhàng II (chân dốc đá) đến cách đường lên trụ sở UBND xã Xuân Nha 500m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ cách đường lên trụ sở UBND xã Xuân Nha 500m đến cách ngã ba bản Nà Hiềng 200m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Trong phạm vi ngã ba bản Nà Hiềng đi 3 hướng 200m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ cách ngã ba bản Nà Hiềng 200m đến giáp đất trường trung học và tiểu học Chiềng Xuân	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Từ trường trung học và tiểu học xã Chiềng Xuân đến đầu cầu bản Suối Quanh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Từ đầu cầu Suối Quanh đến giáp đất xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XI	Tỉnh lộ 102 (đi xã Tân Xuân)					
1	Từ cách ngã ba bản Nà Hiềng 200m đến đường lên trụ sở cũ UBND xã Xuân Nha	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ đường lên trụ sở cũ UBND xã Xuân Nha đến ngã ba đường rẽ vào Bản Tụn - Pù Lầu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ ngã ba đường rẽ vào Bản Tụn - Pù Lầu đến ngã ba đường rẽ vào bản Đông Tà Lào	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ ngã ba đường rẽ vào bản Đông Tà Lào đến ngã ba gần cầu Tân Xuân	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ ngã ba gần cầu Tân Xuân đến ngã ba đường rẽ vào bản Tây Tà Lào	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Từ ngã ba gần cầu Tân Xuân đến qua đường lên trụ sở UBND xã Tân Xuân 500m (đường đi bản Cột Mốc)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Từ qua đường lên trụ sở UBND xã Tân Xuân 500m đến hết đường bê tông bản Cột Mốc	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XIII	Tỉnh lộ 102: Từ ngã ba Pa Cốp đi bản Lũng Xá Tà Dê đến hết địa giới hành chính huyện Vân Hồ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XIII	Xã Chiềng Yên					
1	Từ Quốc lộ 6 mới đến đường Quốc lộ 6 cũ (qua bản Nà Bai)	2,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Trong phạm vi ngã ba trường trung học và tiểu học xã Chiềng Yên về 2 hướng 300m	2,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ cổng trụ sở UBND xã Chiềng Yên về 2 hướng 300m (trung tâm xã Chiềng Yên)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
4	Các đoạn đường khác thuộc Quốc lộ 6 cũ	3,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Đường du lịch xã Chiềng Yên (đi bản Phụ Mẫu)	3,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Đường tái cơ cấu: Từ Quốc lộ 6 cũ (bản Bồng Hà) đến tỉnh lộ 101 (xã Quang Minh)	3,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XIV	Đường trong khu trung tâm hành chính - chính trị huyện Vân Hồ (thuộc quy hoạch chung tỷ lệ 1/2.000 không bao gồm các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ)					
1	Đường đôi 31,5 m	4,0	4,0	4,0		
2	Đường 23,5m	3,0	3,0	3,0		
3	Đường 16,5 m	3,0	3,0	3,0		
4	Đường 13,5 m	3,0	3,0	3,0		
5	Đường 11,5 m và đường 9,5 m	3,0	3,0	3,0		
6	Các tuyến đường hiện trạng còn lại	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0
XV	Các loại đường khác còn lại đã được cứng hóa lớn hơn 3m	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0
XVI	Đất ở nông thôn thuộc các tuyến đường còn lại	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0

Phụ lục XI
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ VÀ ĐẤT Ở NÔNG THÔN HUYỆN BẮC YÊN
(Kèm theo Nghị quyết số 261/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh)

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ					
I	Đường 99					
1	Từ ngã ba Viện Kiểm sát đi đến hết đất Công an huyện	1,6	1,0	1,0	1,0	
2	Từ hết đất công an huyện đến hết đất nhà ông Công Dung	1,4	1,0	1,0	1,0	
3	Từ hết đất nhà ông Công Dung đến hết đất viễn thông	1,4	1,2	1,0	1,0	
4	Từ hết đất viễn thông đến suối Trắm	1,2	1,0	1,0	1,0	
5	Từ suối Trắm đến hết đất Hạt 2/37 giao thông	1,1	1,0	1,0	1,0	
6	Từ hết đất Hạt 2/37 giao thông đến suối Bạ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Từ ngã ba Viện Kiểm sát đến ngã ba đường đi xã Hồng Ngải	1,8	1,0	1,0	1,0	
8	Từ ngã ba đi Hồng Ngải đến hết đất nhà ông Phén	1,1	1,0	1,0	1,0	
9	Từ hết đất nhà ông Phén đến Suối Bẹ	1,0	1,0	1,0	1,0	
II	Phố A Phủ					
1	Từ ngã ba Thương nghiệp đến ngã ba Đồi nghĩa trang liệt sỹ	1,2	1,0	1,0	1,0	
III	Đường Phạm Ngũ Lão					
1	Từ ngã ba đường lên UBND huyện đến đất Trung tâm Chính trị (cũ)	1,2	1,0	1,0	1,0	
2	Từ đất nhà ông Dũng (Sở) đến hết đất nhà ông Đăng	1,3	1,0	1,0	1,0	
IV	Đường Tà Xùa					
1	Từ Viện Kiểm sát đến ngã ba đường rẽ đi Trung tâm y tế (Tỉnh lộ 112)	1,1	1,0	1,0	1,0	
2	Từ ngã ba đường rẽ đi Trung tâm y tế (Tỉnh lộ 112) đến cua tay áo cách bề nước 50m	1,6	1,0	1,0	1,0	
3	Từ hết cua tay áo cách bề nước 50m đến Suối Ban (Tỉnh lộ 112)	1,5	1,0	1,0	1,0	
V	Phố 1 - 5					
-	Từ ngã tư Phòng Giáo dục đến hết đất sân bóng trường THCS Lý Tự Trọng cũ	1,5	1,0	1,0	1,0	
VI	Đường 20/10					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
1	Từ nhà ông Hôm đến nhà ông Sơn Liên	1,5	1,0	1,0		
2	Từ ngã ba đường rẽ Huyện đội (đường vành đai) đến đường vào bệnh viện mới	1,6	1,0	1,0	1,0	
3	Từ đường vào bệnh viện mới đến ngã ba đường vào khu nhà ông Nhung	1,5	1,0			
4	Từ ngã ba đường vào khu nhà Ông Nhung (đường vành đai) đến ngã ba tiếp nối đoạn Quốc lộ 37	1,5	1,0	1,0	1,0	
5	Từ ngã ba Bến xe khách đến đất Huyện đội	1,5	1,0	1,0	1,0	
VII	Đường 3 - 2					
1	Từ ngã ba giáp đất nhà ông Dũng đến ngã tư cổng Phòng Giáo dục và Đào tạo	1,1	1,0	1,0	1,0	
VIII	Các tuyến đường khác					
1	Từ nhà ông Nhung đến ngã ba nhà ông Hặc đường vành đai hồ 2,3	1,8	1,0	1,0		
2	Đoạn từ Quốc lộ 37 đến hết đất trung tâm giáo dục lao động cũ	1,2	1,0	1,0	1,0	
3	Đoạn từ Quốc lộ 37 đến hết đất trung tâm giáo dục thường xuyên + 200m	1,1	1,0	1,0	1,0	
4	Từ ngã ba đường rẽ đi Trung tâm y tế (Tỉnh lộ 112) đến hết đường bê tông nối Quốc lộ 37	1,1	1,0	1,0	1,0	
5	Từ hết đất Trạm Khuyến nông cũ đi đến hết xóm Lâm Đồng thuộc Tiểu khu 1	1,2	1,0	1,0	1,0	
6	Đường bê tông từ cổng chợ thương mại đến hết nhà Bà Dung	1,1	1,0	1,0		
7	Đoạn đường bê tông từ hết đất nhà bà Dung đến trạm biến áp	1,0	1,0	1,0	1,0	
8	Từ ngã ba Hồng Ngải đến bãi đá Tổ hợp 20/10	1,0	1,0	1,0		
9	Từ ngã ba đường vành đai ngã ba vào bệnh viện mới + 300 m	1,0	1,0	1,0	1,0	
10	Từ đường A Phủ đi khu thể thao trung tâm văn hóa huyện đường bê tông	1,2	1,0	1,0	1,0	
11	Đường từ Tân Bắc Đa đến Quốc lộ 37	1,0	1,0	1,0		
12	Từ tỉnh lộ 112 đến xưởng mộc ông Thử (đường bê tông) Tiểu khu 2	1,1	1,0	1,0		
13	Các nhánh đường khác xe con vào được	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
14	Các nhánh đường khác xe con không vào được	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
I	Tuyến dọc Quốc lộ 37					
1	Từ suối Bẹ đến hết bản Cao Đa I	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ Cung giao thông cũ đến hết đất trường Tiểu học xã Song Pe	1,4	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ Cung giao thông giáp đất trường Tiểu học xã Song Pe đến trụ sở UBND xã Song Pe	1,2	1,2	1,2	1,0	1,0
4	Từ trụ sở UBND xã Song Pe đến hết đất cây xăng	1,8	1,2	1,2	1,0	1,0
5	Từ hết đất cây xăng đến cách cầu Tạ Khoa 50m	1,2	1,2	1,2	1,0	1,0
6	Từ cầu Tạ khoa +50m đến cua Pom Đồn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
7	Từ hết đất công sở mỏ Nikel đến cầu suối Pót	1,2	1,2	1,2	1,0	1,0
8	Từ cầu suối Pót đến nhà văn hóa bản Chẹn +500m	1,2	1,2	1,2	1,0	1,0
9	Từ suối Bạ đi hết đất Trụ sở xã Phiêng Ban + 200 m	1,2	1,2	1,2	1,0	1,0
10	Từ hết đất Trụ sở xã Phiêng Ban + 200 m đi hết đất nhà xây ông Lữ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
11	Từ hết đất nhà xây ông Lữ đi đến Cung bản Tân Ban	1,0	1,0			
12	Từ Cung bản Tân Ban đến Cầu Suối Sập	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
13	Đoạn đường vào UBND xã Tà Xùa đi về thị trấn theo hướng đường Tỉnh lộ 112 dài 300m	2,0	1,0	1,0	1,0	
14	Đoạn đường từ suối Ban dọc theo tỉnh lộ 112 đến đường vào UBND xã Tà Xùa	1,0	1,0	1,0	1,0	
15	Các vị trí còn lại dọc Quốc lộ 37	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
II	Tỉnh lộ 112 xã Tà Xùa					
1	Đoạn từ Cổng chợ đến nhà ông Trịnh Xuân Lộc theo tỉnh lộ 112 dài 400m	2,8	1,5	1,5		
2	Đoạn từ nhà ông Trịnh Xuân Lộc ngã ba tỉnh Lộ 112 - Háng Đồng dài 800m	2,5	1,2	1,2		
3	Đoạn tiếp giáp ngã ba tỉnh lộ 112 - Háng Đồng, theo tỉnh lộ 112 đi về phía xã Làng Châu 300m	2,0	1,2	1,2		
4	Đoạn từ Cửa gió xã Tà Xùa đến nhà ông Phong dài 500 m	1,8	1,2	1,2		
5	Đoạn từ nhà ông Phong đến Cua bể nước đầu nguồn Suối Cao thuộc bản Cáo A xã Làng Châu dài 500m	1,8	1,2	1,2		
6	Đoạn từ cổng Chợ đến giáp đất UBND xã Tà Xùa	2,5	1,2	1,2		

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
7	Đường bê tông từ UBND xã Tà Xùa đến nhà ông San	1,7	1,2	1,2		
8	Đoạn từ tiếp giáp tỉnh lộ 112 (khu xã) theo đường bê tông đến bản Tà Xùa C dài 800m	2,0	1,2	1,2		
9	Đoạn từ giáp đất UBND xã Tà Xùa đến đường nối 112 Tà Xùa C đường bê tông (đường vành đai)	2,2	1,2	1,2		
10	Đoạn từ đường 112 ngã ba rẽ Khe Cải đi lên bản Tà Xùa A (đường bê tông) đến ngã ba đi về hai hướng mỗi hướng 50m	2,0	1,2	1,2		
11	Đoạn từ ngã ba 112 đi hướng xã Háng Đồng dài 400 m	2,0	1,2	1,2		
12	Đoạn từ hết đất bản Tà Xùa A đi hết địa phận xã Tà Xùa theo đường Tà Xùa - Háng Đồng	2,0	1,2	1,2		
III	Xã Hồng Ngài					
1	Đoạn từ Cầu Hồng Ngài 2 đến nhà Văn Hóa bản Hồng Ngài	1,1	1,0	1,0		
2	Đoạn từ Cầu Hồng Ngài 2 đến ngã ba hướng đi bản Liếm Xiên dài 100m, và hướng đi bản Mới dài 50 m	1,0	1,0	1,0		
3	Đoạn tiếp 100 m đi Liếm Xiên đường đất đến ngã ba dài 150 m	1,0	1,0	1,0		
4	Đoạn từ trung tâm trường Phổ thông Dân tộc nội trú và bán trú THCS xã Hồng Ngài đi về 2 phía 200 m	1,1	1,0	1,0		
5	Đoạn từ mỏ đá tổ hợp 20/10 đến hết bản Mới	1,0	1,0	1,0		
IV	Xã Pắc Ngà					
1	Đoạn từ cổng trụ sở UBND xã theo đường ô tô đến đường vào khu tái định cư Nong Lương theo hướng đi bản Pắc Ngà	1,0	1,0	1,0		
2	Đoạn từ đường vào khu tái định cư Nong Lương đến hết nhà ông Minh qua bản Pắc Ngà	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Đoạn từ bản Bưóc đi qua khu tái định cư Nong Lương	1,0	1,0	1,0		
4	Đoạn từ cổng UBND xã đến hết bản Bưóc theo đường đi Mường La - Bắc Yên	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Đoạn từ bản Bưóc đến hết bản Nà Sài theo đường đi Mường La - Bắc Yên	1,0	1,0	1,0	1,0	
6	Đoạn từ trung tâm xã đến hết bản Nong Cóc theo trục đường Bắc Yên - Mường La	1,0	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
7	Đoạn từ bản Nong Cóc đến hết bản Lừm Thượng A, B theo trục đường Bắc Yên - Mường La	1,0	1,0	1,0	1,0	
V	Xã Chim Vàn					
1	Từ cổng trụ sở UBND xã Chim Vàn theo đường ô tô đi 2 hướng: đi Chim Hạ, đi bản Vàn dài 200m	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Dọc tuyến đường còn lại đến bản Vàn	1,0	1,0	1,0		
3	Đoạn từ bản Chim Hạ đến hết bản suối Tù	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Đoạn từ đầu bản Chim Thượng đến hết bản Nà Phán dọc theo đường bê tông	1,0	1,0	1,0	1,0	
VI	Xã Tạ Khoa					
1	Đoạn từ cầu tràn vào trụ sở UBND xã đi về 2 phía 200m	1,0	1,0	1,0		
2	Đoạn đường từ ngã ba suối Sắt đến hết bản Nhận Nọc dọc theo tuyến đường ô tô Mường Khoa - Tạ Khoa	1,0	1,0	1,0		
3	Đường từ bản Co Mỹ đến hết bản Nhận Cuông dọc theo tuyến đường ô tô Mường Khoa - Tạ Khoa	2,0	1,0	1,0		
4	Đoạn từ cầu Tạ Khoa (cách 50m) đến Suối Phát	1,0	1,0	1,0		
VII	Xã Chiềng Sại					
1	Từ trước cổng trụ sở UBND xã đến hết đất diện lực	1,0	1,0	1,0		
2	Từ cổng trường Mầm non đến hết đất khu tái định cư Tạng Tào Suối Quốc theo đường Sập Vạt - Chiềng Sại	1,0	1,0	1,0		
3	Từ ngã ba đường rẽ đi bản Quế Sơn đến hết bản Co Muồng theo đường Sập Vạt - Chiềng Sại	1,0	1,0	1,0		
4	Đoạn từ đường rẽ lên tượng đài nghĩa trang liệt sỹ đến hết bản Quế Sơn theo đường Co Muồng - Mỗm Bò	1,0	1,0	1,0		
VIII	Xã Phiêng Côn					
1	Từ cầu bản En đến cổng hợp đường đi bản Tăng	1,0	1,0	1,0		
2	Đoạn từ cổng đi bản Tăng đến hết khu xưởng ngô nhà ông Biện Hòa theo đường Sập Vạt - Chiềng Sại	1,0	1,0	1,0		
3	Từ cầu Bản Tăng đến hết trường tiểu học + 200m	1,0	1,0	1,0		

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
4	Đoạn từ nhà ông Neo đến hết kho ngô ông Đồn bản Nhèm theo đường Sập Vạt - Chiềng Sại	1,0	1,0	1,0		
IX	Xã Háng Đồng					
1	Từ cổng trụ sở UBND xã đi về hai hướng 150 m	1,0	1,0	1,0		
2	Đoạn đường từ bản Chung Chinh đến bản Háng Đồng B	1,0	1,0	1,0		
X	Xã Làng Chếu					
1	Đoạn từ ngã ba đi Xím Vàng đến cách trụ sở UBND xã 200m	1,0	1,0	1,0		
2	Đoạn từ Đài Truyền hình đến hết trạm Khuyến nông cũ + 200 m theo tỉnh lộ 112	1,0	1,0	1,0		
3	Đoạn từ ngã ba đi UBND đến hết bản Cáo B theo tỉnh lộ 112	1,0	1,0	1,0		
4	Các bản còn lại có đường giao thông nông thôn xe con đi được	1,0	1,0	1,0		
5	Các vị trí khác tại các bản còn lại có đường giao thông nông thôn xe con không đi được	1,0	1,0	1,0		
6	Từ đầu bản Làng Chếu đến nhà văn hóa bản Làng Chếu	1,0	1,0	1,0		
7	Từ ngã ba đường đi bản Làng Chếu đến đường đi bản Suối Lộng	1,0	1,0	1,0		
8	Từ ngã ba đường đi bản Làng Chếu đến đường vào bản Pang Khúa	1,0	1,0	1,0		
9	Từ trường tiểu học Làng Chếu đến trung tâm bản Trang Dưa Hang (khu 1,2)	1,0	1,0	1,0		
10	Từ ngã ba bản Suối Vàng đến bản Chim Púa	1,0	1,0	1,0		
XI	Xã Xím Vàng					
1	Cổng trụ sở UBND xã đi về hướng đông theo tỉnh lộ 112 đến khe cây suối cuối nhà Giàng A U	1,0	1,0	1,0		
2	Đoạn từ trụ sở UBND xã đến ngã 3 lên nhà trường Háng Chơ (Của Mang cũ) theo tỉnh lộ 112	1,0	1,0	1,0		
3	Từ ngã ba lên Bản Háng Chơ (Của Mang cũ) đến ngã ba đường rẽ đi ngàm suối Thống Lý Qua Ché	1,0	1,0	1,0		
XII	Xã Hang Chú					
1	Từ nhà Mùa Cang Sinh đến nhà ông Giàng A Tủa (đường lên bản Pá Đông)	1,0	1,0	1,0		

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
2	Các bản còn lại dọc theo tỉnh lộ 112 và đường giao thông nông thôn xe con đi vào được	1,0	1,0	1,0		
XIII	Xã Hua Nhàn					
1	Từ giáp đất Mai Sơn đi về phía Bắc Yên theo Quốc lộ 37 dài 500 m	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Trung tâm trụ sở UBND xã đi hai hướng dài 200m	1,0	1,0	1,0		
3	Đoạn từ đỉnh đèo Chẹn vào cách cổng trụ sở UBND xã 200 m	1,0	1,0	1,0		
XIV	Xã Mường Khoa					
1	Đoạn từ Quốc lộ 37 đi hết bản Pót	1,0	1,0	1,0		
2	Đoạn từ Quốc lộ 37 đi hết bản Chạng	1,0	1,0	1,0		
3	Đoạn từ Quốc lộ 37 đi hết bản Suối Tăng	1,0	1,0	1,0		
XV	Xã Phiêng Ban					
1	Đoạn từ Quốc lộ 37 đến điểm trường tiểu học Pu Nhi	1,0	1,0	1,0		
2	Đoạn từ điểm trường tiểu học Pu Nhi đến ao nhà ông Mùa A Tủa	1,0	1,0	1,0		
3	Đoạn từ ao nhà ông Mùa A Tủa đi hết đường vào bản Pu Nhi	1,0	1,0	1,0		

Phụ lục XII
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ VÀ ĐẤT Ở NÔNG THÔN HUYỆN PHÙ YÊN
(Kèm theo Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh)

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ					
1	Công Viên mừng 3/2					
1.1	Đi Bệnh viện đến hết đất ông Tăng	1,0	1,0	1,0		
1.2	Từ hết nhà ông Tăng đến hết đất bệnh viện	1,0	1,0	1,0		
1.3	Từ hết đất bệnh viện đến ngã tư rẽ vào Huy Bắc	1,0	1,0	1,0		
2	Đường 18/10					
2.1	Từ Công viên mừng 3/2 đến đường vào Hội trường trung tâm huyện	1,0	1,0	1,0		
2.2	Từ đường vào Hội trường trung tâm huyện đến ngã tư Truyền hình	1,0	1,0	1,0		
3	Đường Noong Bua					
3.1	Từ công viên mừng 3/2 tính từ nhà bà Hải Soái đến ngã tư đường rẽ vào Huy Bắc	1,0	1,0	1,0		
3.2	Từ ngã tư Huy Bắc (đài phun nước) đến đường vào Kim Tân (Quốc lộ 37)	1,2	1,0	1,0		
4	Khu đô thị công viên 2/9					
4.1	Các đường nhánh xung quanh công viên 2/9	1,2	1,0	1,0		
4.2	Các đường nhánh tiếp giáp với công viên 2/9	1,3	1,1	1,0		
5	Đường Phù Hoa					
5.1	Từ ngã tư Truyền hình đến giáp đất Công ty TNHH nhà nước một thành viên lâm nghiệp Phù Yên (Quốc lộ 37)	1,1	1,0	1,0		
5.2	Từ Công ty TNHH nhà nước một thành viên lâm nghiệp Phù Yên đến hết đất Cửa hàng xăng dầu (Quốc lộ 37)	1,0	1,0	1,0		
5.3	Từ hết đất Cửa hàng xăng dầu đến hết đất Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng giao thông II Sơn La (Quốc lộ 37)	1,1	1,0	1,0		
5.4	Từ hết đất Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng giao thông II Sơn La đến hết đất bà Ngợi	1,1	1,0	1,0		
5.5	Từ hết đất bà Ngợi đến hết đất Trạm cấp nước Phù Yên (Quốc lộ 37)	1,0	1,0	1,0		

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
6	Đường Nguyễn Công Trứ					
6.1	Từ siêu thị Dũng Hằng đến cầu suối Ngọt	1,0	1,0	1,0		
6.2	Tiếp từ cầu suối Ngọt đến hết đất nhà Hùng Sai	1,1	1,0	1,0		
7	Đường Mường Tắc					
7.1	Từ ngã ba Bệnh viện đi Quang Huy đến đầu cầu suối Ngọt	1,2	1,0	1,0		
7.2	Từ cầu suối Ngọt (trại giống lúa cũ) đến giáp nhà Hùng Sai	1,1	1,0	1,0		
8	Đường Tô Vĩnh Diện					
8.1	Từ công viên mừng 3/2 điểm từ nhà Thanh Sinh đi vào huyện đội đến hết đất nhà ông Thành Sâm	1,1	1,0	1,0		
8.2	Từ hết đất nhà Thành Sâm đến ngã tư chợ xã Huy Bắc	1,0	1,0	1,0		
9	Đường Võ Thị Sáu					
9.1	Từ đường Quốc lộ 37 đi vào Hội trường trung tâm	1,2				
9.2	Từ nhà Hùng Khuyên đi hết đất nhà ông Hồ Đăng Quang	1,1	1,0	1,0		
9.3	Từ nhà ông Hùng Khuyên đến tiếp giáp đường QL 37	1,1	1,0	1,0		
9.4	Từ hội trường Trung tâm huyện đi đến cổng Trung tâm chính trị huyện	1,1	1,0	1,0		
10	Đường nhánh khu chợ mới					
10.1	Từ nhà Sơn Hằng đi thẳng giáp đất nhà Vân Ninh đường vào cổng chợ	1,1	1,0	1,0		
10.2	Từ nhà Vân Ninh rẽ phải đến hết đất nhà Luân Dung	1,1	1,0	1,0		
10.3	Từ nhà Vân Ninh đi thẳng 30m rẽ phải đến giáp đất nhà Hùng Huyền	1,1	1,0	1,0		
11	Đường Lý Tự Trọng					
11.1	Từ ngã ba Trung tâm văn hoá huyện đến đầu cầu suối ngọt	1,0	1,0	1,0		
11.2	Tiếp từ cầu suối Ngọt đến hết đất nhà bà Hiền cổng trường THCS thị trấn cũ	1,1	1,0	1,0		
12	Đường Đinh Văn Tỷ					
-	Từ ngã tư Truyền hình đi đến hết đất nhà ông Hợi Dội	1,2	1,0	1,0		
13	Đường Vàng Lý Tả					
13.1	Từ ngã tư Truyền hình rẽ trái đến giáp trường Tiểu học Thị trấn	1,0	1,0	1,0		

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
13.2	Từ đất trường Tiểu học Thị Trấn đến suối Ngọt (hết đất ông Sỹ)	1,0	1,0	1,0		
13.3	Từ suối ngọt tiếp giáp đất ông Sỹ đến trạm cấp nước	1,0	1,0	1,0		
14	Đường nhánh Tiểu khu 2					
-	Từ nhà ông Thắng Sản rẽ phải đến nhà ông Đông Mỹ	1,1	1,0	1,0		
15	Đường Hoa Ban					
-	Đường ngã ba nhà Hà Thắm Cương đến ngã tư trường mầm non thị trấn cơ sở 1	1,2	1,0	1,0		
16	Đường Chu Văn An					
16.1	Từ ngã tư trường Mầm non thị trấn (cơ sở 1) rẽ trái đến đường nhựa đi Huyện đội	1,1	1,0	1,0		
16.2	Từ ngã tư trường Mầm non thị trấn (Cơ sở 1) rẽ phải đến hết Trường cấp I Thị trấn	1,1	1,0	1,0		
17	Đường nhánh tiểu khu 4, tiểu khu 5					
17.1	Từ trường mầm non thị trấn cơ sở 1 đi Huyện đội 50m rẽ trái đến hết đất Công ty Môi trường đô thị	1,1				
17.2	Từ ngã ba trụ sở Trung tâm dịch vụ nông nghiệp đi hết đất nhà bà Dung	1,0	1,0	1,0		
17.3	Từ ngã tư trường mầm non thị trấn cơ sở 1 rẽ phải tính từ nhà bà Sắc đến hết đất nhà ông Cung tiểu khu 5 (khối 7 cũ)	1,0	1,0	1,0		
17.4	Từ ngã tư trường mầm non thị trấn cơ sở 1 rẽ phải tính từ nhà bà Sắc đến hết đất nhà bà Hồng tiểu khu 5 (khối 8 cũ)	1,0	1,0	1,0		
17.5	Từ ngã tư trường mầm non thị trấn cơ sở 1 đi thẳng đến nhà Hòa Hạnh tiểu khu 4 (khối 6 cũ)	1,1	1,0	1,0		
18	Từ ngã tư truyền hình đi Quang Huy					
18.1	Từ ngã ba ông Hợi Đợi rẽ phải đến cổng trường THCS Thị trấn (cũ)	1,1	1,0	1,0		
18.2	Từ cổng trường THCS Thị trấn (cũ) đi chợ mới đến giáp đường Nguyễn Công Trứ	1,1	1,0	1,0		
19	Đường Quang Huy					
-	Tuyến đường từ ngã tư Mo 1 đi xăng dầu: Từ ngã tư nhà ông Hùng đến giáp nhà ông An Mo 1	1,1	1,0	1,0		

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
20	Đường Xuân Diệu					
-	Đường nhánh Quốc lộ 37 từ nhà Diêm đến hết đất nhà ông Cầm Vĩnh Chi	1,1	1,0	1,0		
21	Đường Phan Đình Giót					
-	Đường nội thị từ Quốc lộ 37 xuống trạm điện tiếp giáp với đường đi xăng dầu	1,2	1,0			
22	Xã Huy Bắc					
22.1	Đường vành đai Huy Bắc (từ đài phun nước ngã tư Huy Bắc đến ngã tư chợ Huy Bắc)	1,2	1,0	1,0		
22.2	Đường vành đai Huy Bắc: Từ trường TH và THCS Huy Bắc cũ đến tiếp giáp đường tiểu khu 4 (khối 6 cũ)	1,2	1,1	1,0		
22.3	Đường trục chính và đường nhánh xung quanh khu đô thị bản Phố, xã Huy Bắc.	1,1	1,1	1,0		
22.4	Đường bê tông từ ngã ba Kim Tân đi hết khu dân cư Kim Tân	1,0	1,0	1,0		
22.5	Đường bê tông từ trước cổng BCH Quân sự huyện Phù Yên nối vào đường vành đai Huy Bắc	1,0	1,0	1,0		
22.6	Đường bê tông tiếp giáp BCH Quân sự huyện Phù Yên rẽ phải đi tiểu khu 4 (khối 5 cũ) thị trấn Phù Yên	1,1	1,0	1,0		
23.7	Từ đường rẽ vào Kim Tân đến cổng trào tiếp giáp xã Huy Hạ	1,3	1,0	1,0		
23	Xã Quang Huy					
23.1	Đường Mường Tắc					
-	Từ nhà Hùng Sai đến giáp nhà ông Ánh (Ngân hàng)	1,2	1,0	1,0		
-	Từ nhà ông Ánh Ngân hàng đến hết đất nhà ông Lường - Ấng ao Noong Bua	1,2	1,0	1,0		
23.2	Đường Đinh Văn Tỷ					
-	Từ giáp đất ông Hoi Đợi đi Quang Huy đến ngã tư ông Ún	1,2	1,0	1,0		
-	Tuyến từ ngã tư ông Ún đi thẳng đến tiếp giáp đường Mường Tắc (đường Đinh Văn Tỷ kéo dài qua nhà ông Hiền)	1,2	1,0	1,0		
23.3	Đường Quang Huy					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Tuyến ngã tư ông Ún đi chợ mới: Từ nhà ông Ún đến nhà ông Hùng Sai giáp với đường nhánh Chợ mới	1,3	1,0	1,0		
-	Tuyến từ ngã tư ông Ún đi xăng dầu: Từ đất nhà ông An đến đất nhà ông Hoàng bản Mo 2	1,2	1,0	1,0		
-	Tuyến từ ngã tư ông Ún đi xăng dầu: Từ nhà ông Hoàng bản Mo 2 đến ngã ba xăng dầu	1,2	1,0	1,0		
23.4	Xã Quang Huy					
-	Đường khu đô thị hồ Noong Bua	1,4	1,3			
-	Tuyến đường xung quanh hồ Noong Bua, xã Quang Huy	1,2	1,2	1,0		
-	Từ trạm cấp nước Phù Yên đến cầu Nà Xá	1,2	1,2	1,0		
-	Đường Mường Tắc tiếp giáp Quốc lộ 37 đến ngã tư đường rẽ vào trụ sở UBND xã Quang Huy	1,3	1,2	1,0		
23.5	Đường Tạ Xuân Thu					
-	Đường khu đô thị Đông Phù Yên đến trường mầm non thị trấn cơ sở 2 (trường mầm non Hoa Hồng cũ)	1,2	1,0			
-	Đường từ ngã ba bản Mo 2 (Mo 4 cũ) đến hết trường mầm non thị trấn cơ sở 2 (trường mầm non Hoa Hồng cũ)	1,2	1,0	1,0		
23.6	Đường bê tông rộng từ 2,5m trở lên đường liên bản Mo 1, Mo 2, Mo Nghè 1, Mo Nghè 2, Tường Quang (trong quy hoạch đô thị)	1,2	1,1	1,0		
24	Các tuyến đường còn lại					
24.1	Đường trục chính Chợ thực phẩm	1,1				
24.2	Đường nhánh xung quanh Chợ thực phẩm	1,2				
24.3	Các tuyến đường còn lại xe con vào được (đối với đường bê tông) lớn hơn hoặc bằng 3m	1,1	1,1	1,0		
24.4	Các tuyến đường còn lại xe con vào được (đối với đường bê tông) nhỏ hơn 3,0m	1,1	1,1	1,0		
24.5	Các tuyến đường nhánh xe con vào được (đường đất)	1,1	1,1	1,0		
24.6	Các tuyến đường nhánh xe con không vào được	1,1	1,1	1,0		
25	Đường từ Quốc lộ 37 đi công viên 2/9 mở rộng (đường có mặt rộng 16,5m)	1,1	1,0	1,0		

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
26	Đường nhánh khu đô thị Đồng Đa (đường có mặt rộng 13,5m)	1,2	1,1	1,0		
27	Đường nhánh khu đô thị Đồng Đa (đường có mặt rộng 7,5m)	1,0	1,0	1,0		
28	Đường nội thị từ Quốc lộ 37 (từ nhà may Hòa Thuận) xuống tiếp giáp với đường Quang Huy (đường Xăng dầu)	1,2	1,0	1,0		
29	Các đường nhánh xe con không vào được (đất trong quy hoạch khu đô thị)	1,0	1,0	1,0		
30	Các đường bê tông rộng 2,5m trở lên đường liên bản Phố, bản Kim Tân (trong quy hoạch đô thị)	1,2	1,0	1,0		
31	Đường dọc Quốc lộ 37 đi ngã tư Huy Bắc (đài phun nước)	1,5	1,0	1,0		
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN					
B1	Đất ở tại khu dân cư ven đô, khu công nghiệp, đầu mối giao thông, trục đường giao thông, chính, khu thương mại, khu du lịch					
1	Xã Huy Bắc					
1.1	Tuyến từ chợ Huy Bắc đến hết đất nhà ông Cầm Văn Thứ (bản Suối Làng)	1,1	1,0	1,0		
1.2	Tuyến từ giáp đất nhà ông Cầm Văn Thứ đi qua Trụ sở UBND xã Huy Bắc (mới) đến hết đất nhà ông Dương hướng đi Phai Làng	1,1	1,0	1,0		
1.3	Tuyến từ ngã ba Trụ sở UBND xã Huy Bắc (mới) điểm từ bưu điện đến trạm biến thế (giáp cánh đồng) bản Nà Phái 1	1,1	1,0	1,0		
2	Đường Quốc lộ đi qua khu quy hoạch dân cư nông thôn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Đường Tỉnh lộ đi qua khu vực quy hoạch dân cư nông thôn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Đường huyện quản lý qua khu vực quy hoạch dân cư nông thôn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
B2	Đất cụm xã, trung tâm xã					
I	Xã Gia Phù					
1	Trung tâm ngã ba gia phù đi 3 hướng					
1.1	Đi Vạn Yên 200m (đến hết đất nhà ông Dự Nho)	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
1.2	Đi Vạn Yên từ mét 201 (đến nhà ông Việt Phố Mới xã Gia Phù)	1,2	1,2	1,0	1,0	1,0
1.3	Đi Bắc Yên 150m (đến hết đất nhà ông Thịnh Toàn)	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
1.4	Đi Phù Yên 150 m (đến cầu suối Bùa)	1,2	1,2	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
1.5	Từ mét 151 đến mét 441 (giáp Trạm Y tế)	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0
1.6	Từ nhà ông Thịnh Toàn đến cầu suối Hiền (bản Tạo)	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
2	Từ giáp Trạm Y tế đến cầu suối Công (từ mét 442 đến mét 1292)	1,1	1,1	1,1	1,0	1,0
3	Đường mở mới thị tứ Gia Phù, từ đất nhà bà Oanh đến tiếp giáp đường Quốc lộ 43 đi Vạn Yên	1,2	1,2	1,2		
4	Đường nội bộ khu dân cư bản Lá, xã Gia Phù đường có mặt cắt rộng 6,0m	1,0	1,0	1,0		
II	Xã Mường Cơi					
1	Trung tâm ngã ba đi 3 hướng					
1.1	Đi Phù Yên cách 150m	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
1.2	Từ mét 151 đến mét 291 (đường vào bản suối Bí)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
1.3	Đi Yên Bái 150 m	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
1.4	Đi Hà Nội 120 m	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ đường Quốc lộ đến cổng trường Trung học cơ sở Mường Cơi	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Đường nhánh đi UBND xã Mường Cơi	1,0	1,0	1,0	1,0	
III	Khu Xưởng chè					
1	Từ cổng xưởng chè đi 2 hướng					
1.1	Đi Hà nội đến cầu Xưởng chè	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
1.2	Đi Phù Yên cách 150m	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Ngã ba đường đi Tân Lang đi 2 hướng					
2.1	Đi Hà nội cách 100m	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
2.2	Đi Phù Yên cách 100m	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
2.3	Đi xã Tân Lang cách 100m	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
IV	Xã Mường Do (từ cổng trường THPT và THCS đi các hướng trong khu vực quy hoạch thị tứ mở rộng)					
1	Đi Phù Yên đến chân đèo Bụt	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Đi bản Lăn đến cửa hàng Thương Nghiệp	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Đi xã Mường Bang 200m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
4	Khu trung tâm thị tứ Mường Do trước nhà văn hóa cũ	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
V	Xã Huy Tân (Từ trung tâm đi 5 hướng)					
1	Từ ngã tư xã Huy Tân hướng đi bản Lềm 150m (TL 114)	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ ngã tư xã Huy Tân hướng đi bản Puôi 150m (TL 114)	1,2	1,1	1,1	1,1	1,1
3	Từ ngã ba tiếp giáp đường tỉnh lộ 114 hướng đi bản Chải Chải 150m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ ngã tư xã Huy Tân hướng đi xã Huy Thượng 150m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ ngã tư xã Huy Tân đến hết trường Mầm non hướng đi trường cấp I + II	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VI	Xã Mường Thái (Ngã ba Mường Thái đi 3 hướng)					
1	Đi Phù Yên cách 150m	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Đi Phù Yên từ 151 m đến đỉnh Đèo Ban	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Đi Hà Nội cách 150m	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Đi Hà Nội từ 151m đến giáp đất Mường Cơi	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Đi vào trụ sở UBND xã cách 150m	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
VII	Xã Tân Lang					
1	Từ tỉnh lộ 114 (ngã ba Sông Mưa) hướng đi ngã ba bản Diệt cách 100m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Tỉnh lộ 114 (ngã ba Sông Mưa) hướng đi suối Đi xã Mường Lang cách 100m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ cổng trường THPT Tân Lang đi hướng Sông Mưa 100m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
4	Từ cổng trường THPT Tân Lang đi hướng UBND xã 100m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
5	Từ cổng UBND xã Tân Lang đi đến cách cổng trường THPT Tân Lang 100 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
6	Từ cổng UBND xã Tân Lang đi hướng Quốc lộ 32 đến đồn công an Tân Lang cũ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
VIII	Xã Tân Phong (Từ trung tâm xã đi hai hướng)					
1	Từ nhà ông Đinh Văn Sáu đến hết đất nhà bà Đinh Thị Chung (Quốc lộ 43)	1,0	1,0	1,0		
IX	Xã Huy Hạ (Ngã ba Huy Hạ đi 3 hướng)					

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
1	Đi Sơn La đến đầu cầu bản Trò	1,2	1,2	1,0	1,0	1,0
2	Từ cầu bản Trò đến tiếp giáp xã Tường Phù (Quốc lộ 37)	1,2	1,2	1,0	1,0	1,0
3	Từ ngã ba Huy Hạ đến công chào tiếp giáp thị trấn Phù Yên (Quốc lộ 37)	1,2	1,2	1,0	1,0	1,0
4	Từ ngã ba Huy Hạ đến vị trí qua cổng trại giam Yên Hạ 150m hướng đi xã Huy Tường (TL 114)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
X	Xã Huy Thượng (ngã ba trước trụ sở Huy Thượng đi 3 hướng)					
1	Từ trung tâm ngã ba Huy Thượng đến cầu Đập Tràn (Quốc lộ 37)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ trung tâm ngã ba Huy Thượng hướng đi Hà Nội 300m (Quốc lộ 37)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ trung tâm ngã 3 Huy Thượng hướng đi Huy Tân 200m	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0
XI	Xã Tường Hạ					
1	Trụ sở UBND xã Tường Hạ đi Phù Yên 100m	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Trụ sở UBND xã Tường Hạ đến cầu bản Cóc 1	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0
XIII	Xã Tường Phù					
1	Trụ sở UBND xã Tường Phù đi Phù Yên 150m	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0
2	Trụ sở UBND xã Tường Phù đi Sơn La đến giáp đất Gia Phù	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
3	Từ tiếp giáp xã Huy Hạ đi đến Suối Khùm bản Đông	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
XIV	Xã Tường Thượng					
1	Trụ sở UBND xã Tường Thượng hướng đi Phù Yên đến tiếp giáp xã Gia Phù	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Trụ sở UBND xã Tường Thượng hướng đi Vạn Yên đến hết ngã ba rẽ bản Chượp (giáp cánh đồng)	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0
XV	Xã Suối Bau (ngã tư đỉnh đèo Suối Cáy)					
1	Từ thửa đất nhà bà Tách (bản Suối Cáy) đến hết thửa đất ông Mùa A Giồng (bản Suối Cáy)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Từ thửa đất nhà ông Đinh Văn Liệt đến hết thửa đất nhà ông Thào A Chìa (bản Nhọt 1)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
B3	Đất ở nông thôn còn lại tại địa bàn các xã thuộc huyện Phù Yên	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

Phụ lục XIII

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở CÁC XÃ THUỘC VÙNG NÔNG THÔN VÀ CÁC BẢN THUỘC PHƯỜNG TẠI THÀNH PHỐ CÓ ĐIỀU KIỆN NHƯ NÔNG THÔN*(Kèm theo Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh)*

STT	Địa bàn	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 (lần)
I	Đất ở thuộc địa bàn các xã của các huyện, thành phố	
1	Vị trí 1	1,0
2	Vị trí 2	1,0
3	Vị trí 3	1,0
II	Đất ở thuộc các bản tại các phường của thành phố có điều kiện như nông thôn	
1	Vị trí 1	1,0
2	Vị trí 2	1,0

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com